

ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

PGS.TS. NGUYỄN QUANG NINH

GIÁO TRÌNH

(Dành cho sinh viên khối Khoa học xã hội và nhân văn)

TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH A

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ - 2013

MỤC LỤC

PHẦN MỘT: LUYỆN KĨ NĂNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT	4
I. CHÍNH TẢ LÀ GÌ?.....	4
II. MỘT SỐ LỖI CHÍNH TẢ THƯỜNG GẶP.....	4
III. NGUYÊN TẮC CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT.....	6
IV. VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ	6
V. LUYỆN TẬP	12
PHẦN HAI: LUYỆN KĨ NĂNG DÙNG TỪ.....	21
I. TỪ VÀ TỪ VỤNG TIẾNG VIỆT	21
II. NHỮNG YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC DÙNG TỪ.....	27
III. THAO TÁC LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG TỪ.....	38
PHẦN BA: LUYỆN KĨ NĂNG ĐẶT CÂU	43
I. CÂU TRONG TIẾNG VIỆT.....	43
II. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC ĐẶT CÂU.....	50
III. CHỮA CÂU SAI	57
PHẦN BỐN: LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN.....	63
I. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN	63
II. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN CÓ CÂU CHỦ ĐỀ.....	70
III. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN THEO MỐI QUAN HỆ Ý NGHĨA	76
IV. LUYỆN TÁCH ĐOẠN VĂN VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN	85
V. LUYỆN RÚT GỌN VÀ MỞ RỘNG ĐOẠN VĂN	96
PHẦN NĂM: LUYỆN KĨ NĂNG TIẾP NHẬN VĂN BẢN	108
I. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN	108
II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN.....	120
III. TÓM TẮT VĂN BẢN.....	124
IV. TỔNG THUẬT CÁC VĂN BẢN KHOA HỌC	128
V. LUYỆN TẬP	135
PHẦN SÁU: LUYỆN KĨ NĂNG XÂY DỰNG VĂN BẢN	159
I. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VĂN BẢN	159
II. LẬP ĐỀ CƯƠNG VĂN BẢN	167

III. TRIỂN KHAI ĐỀ CƯƠNG THÀNH VĂN BẢN	176
IV. KIỂM TRA VÀ HOÀN THIỆN VĂN BẢN ĐÃ VIẾT.....	192
V. LUYỆN TẬP	192
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	207

PHẦN MỘT

LUYỆN KỸ NĂNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

I. CHÍNH TẢ LÀ GÌ?

Chính tả, hiểu theo nghĩa thông thường là "phép viết đúng".

Đúng ở đây là đúng với truyền thống sử dụng chữ viết được xã hội thừa nhận, đúng với bản thân hệ thống văn tự của một ngôn ngữ. Chính tả được xây dựng trên cơ sở của những quy định mang tính xã hội cao, được mọi người trong một quốc gia chấp nhận và sử dụng. Những quy định đó thường là thói quen trong thực tiễn sử dụng chữ viết của một dân tộc, hoặc cũng có thể là do những cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Bản chất của chính tả là sự phiên tiếng thành chữ, là hệ thống các quy tắc xác lập các phương thức để chuyển lời nói sang chữ viết. Mỗi ngôn ngữ có cách riêng trong việc phiên âm thành chữ, hay nói một cách khác, mỗi ngôn ngữ có một hệ thống chính tả riêng của mình. Ví dụ chính tả tiếng Việt, chính tả tiếng Nga, chính tả tiếng Anh, chính tả tiếng Trung Quốc,...

Nội dung của chính tả tiếng Việt bao gồm nhiều vấn đề, nhưng nổi lên là mấy vấn đề chính sau đây:

– Xác định cách viết đúng cho các từ ngữ theo quy tắc của hệ thống chữ viết tiếng Việt, đặc biệt là việc xác định cách viết thống nhất cho các từ có những cách phát âm giống nhau nhưng lại có cách viết khác nhau. Ví dụ: *dơ / giơ / zơ*.

– Xác định và thực hiện các nguyên tắc viết hoa, viết tắt. Ví dụ: viết *Hà Nội* hay viết *Hà nội*, viết *Italia* hay viết *I-ta-li-a*,...

– Cách phiên chuyển tên riêng nước ngoài, tên riêng các dân tộc thiểu số sống trên đất nước Việt Nam sang tiếng Việt. Ví dụ: viết *Krôngput* hay viết *Krông-pút*.

– Cách sử dụng các dấu câu. Ví dụ, viết "*Ngày xưa có vợ chồng ông lão đánh cá nghèo sống ở ven sông*", hay viết "*Ngày xưa, có vợ chồng ông lão đánh cá nghèo sống ở ven sông*".

Những vấn đề trên có thể được tìm hiểu và giải quyết riêng biệt nhưng cũng có thể được xem xét và giải quyết trong mối quan hệ lẫn nhau, nhất quán theo một số nguyên tắc nhất định.

II. MỘT SỐ LỖI CHÍNH TẢ THƯỜNG GẶP

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc mắc lỗi chính tả. Ngoài việc mắc lỗi do người sử dụng viết tùy tiện, cầu thả, chữ nọ xọ chữ kia,... các lỗi chính tả thường gặp có thể quy vào một số loại chủ yếu sau đây:

1. Mắc lỗi do không nắm vững chính tả

Nói một cách khác, lỗi chính tả ở đây là do người viết không nắm vững cách viết được coi là chuẩn, được xã hội thừa nhận mặc dù người viết có thể phát âm đúng. Người viết thường mắc lỗi trong các trường hợp sau:

– Lỗi về phụ âm đầu (khi cùng một âm có nhiều cách viết).

Ví dụ:

- + *gồ ghề* viết thành *ghồ ghề*
- + *ghê gớm* viết thành *ghê ghớm*
- + *nguyệt ngoạc* viết thành *nguyệt ngoạc*
- + *cạn kiệt* viết thành *kạn kiệt*

– Lỗi về phân vần (khi gặp những vần phức tạp).

Ví dụ:

- + *khuếch trương* viết thành *khuyếch trương*
- + *nguồn nghèo* viết thành *nguồn nghèo*
- + *quần quai* viết thành *quần quai*

– Lỗi do không nắm được quy tắc viết hoa.

Ví dụ:

- + *Nguyễn Thị Minh Khai* viết thành *Nguyễn thị Minh Khai*
- + *Điện Biên Phủ* viết thành *Điện biên Phủ*
- + *I-ta-li-a* viết thành *I Ta Li A*

2. Mắc lỗi do phát âm sai

– Phát âm sai phụ âm đầu dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *lo lắng* viết thành *no nấng*
- + *thể dục* viết thành *thể rục*
- + *rách nát* viết thành *dách nát*

– Phát âm sai phân vần dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *rượu chè* viết thành *riệu chè*
- + *hươu nai* viết thành *hiêu nai*
- + *kính coong* viết thành *kính cong*

– Phát âm sai thanh điệu dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *mĩ mãn* viết thành *mỉ mãn*
- + *vui vẻ* viết thành *vui vễ*
- + *hỗ trợ* viết thành *hộ trợ*

– Phát âm sai các chữ cái của phụ âm cuối hoặc lẫn lộn giữa các chữ cái của nguyên âm giữa dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *phốp pháp* viết thành *phốp phát*
- + *tan tác* viết thành *tang tác*
- + *cái đuôi* viết thành *cái đui*

III. NGUYÊN TẮC CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

Chữ Việt hiện đại được xây dựng trên cơ sở ghi âm. Vì vậy có thể nói nguyên tắc cơ bản của chính tả tiếng Việt là *nguyên tắc ngữ âm học*, nghĩa là phát âm như thế nào thì viết như thế nấy.

Tiếng Việt là thứ tiếng không biến hoá hình thái. Từ ở ngoài câu hay trong câu đều được đọc và viết giống nhau, không có sự khác biệt nào. Điều này làm cho chính tả tiếng Việt đã đơn giản lại càng trở nên đơn giản hơn, tiện lợi hơn đối với người sử dụng. Bởi vậy có thể nói rằng viết đúng chính tả tiếng Việt thực chất là viết đúng theo cách phát âm phổ biến của tiếng Việt dựa trên cơ sở ý nghĩa của từ.

Ví dụ:

– Khi ta nghe *lạc lõng* thì viết *lạc lõng* (không viết *nạc nõng*), khi ta nghe *dịu dàng* thì viết *dịu dàng* (không viết *dịu dàng*), khi ta nghe *uể oải* thì viết *uể oải* (không viết *uể ải*), khi ta nghe *no đói* thì viết *no đói* (không viết *lo đói*),... Vậy, viết đúng phân phụ âm đầu và phần vần của một tiếng là rất quan trọng.

– Khi ta nghe *dễ dãi* thì viết *dễ dãi* (không viết *dễ dãi*), khi ta nghe *mỹ nữ* thì viết *mỹ nữ* (không viết *mĩ nữ*),... Vậy, viết đúng thanh điệu của một tiếng cũng là điều quan trọng của chính tả tiếng Việt.

IV. VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ

A. ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT THƯỜNG

Vì nguyên tắc chính tả tiếng Việt là nguyên tắc ngữ âm học cho nên để viết đúng chính tả, vấn đề chủ yếu là *nghe như thế nào thì viết như thế nấy*. Tuy vậy, trên thực tế để viết đúng chính tả, chúng ta có thể dựa vào một số cơ sở khác như:

1. Dựa vào quy tắc chính tả

Để viết đúng chính tả cần phải học thuộc một số quy tắc. Dưới đây là một số quy tắc cần nắm vững:

a) **nh** và **ng**

– Viết **nh** khi đứng trước các nguyên âm **i, ê, e**, ví dụ:

nhì hoặc, nghề nghiệp, nghe ngóng, nghiêng ngả,...

– Viết **ng** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:

ngỡ ngàng, ngơ ngác, ngu tối, ngộ nguây, ngược mắt, ngắc ngứ,...

b) **gh** và **g**

– Viết **gh** khi đứng trước các nguyên âm **i, ê, e**, ví dụ:

ghi nhớ, gói ghém, bàn ghế, ghim nén,...

– Viết **g** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:

gà gô, lưng gù, gắm giữ, gò hàn, gòn gợn,...

c) **k, c** và **q**

– Viết **k** khi đứng trước các nguyên âm **i, ê, e**, ví dụ:

kín đáo, kim chỉ, kế hoạch, kể lễ, ê ke, cò kè, kiên trì, đao kiếm,...

- Viết **c** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:
co giãn, cơ hội, cay cú, cá mè, mặc cả, cuộc xéng, cô giáo,...
- Viết **q** khi đứng trước âm đệm, ví dụ:
quân đội, quân ca, quản lí, quá quắt, quanh co, đặc quánh,...

d) Âm đệm

- Viết **o** khi đứng trước các nguyên âm **a, ă, e**, ví dụ:
hoan hô, hoán vị, hoạn nạn, hoen ố, xoén xoét, xoăn,...
- Viết **u** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:
quán quýt, quân đội, lãng quên, tuần lễ,...

2. Dựa vào một số mẹo chính tả

a) Mẹo viết dấu hỏi (?) / ngã (~)

(1). Dùng mẹo "**Mình nên nhớ là viết dấu ngã**" để viết đúng hỏi ngã cho từ Hán Việt.

Đối với từ Hán Việt, nếu các tiếng bắt đầu bằng những phụ âm *m, n, nh, l, v, d, ng* (*ng*) thì viết dấu ngã (~). Điều này có nghĩa là khi gặp một từ Hán Việt, không biết viết dấu ngã hay hỏi thì ta sẽ viết ngã nếu từ đó có phụ âm đầu là: *m, n, nh, v, l, d, ng* (*ng*).

Ví dụ:

- Với **m**: *mẫu tử, mãi cảm, mĩ mĩn, mình mẫn, mẫn nguyện,.....*
- với **n**: *nỗ lực, truy nã, nữ tính, nữ công, noãn bào,...*
- Với **nh**: *nhẫn tâm, kiên nhẫn, nhãn hiệu, nhãn quan, nhiễm bệnh,...*
- Với **l**: *lão tướng, lễ phép, lỗ thời, lỗi lạc, lãn công, lãng tử, lễ nghi, truy lĩnh,...*
- Với **v**: *vững bền, vãng lai, vãn võ, vĩ nhân, uy vũ, võ công,...*
- Với **d**: *kiêu diễm, dũng mãnh, giáo dưỡng, dã sử, diểu võ, dữ kiện, dưỡng dục,...*
- Với **ng** (**ng**): *ngưỡng mộ, ngôn ngữ, ngữ hành, nghĩa khí,...*

Có thể dùng mẹo để nhớ các phụ âm đầu này: **mình (m) nên (n) nhớ (nh) là (l) viết (v) dấu (d) ngã (ng)**.

(2). Dùng mẹo "**Huyền ngã nặng, hỏi sao không sắc thuốc**" (Hay: **Chị Huyền mang nặng ngã đau, hỏi không sắc thuốc biết bao giờ lành**) để viết đúng dấu hỏi hay dấu ngã cho từ láy.

Đối với từ láy, các dấu thanh bao giờ cũng nằm cùng trong một nhóm:

huyền – ngã – nặng

không – hỏi – sắc

Theo mẹo này, trong từ láy, khi ta thấy còn băn khoăn không biết viết dấu hỏi hay ngã mà thấy tiếng kia đã là *không dấu* hoặc *dấu sắc* thì tiếng còn lại ắt phải là *dấu hỏi*.

Ví dụ:

- **Không – hỏi**: *run rẩy, lảng lơ, vợ vắn, nhỏ nhẹ, ủ ê,...*
- **Sắc – hỏi**: *mát mẻ, rả rích, gửi gắm, nhí nhảnh, ngổ ngáo,...*

Ngược lại, khi ta còn băn khoăn không biết viết dấu hỏi hay ngã mà thấy tiếng kia đã có dấu *huyền* hoặc *dấu nặng* thì tiếng còn lại ắt phải là *dấu ngã*.

Ví dụ:

– **Huyền – ngã**: *thần thờ, rõ ràng, âm ã, bì bõm, bầu bĩnh, đầy đà,...*

– **Nặng – ngã**: *quanh quẽ, rục rỡ, nũng nịu,...*

b) Mẹo viết phụ âm đầu **d/gi**

Sẽ viết **d** (mà không viết **gi**) khi đứng trước các vần *oa, oã, uâ, oe, uê, uy*.

Đối với từ Hán Việt, có thể dùng một số mẹo sau:

+ Dùng mẹo "**duỡng dục**" để viết **d**.

Nếu từ Hán Việt mang dấu *ngã (duỡng)* hoặc dấu *nặng (dục)* thì viết **d**. Ví dụ: *công diễn, dũng cảm, dĩ nhiên, dị dạng, dịch vụ, điện mạo,...*

– Dùng mẹo "**giảm giá**" để viết **gi**.

Nếu từ Hán Việt mang dấu *hỏi (giảm)* và dấu *sắc (giá)* thì viết **gi**. Ví dụ: *giảng văn, học giả, đơn giản, giả thuyết, gián tiếp, giá cả, giáo sinh, giới hạn,...*

c) Mẹo viết phụ âm đầu **ch/tr**

– Viết **ch** trong những trường hợp sau:

+ Từ chỉ quan hệ họ hàng, gia đình. Ví dụ: *cha, chú, chồng, chị, cháu, chắt, chít, chít.*

+ Từ chỉ đồ dùng thường gặp trong gia đình. Ví dụ: *chai, chảo, chậu, chõng, chum, chĩnh, chiếu, chăn, chổi, chày, chén.*

+ Từ chỉ ý phủ định. Ví dụ: *chưa, chẳng, chớ, chẳng.*

– Viết **tr** trong những trường hợp:

+ Từ chỉ ý không có sự che đậy. Ví dụ: *trần truồng, trống trải, trơ trọi, trần trụi, trùng trục, trống trơn, trọc lóc.*

+ Từ chỉ tính chất xấu. Ví dụ: *tráng tráo, trơ trẽn, trừng trộ, trợn trừng, trơ tráo, trơ trơ, tráo trợn.*

d) Mẹo viết phụ âm đầu **s / x**

– Viết **s** trong một số trường hợp sau:

+ Từ chỉ trạng thái tốt: *sáng suốt, sạch sẽ, sung sướng, sớm sửa, suôn sẻ, sốt sắng, sâu xa, sung túc,...*

+ Từ chỉ người, động vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên. Ví dụ: *sư, sãi, sứ thân; sên, sáo, sò, sếu; sim, sung, súng, sấu, si; sọt, siêu, sợi (dây); sấm, sóng, sao, sông, suối.*

– Viết **x** trong một số trường hợp sau:

+ Từ chỉ tên thức ăn: *xôi, xúc xích, xá xíu, Lạp xưởng,...*

+ Từ chỉ sự nhỏ đi, sút đi hoặc teo đi: *xì, xẹp, xóp, nhỏ xíu,...*

e) Mẹo viết vần **ăc / ăt** và **ăng / ản**

– Từ có vần **ăc** thường có nghĩa là chỉ sự lung lay, dao động. Ví dụ: *lúc lắc, ngắc ngoải, ngắc ngư, lắc xắc, ngúc ngắc, cà nhắc, tán sắc,...*

– Từ có vần **ăt** thường có nghĩa là cắt nhỏ, tách rời hoặc tóm giữ vật gì đó. Ví dụ: *cắt, chặt, hắt, ngắt, bắt, lắt nhắt, thắt, chắt lọc.*

– Từ có vần **ăng** thường có nghĩa là thẳng ra... Ví dụ: *băng, phăng, lẳng, căng, thẳng, phăng,...*

– Từ có vần **ăn** thường chỉ sự cuộn tròn, không thẳng. Ví dụ: *quần, xoắn, xoắn, quăn, quăn, loăn xoắn, nhẩn nhúm, nhẩn nheo, ngoằn ngoèo*.

Ngoài các vần trên, còn có một số vần khác cũng rất dễ nhầm nhưng nhìn chung các vần đó chỉ xuất hiện hạn chế ở một số từ, vì vậy chúng ta cần thuộc lòng. Ví dụ: vần: *ươp, ươu, ưt, ưi, ưm,...*

B. ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT HOA

1. Những trường hợp cần viết hoa

a) Viết hoa *tên riêng* của người, địa danh hoặc tên riêng của các tổ chức, các cơ quan đoàn thể.

Ví dụ:

Tóc này khác nào rừng dừa, lũy tre, ruộng lúa, bãi biển, khác nào những dòng sông Trà Khúc, Thu Bồn, những núi rừng Ba Tơ, An Khê, Kon Tum, Đắc Lắc.

(Anh Đức)

b) Viết hoa *chữ cái đứng đầu câu*:

– Sau dấu chấm.

Ví dụ:

Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một li sữa, ăn một cái kẹo.

(Theo Lí Lan)

– Sau dấu chấm than, dấu chấm hỏi.

Ví dụ:

Hỡi ôi, lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết. Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn.

(Nam Cao)

– Sau dấu gạch đầu dòng bắt đầu một lời thoại.

Ví dụ:

Tí và Sửu đi qua một đám ruộng bí. Tí chợt trông thấy quả bí to, nói rằng:

– Chà! Quả bí đâu mà to như thế kia !

S Sửu có tính hay nói khoác, cười mà bảo:

– Thế đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều...

(Quốc văn giáo khoa thư)

c) Viết hoa *chữ cái đứng đầu một dòng thơ*.

Ví dụ:

*Đất nước mình đây
Hai mươi năm mưa, nắng, đêm, ngày
Hành quân không mỏi,
Sung sướng bao nhiêu: tôi là đồng đội*

Của những người đi, vô tận, hôm nay.

(Chính Hữu)

d) Viết hoa với dụng ý tu từ.

Ví dụ:

– Bàn tay con nắm tay **Cha**

Bàn tay **Bác** ấm vào da vào lòng

(Tố Hữu)

– *Bác là người **Ông**. Bác là người **Cha**. Bác là nhà thơ. Bác là nhà triết học. Hoà bình ta có thể vẽ **Bác** buông cần câu trên một dòng suối thời gian. Nhưng bây giờ dựng tượng **Người**, ta sẽ dựng tượng Hồ Chí Minh. Người du kích Hồ Chí Minh. Vị tướng Hồ Chí Minh. Vị Tư lệnh. Người chỉ huy...*

(Chế Lan Viên)

2. Cách viết hoa

a) Tên riêng Việt Nam và tên riêng nước ngoài phiên qua âm Hán Việt

– **Tên người**

Tên người Việt Nam (gồm cả họ kép, tên kép, bút danh, tên tự, tên hiệu): viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

Tên đơn: *Thảo, Phương, Giang,...*

Tên kép: *Quý Thành, Quang Tuấn,...*

Tên tự, bút danh: *Tố Như, Thép Mới, Nam Cao, Tú Mỡ,...*

Họ kép + tên kép: *Trần Nguyễn Thuỷ Giang, Trần Hoàng Yến Hưng,...*

Họ + tên đơn: *Nguyễn Du, Lê Hoàn,...*

Họ + lót + tên đơn: *Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Thị Thảo,...*

Họ + tên kép: *Nguyễn Hoài Giang, Trần Hải Lâm,...*

Họ + lót + tên kép: *Phan Thị Thanh Nhàn, Trần Thị Yến Hưng,...*

Họ + tên hiệu: *Trần Hưng Đạo,...*

Tên người nước ngoài phiên qua âm Hán Việt: viết hoa như cách viết hoa tên riêng người Việt Nam. Ví dụ:

Mao Trạch Đông, Lí Quang Diệu, Đặng Tiểu Bình,...

Kha Luân Bố, Nã Phá Luân, Mã Khắc Tư, Tư Địa Lâm,...

– **Tên địa lí**

Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định,...

Bình Trị Thiên, Hà Nam Ninh, Cao Bắc Lạng,...

Đèo Khế, Cửa Ông, Mũi Ngọc, Hòn Gai,...

Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh, Hắc Hải,...

– **Tên cơ quan, đoàn thể, tổ chức...**

Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu tiên và các âm tiết đầu của các bộ phận tạo thành tên riêng (nếu có tên người, tên địa lí thì viết theo quy tắc viết tên người, tên địa lí Việt Nam ở trên).

Ví dụ:

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nhà xuất bản Giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Trường Tiểu học Chu Văn An
Hội Chữ thập đỏ thành phố Hà Nội
Nhà máy Cơ khí Gia Lâm
Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

b) Tên riêng nước ngoài

– Trường hợp phiên âm không qua âm Hán Việt (phiên âm trực tiếp, sát cách đọc): Đối với mỗi bộ phận tạo thành tên riêng, viết hoa chữ cái đầu và có gạch nối giữa các âm tiết (dấu gạch nối được viết sát vào hai chữ cái trước và sau nó, không có dấu cách).

Ví dụ:

Lô-mô-nô-xốp, Mát-xcơ-va, Bu-da-pét, Áp-ga-ni-xtan, In-đô-nê-xi-a,...

– Đối với tên tổ chức, cơ quan, đoàn thể nước ngoài: viết hoa theo quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức, đoàn thể Việt Nam (nếu có tên người hoặc tên địa lí thì viết hoa theo quy tắc tương ứng ở trên).

Ví dụ:

Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Nga
Trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va mang tên Lô-mô-nô-xốp

C. ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT TẮT

1. Dạng tắt

Dạng tắt là cách viết rút gọn của các từ ngữ (lưu ý: không được đọc như các từ thông thường).

Ví dụ:

H.T.X: đọc là hợp tác xã (không đọc *hờ tờ xờ*).

Đ.H.S.P: đọc là Đại học Sư phạm (không đọc là *đờ hờ sờ pờ*).

U.B.N.D: đọc là uỷ ban nhân dân (không đọc là *u bê ên dê*).

Trong dạng tắt lại có các cách ghi sau:

– Có thể ghi lại tất cả những chữ đầu của các tiếng.

Ví dụ:

T.T.X.V.N – Thông tấn xã Việt Nam.

Đ.H.T.H – Đại học Tổng hợp.

V.A.C. (có thể đọc là *vê a xê*) – vườn ao chuồng.

– Có thể chỉ ghi lại chữ đầu của tiếng thứ nhất trong từ nhiều tiếng. Ví dụ:

V.T.V (có thể đọc là *vê tê vê*) – Vô tuyến Truyền hình Việt Nam.

C.K.X (có thể đọc là *xê ca ích*) – chính trị, kinh tế, xã hội.

2. Từ tắt

Từ tắt là cách viết rút gọn của các từ ngữ sao cho có thể đọc được như những từ thông thường. Thông thường, từ tắt đó có đặc điểm cấu trúc như một âm tiết tiếng Việt.

Ví dụ:

VAC: Đọc là *vác* (vườn – ao – chuồng).

VIP (very important person): đọc là *víp* (nhân vật quan trọng).

Để thuận tiện cho việc phân biệt và sử dụng *dạng tắt* và *từ tắt*, chúng ta có thể đặt dấu chấm giữa các yếu tố tắt trong dạng tắt; còn giữa các yếu tố tắt trong từ tắt không cần dùng dấu chấm tách biệt từng yếu tố đó.

V. LUYỆN TẬP

1. Luyện viết ng / ngh, g / gh và âm đệm

Bài tập 1

Hãy giải thích vì sao các trường hợp dưới đây lại viết *ng / ngh*:

– *ngô, ngày, người, nga, ngân, ngủ, ngáy, ngon, ngoan, ngừng, ngưng, nguội, nguyên, nguyệt, nông, ngờ, ngát, ngậm, ngấm.*

– *nghệ, nghề, ghen, nghèo, nghênh, nghỉ, nghỉ, nghiêm, nghĩa, nghị, nghiên, nghìn, nghị, nghiệm số, nghĩa quân, nghị định, nghỉ tay.*

– *nghiệt ngã, nghiên ngập, nghịch ngợm, nghiêm ngặt, nghênh ngang, nghi ngờ, gốc, ghéch, nghề nông, nghi ngút, ghen ngào.*

Bài tập 2

Hãy giải thích vì sao các yếu tố dưới đây lại viết *g / gh*:

– *nhà ga, con gà, gạ gẫm, gả bán, gan góc, gác lửng, gạch hoa, gánh vác, gây gỗ, gáp gáp, gân gùi, gầy còm, gây chuyện, gầy gọn.*

– *di ghẻ, ghe thuyền, ghen ghét, ghi chép, ghìm nén, ghi âm, ghé tựa, ghéch mõm, lấp ghép, ghi chặt, trêu gheo.*

Bài tập 3

Hãy giải thích vì sao âm đệm trong các chữ dưới đây khi viết *u*, khi lại viết *o*:

– *quân đội, quán quân, quăn queo, quê quán, quyết chiến, thuyền chuyển, quyền lợi, quấy quá, quý mến, quyền quý.*

– *loanh quanh, ngoay ngoáy, hân hoan, hoạn nạn, hoán vị, xoén xoét, xoắn xuýt, loằng ngoằng, ngoan ngoãn.*

Bài tập 4

Hãy giải thích vì sao các trường hợp dưới đây lại viết *c / k / q*:

– *ca hát, cái ca, con cò, chim cú, cách biệt, cách mạng, can đảm, cọ xát, cãi lộn, cạn chén, cạm bẫy, cao kiến, cung cấp.*

– *kè nhè, kẻ cả, kem que, kèm nhèm, kém cạnh, kèo nhèo, kẹo kệt, keo cú, kế thừa, kênh càng, kếch xù, kết thúc, kêu nài, kêu van.*

– *qua lại, quả tang, quá bán, quá chừng, quái ác, quái vật, quan hệ, quán triệt, quản lí, quang quẻ, quảng cáo, quạnh quẽ, quắc thước.*

2. Luyện viết tr / ch

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai *tr / ch* trong các từ ngữ dưới đây:

<i>chài lưới</i>	<i>chanh chắp</i>
<i>chống trái</i>	<i>chà chọn</i>
<i>chiến tranh</i>	<i>trong tróng</i>
<i>trung thủy</i>	<i>chấn giữ</i>
<i>chân thật</i>	<i>trù trừ</i>
<i>con chai</i>	<i>trách cứ</i>
<i>trẻ chung</i>	<i>trạnh lòng</i>
<i>trung cuộc</i>	<i>trình phu</i>
<i>trung thủy</i>	<i>chinh nữ</i>
<i>trà đạp</i>	<i>chưng dụn</i>

Bài tập 2

Điền *tr / ch* vào chỗ trống.

<i>thủy ...ung</i>	<i>trà ...ộn</i>
<i>...ọc phú</i>	<i>...à đạp</i>
<i>...ân tình</i>	<i>điểm ...ọng yếu</i>
<i>vượt ...ùng dương</i>	<i>con cá ...ắm</i>
<i>cái ...õng tre</i>	<i>...êu tức</i>
<i>...anh vẽ</i>	<i>...âm ọc</i>
<i>bán ...ịu</i>	<i>chân ...ừ</i>
<i>...ợ cấp khó khăn</i>	<i>...uyện ngắn</i>
<i>nặng ...ũ</i>	<i>đã ...úng tuyển</i>
<i>bao ...ùm</i>	<i>dây ...uyên</i>
<i>nói ...uyện</i>	

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

– Có mở đầu bằng: **tr**

– Có mở đầu bằng: **ch**

Bài tập 4

Đọc phân biệt *tr / ch* trong đoạn văn sau:

Trong sới chọi, đôi trâu khoẻ ngang sức đang lờ miếng, bỗng hai cặp sừng rập vào nhau phát ra một tiếng kêu chát chúa làm người xem chọi cả tai. Chúng quần nhau làm bụi cuốn mù mịt. Thật là một khát cân xứng. Bỗng con trâu Đồ Hải giở miếng "cáng". Con trâu Đồ Sơn chuyển thế đứng dọc, chân trước khuyu xuống đỡ đòn như

một võ sĩ nhà nghề lão luyện. Rồi nó trả đũa bằng một tiếng đánh tạt ngang hiểm hóc, mang lại kết quả bất ngờ là con Đô Hải bị toác đầu rất nặng. Giữa tiếng reo hò náo nhiệt của vòng người xem đông nghìn nghịt, con Đô Hải đã ở vào thế thua, muốn lảng ra. Nhưng con Đô Sơn chưa chịu buông, bổ tới chặn đường rút của đối thủ, lừa đối thủ vào sới chọi định tiếp tục đòn chí mạng.

(Đào Vũ)

3. Luyện viết l / n

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai l / n trong các từ ngữ dưới đây:

vùng lụt nội	lò lung vôi
không nói nên lời	lập lên
thật náo xược	trèo nên cây bưởi
no liệu cơm nước	liềm vui to nón
thật là đáng no sợ	lỗi niềm
lở ra cuộc tranh luận	lăm mươi ngày
lôn thốc lôn tháo	lương nhờ cửa Phật
đã lên người	

Bài tập 2

Điền n / l vào chỗ trống:

- trên những ...ẻo đường chiến tranh
- ...iên tiếp giành được thắng... ợi
- mua được miếng thịt ...ạc
- ăn ...ăn hối ...ổi
- làm ...ên sự nghiệp lớn
- vì thế cho ...ên

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

- Có mở đầu bằng: **l**
- Có mở đầu bằng: **n**

Bài tập 4

Đọc phân biệt l / n trong đoạn văn sau:

Dãy hàng lợn, người mua người bán phát vào tay nhau bèn bẹt để trả giá. Những con lợn nằm trong rọ, bị trói chặt bốn chân nằm tơ lơ trên mặt đất bẩn thỉu, những con nái sẽ phơi hai hàng vú như hai hàng khuy trên chiếc áo nhem nhuốc, những chú lợn con kêu ré lên như bị chọc tiết, tất cả cái đám súc vật thảm hại ấy chẳng phù hợp chút nào với không khí mua bán hừng hực, những giọng quát tháo, những bộ mặt đỏ gay với những đôi mắt lác lác. Nhưng cái thói quen mua bán lợn như vậy đã có hàng trăm năm nay rồi, ở chợ làng tôi cũng như ở các chợ khác trong toàn vùng đồng bằng, thành thử người ta cứ vậy mà theo, chẳng bao giờ nghĩ là nó cần thiết hay không. [...] Tôi ngắm nhìn không biết bao

nhiều cuộc mua bán nơi chợ làng và thấy rằng người đi chợ, cả người mua lẫn người bán, hai bên liền đeo lên cho mình một cái mặt nạ. Nhưng khi cuộc mà cả chấm dứt thì họ liền quăng ngay cái mặt nạ xuống đất và cười với nhau một cách hồn nhiên như những đứa trẻ. Thì ra, cái mặt nạ nào cũng vướng víu.

(Vũ Thư Hiên)

4. Luyện viết s / x

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai s / x trong các từ ngữ dưới đây:

<i>sé rách tờ giấy</i>	<i>tóc sũa trước trán</i>
<i>nâng cao năng xuất</i>	<i>xợi dây xích</i>
<i>đẩy mạnh suất khẩu</i>	<i>nói xen vào</i>
<i>dư luận xôn xao</i>	<i>quanh quẩn số nhà</i>
<i>xa cơ lỗ vận</i>	<i>ăn gió nằm xương</i>
<i>thật là xáng dạ</i>	<i>con chim xáo</i>
<i>ngã xấp mặt</i>	<i>xóng to gió lớn</i>
<i>sức khỏe xuy xụp</i>	

Bài tập 2

Điền s / x vào chỗ trống.

- không nên ...oi mới chuyện của người khác
- gây ...ích mích là không tốt
- bị thua lỗ ...iêng liếng
- đừng đùa cợt bôm ...om
- không ...ờ vào hiện vật
- những suy nghĩ thật ...ắc ...áo
- thấy ...ao ...uyến trong lòng

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

- Có mở đầu bằng: s
- Có mở đầu bằng: x

Bài tập 4

Đọc phân biệt s / x trong đoạn văn sau:

*Các em, hôm qua chúng ta viết bài làm văn: **Tan học về**. Bài lần này kết quả ra sao? Chúng ta xem xét hai con số sau sẽ rõ. Lớp chúng ta có 50 người, viết về việc tan học về dọc đường đã quên mình nhảy xuống nước cứu em bé chẳng may bị sa chân ngã có tới 20 người, viết về việc nhặt được túi tiền nộp cho công an có tới 21 người. Các em hãy xem, làm gì có tới chừng ấy em bé nhằm vào lúc tan học về để ngã xuống nước cho các em xông vào cứu? Dọc đường làm gì có ngân ấy túi tiền cho các em cúi xuống nhặt? Thầy sống bằng này tuổi rồi mà trên đường đến trường hay về nhà, sao chẳng có được cái may mắn như các em, không một lần nhặt được túi tiền?*

5. Luyện viết r / d / gi

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai r / d / gi trong các từ ngữ dưới đây:

<i>dác dưới bờ bãi</i>	<i>trống rong cờ mở</i>
<i>vấn đề thật rắc rối</i>	<i>củ giông giềng</i>
<i>đổi như tơ vò</i>	<i>tiếng trống róng dả</i>
<i>tự nguyện tự dác</i>	<i>che dấu tội lỗi</i>
<i>dọng nói riu ràng</i>	<i>không nên dấu điểm</i>
<i>dành cho trẻ em</i>	<i>để rành để rụm</i>
<i>tranh dành đất đai</i>	<i>con dun đất</i>
<i>phận trời dun dủi</i>	

Bài tập 2

Điền r / d / gi vào chỗ trống.

- con ...un xéo lắ*m* cũng quầ*n*
- ðừng có mà ...â*y* ðu*a*
- xui nguyê*n* ...u*c* bị
- thúc ...u*c* mọi người ði nhanh
- ...ú*t* ...â*y* ðo*ng* rừ*ng*
- người nào cũng rét ... un cầ*m* cậ*p*

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

- Có mở đầu bằng: **r**
- Có mở đầu bằng: **d**
- Có mở đầu bằng: **gi**

Bài tập 4

Đặt câu với từng từ cho sẵn dưới đây:

- rò, dò, giò
- rong, dong, giông
- rương, dương, giương

Bài tập 5

Đọc phân biệt r / d / gi trong đoạn văn sau:

*Gió bắt đầu thổi mạnh. Bỗng cơn dông ùn ùn thốc tới. Mây ở đâu từ dưới rừng xa ðùn lên ðen sì như núi, bao trùm gần kín cả bầu trời. Gió thổi ngày càng mạnh, ầm ầm ù ù. Cây ða cổ thụ, cành lá rậm xum xoà ðang quầ*n* lên vạt xuống. Trời mỗi lúc một tối sầm lại. Vũ trụ quay cuồng trong cơn gió mãnh liệt. Những tia chớp xé rạch bầu trời ðen kịt, phát ra những tiếng nổ kinh thiên ðộng ðịa.*

(Đoàn Giỏi)

Bài tập 6

Tìm 10 từ trong đó có tiếng:

– gia (ví dụ: gia đình)

– ra (ví dụ: ra vào)

– da (ví dụ: da thịt)

6. Luyện viết các vần khó

Bài tập 1

Chữa lại các chữ viết sai trong những từ ngữ dưới đây:

<i>bệnh tình thuận giảm</i>	<i>chữ viết nguệch ngoạc</i>
<i>vịt kêu quang quác</i>	<i>que củi cong qeo</i>
<i>quanh co khúc khủ</i>	<i>huyền hoang khoác lác</i>
<i>ăn nói huên thuyên</i>	<i>cười nói ngoen ngoẻn</i>
<i>chữ viết nguệch ngoặc</i>	<i>đường đi ngoành ngoèò</i>
<i>đầu óc chuyển chuang</i>	<i>khuyếch chương thanh thế</i>

Bài tập 2

Hãy tìm:

– 10 từ có vần *uyên*.

– 10 từ có vần *uyêt*.

– 10 từ có vần *ươc*.

– 10 từ có vần *ươt*.

– 10 từ có vần *oăn*.

– 10 từ có vần *oắt*.

– 10 từ có vần *ươi*.

– 10 từ có vần *ươu*.

– 10 từ có vần *oac*.

– 10 từ có vần *oat*.

Bài tập 3

Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

– Mặt nhìn mặt càng thêm tươi

Bên lời vạn phúc bên lời hàn....

– Hài vẫn lân bước dặm xanh,

Một vùng như thể cây..... cành dao

– Cửa ngoài vội rủ rèm the

Xăm xăm băng lối vườn một mình

– Nhật thừa gương giọt dầu cành,

Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt.....

– Đoạn trường thay lúc phân kì !

Vó câu khấp bánh xe gập.....

Bài tập 4

Điền vần thích hợp vào chỗ trống.

gà kêu quang q....

dốt đ... cán mai

bắn kh... lo lắng

chạy loăng q...

t... đất, t... vàng

kh... trương thanh thế

con đường khúc kh...

thắt lưng b... bụng

chạy cuống c...

no ph... bụng

đau q... bụng

cành lá xum x...

làm lưng quần q...

lam lũ q... năm

ướt lướt th...

không chịu q... gối

chóp loăng ng...

mặt mũi lem l...

say lướt kh...

r... chè be bát

Bài tập 5

Trong số những từ dưới đây, hãy gạch chân những từ viết sai vần:

*con mương – tấm gương – tương trái – say khước – tóm lướt – ngọt đãi – rắn nứt –
hoa thướt dượt – cái phướng – phưỡng phệ – sóng buồn tuông – quét liệt – trân tráo – xanh
biêng biết – khóc lóc thống thiếc – ngắt nguểu – nguyệtch ngoạch – dai ngoắt – bước
ngoạch – ăn nói quá quách – xây dựng thành quách – dáng linh khuyính – con ngoá ộp – hũ
riêu – nằm sóng sược – rác rườu – ngúng ngoẩy*

Bài tập 6

Hãy đọc rồi viết lại đúng các tiếng dưới đây:

– **ăng**: bãng, cãng, chãng, ngoàng, nhãng, rãng, quãng, vãng, quặng, rặng.

– **ăp**: chắp, cắp, nhắp, quắp, cắp, quắp, đắp, ắp, tắp, thắp.

– **ăt**: bắt, cắt, oắt, phắt, vắt, chắt, ngắt, ngoắt, vắt, ngắt, oắt, thoắt, khắt.

– **âc**: bác, cắc, gắc, nắc, ngắc, tắc, xắc, bắc, chắc, giắc, nhắc.

– **oong**: loong koong, kính koong, ba toong, nôi soong, chòong.

– **ooc**: coóc, moóc, soóc, phoóc.

– **uop**: cuóp, muóp, tuóp, chutóp, nưóp.

– **uou**: hươu, bướu, khươu, rươu.

7. Luyện viết dấu thanh và viết hoa đúng quy tắc

Bài tập 1

Hãy đánh thanh hỏi (?) / thanh ngã (~) vào các tiếng sau sao cho phù hợp nghĩa:

mi man

đại biểu

từ ngư

sắc sao

ngheñh ngẫng

đung đĩnh

san se

bụ bâm

cu nát

trai tre

lõng bong

cửa ngõ

chậm trê

bao táp

đình đạc

trong treo

đằng đẵng

đơ đầu

trống trai

bây chuột

tục ngư

<i>đur dôi</i>	<i>lồm bồm</i>	<i>chính phu</i>
<i>bừa bai</i>	<i>cống ranh</i>	<i>phô thông</i>
<i>bầu binh</i>	<i>hoa bươi</i>	<i>nghiêng nga</i>

Bài tập 2

Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống.

- Vừa chạy đã thở ... hển
- không được ăn chơi phè ...
- chỉ nghe được ... bồm
- đôi bủn ... cả chân tay
- đi đứng trông thất ...
- con lợn béo mũm ...
- ngã ... người ra
- được nhận giải ...

Bài tập 3

Hãy giải thích các trường hợp được viết hoa dưới đây:

*Doanh trại bình lên hội đuốc hoa,
Kìa em xiêm áo tự bao giờ,
Khèn lên man điệu nàng e ấp,
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy,
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ.*

(Quang Dũng)

Bài tập 4

Hãy giải thích những trường hợp viết hoa được dùng trong đoạn thơ sau:

*Vui sao một sáng tháng Năm
Đường về Việt Bắc lên thăm Bác Hồ.
Suối dài xanh mát nương ngô
Bốn phương lồng lộng Thủ đô gió ngàn.
Bác kêu con đến bên bàn
Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ.*

(Tố Hữu)

Bài tập 5

Chữa lại những trường hợp viết hoa không đúng:

- Lê hồng Phong, Trần Phú, Nguyễn văn Huyền, Lê Thánh tông, Quang Trung, Hưng đạo vương.
- Các mác; Ăng-Ghen; Giu-li-út Phu-xích
- Hà Nội, Đà nẵng, Hải Phòng, Nha trang, Cần thơ, An Giang.
- Mạc-Tư-Khoa, Bắc Kinh, Plây-Cu, In Đô Nê Xi A.

Bài tập 6

Chữa lại những trường hợp viết hoa không đúng quy tắc.

- *Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà*
- *quốc hội nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa*
- *Bộ Giao thông vận tải*
- *Viện khoa học Công nghệ và Môi trường*
- *Viện Nghiên cứu Máy*
- *Trường Tiểu học Đống Đa*
- *Trường phổ thông trung học Chu văn An*
- *Xí nghiệp đóng tàu bạch đằng*
- *Công ti trách nhiệm hữu hạn Trần Phương*
- *Hội Phụ nữ Việt Nam*
- *Hội sinh viên Việt Nam*
- *Trường đại học Sư Phạm mang tên Lê Nin*
- *Trường đại học Nông nghiệp Hô-xê Mác-ti*

PHẦN HAI

LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ

I. TỪ VÀ TỪ VỤNG TIẾNG VIỆT

1. Từ tiếng Việt

Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, là vật liệu chủ yếu để tạo câu, để xây dựng lời nói.

Từ là một tín hiệu ngôn ngữ bao gồm hai mặt: mặt *hình thức* (âm thanh, chữ viết) và mặt *nội dung* (nghĩa, ý nghĩa). Từ có tính độc lập về mặt ngữ pháp, nghĩa là từ có thể hoạt động độc lập trong câu. Từ được sử dụng một cách nguyên vẹn, hoàn chỉnh trong mọi lời nói khác nhau. Từ là một đơn vị có sẵn trong ngôn ngữ.

Ví dụ, từ *mặt trời* được dùng nguyên vẹn, hoàn chỉnh, không thay đổi trong những cấu tạo câu khác nhau:

– Ngày ngày **mặt trời** đi qua trên lăng
Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ.

(Viễn Phương)

– **Mặt trời** đến mỗi ngày như khách lạ
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn

(Chế Lan Viên)

– **Mặt trời** của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

(Nguyễn Khoa Điềm)

– Kìa **mặt trời** Nga bùng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt

(Chế Lan Viên)

a) Xét về mặt *cấu tạo*, tiếng Việt có từ *đơn* và từ *phức*. Trong từ phức lại chia nhỏ ra thành từ *ghép* và từ *láy*.

Ví dụ:

– nhà, cửa, cây, hoa, quả: từ *đơn*.

– học sinh, thầy giáo, ăn nói, tốt đẹp, long lanh, nhí nhảnh, lơ mơ: từ *phức*.

Trong số các từ phức này, ta lại có thể chia ra:

+ học sinh, thầy giáo, ăn nói, tốt đẹp: từ phức *ghép*, gọi tắt là từ *ghép*.

+ long lanh, nhí nhảnh, lơ mơ: từ phức *láy*, gọi tắt là từ *láy*.

b) Xét về mặt *số lượng nghĩa*, từ được chia thành từ *một nghĩa* và từ *nhiều nghĩa*. Trong từ nhiều nghĩa lại chia ra thành *nghĩa chính* và *nghĩa chuyển*.

Ví dụ:

– bàn, xe đạp: từ *một nghĩa*.

– ăn, chín: từ *nhiều nghĩa*.

Từ *chín* có một số nghĩa như sau:

- (1). (*quả, hạt, hoặc hoa*) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon ngọt.
- (2). (*thức ăn*) nấu nướng đến mức ăn được.
- (3). (*sự suy nghĩ*) ở mức đầy đủ để có thể hành động có hiệu quả.
- (4). (*màu da mặt*) đỏ ửng lên.

Trong những nghĩa này, nghĩa (1) được gọi là *nghĩa chính*. Đó là nghĩa xuất hiện đầu tiên của từ. Những nghĩa (2), (3), (4) còn lại là những *nghĩa chuyển*. Đó là những nghĩa xuất hiện sau nghĩa chính.

c) Xét về mặt *quan hệ âm và nghĩa*, từ được chia thành: từ *đồng âm*, từ *đồng nghĩa*, từ *trái nghĩa*.

Ví dụ:

- đá (hòn đá), đá (đá bóng): *đồng âm*.
- hổ, beo, hùm, chúa sơn lâm: *đồng nghĩa*.
- tốt / xấu, nóng / lạnh, khóc / cười, sống / chết: *trái nghĩa*.

d) Xét về mặt *nguồn gốc*, từ được chia thành từ *thuần Việt* và từ *mượn*.

Ví dụ:

- nghèo, khoẻ, túng, sông, núi: *từ thuần Việt*
- quốc ca, thủy triều, gia sư, mít tinh, bôn sê vích, xà phòng: *từ mượn*.

Những yếu tố Hán được mượn dùng trong tiếng Việt gọi là từ Hán Việt.

e) Xét về mặt *phạm vi sử dụng*, từ được chia thành từ *toàn dân* và từ *địa phương*.

Ví dụ:

- nhà, cửa, trâu, bò, lợn, gà, bát, chén, ra, vào, lên, xuống: *từ toàn dân*.
- heo, hộp quẹt, li, vô rúa: *từ địa phương*.

g) Xét về mặt *phong cách*, từ được chia ra thành từ *đơn phong cách* và từ *đa phong cách*.

Ví dụ:

- phương trình, ẩn số, đại lượng, tích phân, vi phân: *từ đơn phong cách*.
- giường, tủ, vườn, cây; suy nghĩ, hành động; tốt, xấu: *từ đa phong cách*.

Để có kỹ năng sử dụng từ, ta không thể không biết tới những hiểu biết trên đây.

2. Từ vựng tiếng Việt

Từ và các đơn vị tương đương với từ lập thành kho từ vựng của một ngôn ngữ. Các đơn vị tương đương với từ gồm: *thành ngữ* và *quán ngữ*.

– *Thành ngữ* là những tập hợp từ mang tính cố định, tạo thành một chỉnh thể, có ý nghĩa chung khác với nghĩa của từng yếu tố tạo thành và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu.

Ví dụ:

+ *Chúng nó lâu nay xa nhà, buồn mồm buồn miệng, nói năng lém tém, nghe nó thì **đổ thóc giống ra mà ăn đấy ạ**.*

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

+ Có một số người khác vì không muốn bị phản ứng nên cũng giữ thái độ **mũ ni che tai** không đấu tranh mà cũng không ủng hộ, bảo vệ người đấu tranh.

(Báo Tiền phong, số 2426)

– Quán ngữ là những tập hợp từ được quen dùng trong nói, viết hàng ngày nên phần nào đó đã mang tính cố định. So với thành ngữ, tính cố định của quán ngữ không cao và nghĩa của quán ngữ có thể coi là nghĩa của tổng các yếu tố hợp thành quán ngữ đó.

Ví dụ:

+ Chúc lên đường gặp nhiều may mắn.

+ Xin thân ái chào tạm biệt các bạn.

+ Xin cảm ơn quý vị đã chú ý lắng nghe.

Bên cạnh những hiểu biết về từ, hiểu rõ về thành ngữ và quán ngữ cũng giúp chúng ta có điều kiện rèn luyện kỹ năng nói, viết tốt những đơn vị tương đương với từ trong hoạt động giao tiếp.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy gạch dưới những từ láy và nói rõ tác dụng của chúng trong đoạn thơ sau:

*Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân,
Đập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đàng
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Bài tập 2

Nêu sự khác nhau của các cặp từ dưới đây và đặt câu với chúng:

– học / học hành

– chơi / chơi bời

– nhà / nhà cửa

– xe / xe pháo

- *đẹp / đẹp đẽ*
- *xinh / xinh xắn*
- *làm / làm lung*

Bài tập 3

Tim những từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa với các từ sau:

- *ngĩ* (ví dụ: *ngĩ ngợi, cân nhắc,...*)
- *mang* (ví dụ: *đem, xách, địu,...*)
- *chết* (ví dụ: *tử, từ trần,...*)
- *riêng* (ví dụ: *cá nhân,...*)
- *bọc* (ví dụ: *đùm, bao,...*)
- *bạn* (ví dụ: *bạn bè, bầu bạn,...*)
- *khổ sở* (ví dụ: *đau khổ, khổ cực,...*)
- *rách* (ví dụ: *rách nát, nát bươm,...*)
- *hèn* (ví dụ: *hèn mọn, hèn hạ,...*)

Bài tập 4

Hãy xác định xem từ nào phù hợp với nghĩa nêu bên dưới:

kế tục, kế nghiệp, kế tự, kế thừa, kế cận, kế toán

- a) Nối dõi.
- b) Tính toán, ghi chép tình hình tăng giảm của vốn và tình hình thu chi trong một xí nghiệp, một cơ quan.
- c) Tiếp tục sự nghiệp của cha ông để lại.
- d) Thừa hưởng, giữ gìn và tiếp tục phát huy (cái có giá trị tinh thần).
- e) Ở vị trí công tác liền ngay sau lớp người trước, có thể sẽ thay thế lớp người trước.
- g) Làm tiếp, thực hiện tiếp phần công việc người trước đã làm cho khỏi bị đứt quãng.

Bài tập 5

Với mỗi nội dung dưới đây, hãy tìm một từ phù hợp nhất:

- *Có tinh thần quên mình vì việc nghĩa, cứu giúp người khi họ gặp khó khăn, hoạn nạn.*
- *Việc làm, hành động vì nghĩa.*
- *Chí khí của người làm việc nghĩa.*

Bài tập 6

Với mỗi nghĩa của các từ nhiều nghĩa dưới đây hãy đặt một câu:

- a) *Tránh*
 - Tự dời chỗ sang một bên để khỏi làm vướng nhau, khỏi va vào nhau.
 - Bằng biện pháp chủ động, làm cho mình khỏi phải tiếp xúc hoặc khỏi phải chịu tác động trực tiếp của cái gì đó không hay, không thích.
 - Tự giữ không làm điều gì đó.
- b) *Quay*

– Chuyển động hoặc làm cho chuyển động quanh một trục hay một điểm ở trung tâm một cách đều đều, liên tục.

– Chuyển tiếp sang hoạt động khác, việc khác.

– Sử dụng tiền bạc, phương tiện sản xuất vào việc này tiếp luôn vào việc khác.

– Hối vắn vẹo, cặn kẽ.

c) *Giật*

– Làm cho rời ra, cho di chuyển một quãng ngắn bằng một động tác nhanh, gọn.

– Chuyển động đột ngột một cái rồi trở lại ngay vị trí cũ.

– Giành lấy được về cho mình bằng sự nỗ lực, cố gắng.

– Vay trong thời hạn ngắn.

d) *Mất*

– Không còn thuộc về mình nữa.

– Không có ở mình nữa.

– Thời gian, công sức, tiền của dùng vào việc gì đó.

– Không còn sống nữa.

e) *Sang*

– Di chuyển đến một nơi nào đó thường gần nhà mình đang ở.

– Chuyển qua một giai đoạn khác, một trạng thái khác trong quá trình vận động.

– Chuyển cho người khác quyền sở hữu.

Bài tập 7

Hãy dùng các từ *cái, quyển, con, chiếc, đôi, tờ, pho, bức, nỗi, niềm, cơn, giấc, trận, lá* để điền vào chỗ trống cho phù hợp:

... vui	... mưa	... bàn
... buồn	... vui	... máy bay
... giấy	... sung sướng	... sông
... sách	... thuyền	... tem
... guốc	... cá	... thư
... cặp	... tượng	... cờ
... ác mộng	... tường	... xe
... mơ	... kéo	... lịch

Bài tập 8

Hãy gạch dưới những từ mượn có trong đoạn trích:

... *Chỉ cần có đầu vi-đi-ô, dàn âm li và mi-crô là có thể hát được ka-ra-ô-kê. Người chơi cầm mi-crô và hát theo các bài hát có nhạc đệm. Băng ka-ra-ô-kê có lồng hình các ca sĩ và phong cảnh để hấp dẫn người chơi. Nếu như ở Nhật Bản, ka-ra-ô-kê chỉ là trò chơi trong gia đình thì ở Việt Nam, ka-ra-ô-kê đã và đang được sử dụng làm trò chơi đại chúng.*

(Xuân Nguyễn)

Bài tập 9

Gạch dưới những từ Hán Việt có trong những đoạn trích dưới đây:

– *Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng nấy.*

(Phạm Văn Đồng)

– *Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hoà vào sông Hồng. Từ biên giới Trung – Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân sông Đà thì chiều dài là 888 nghìn thước mét.*

(Nguyễn Tuân)

Bài tập 10

Những từ nào trong các câu dưới đây là từ địa phương:

- *Trời ơi, em biết khi mô*
- *Răng không cô gái trên sông?*
- *O du kích nhỏ giương cao súng*
- *Ai vô đó với đồng bào đồng chí*

Bài tập 11

Hãy gạch dưới những từ đơn phong cách trong hai đoạn văn dưới đây:

– *Điện hồ tức là một phần của dòng điện đi theo dây nguội xuống đất, mà không chạy vào các đồ điện theo yêu cầu của ta, cũng chẳng khác nào ống dẫn nước bị rò rỉ vậy. Bạn có muốn xem điện chạy thế nào không? Xin mời bạn cùng làm thí nghiệm.*

– *Cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. Cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí các nguồn lực, thôn tính lẫn nhau. Thực hiện đúng chức năng quản lí Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường.*

Bài tập 12

Gạch dưới các thành ngữ có trong đoạn trích sau:

Có một bà già kia lười lao động, chỉ quanh quẩn ở nhà, con cà con kê, sinh lắm chuyện. Bà thóc mách, bới lông tìm vết, đơm đặt chuyện nọ, chuyện kia, gây xích mích với bà con làng xóm.

(Báo Nhân dân)

Bài tập 13

Gạch dưới các thành ngữ, tục ngữ có trong những câu thơ dưới đây trích từ *Truyện Kiều*:

- *Hổ sinh ra phận thơ đào,*
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong.
- *Hổ môi ra cũng thẹn thùng,*

Để lòng thì phụ tấm lòng với ai.
 – Ngày xuân em hãy còn dài,
 Xót tình máu mủ thay lời nước non.
 Chị dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.
 – Thôi con còn nói chi con,
 Sống nhờ đất khách thác chôn quê người
 – Con kia đã bán cho ta,
 Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây.
 – Lâu xanh có mẹ Tú Bà,
 Làng chơi đã trở về già hết duyên.
 Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
 Mặt cưa mướp đắng đôi bên một phùng.
 – Khéo là mận dạn mà dày,
 Kiếp người đã đến thế này thì thôi !
 Thương thay thân phận lạc loài,
 Dầu sao cũng ở tay người biết sao?
 Lâu xanh mới rủ trướng đào,
 Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.
 Biết bao bướm lả ong lơ,
 Cuộc say đây thán trận cười suốt đêm.
 Dập dùi lá gió cành chim,
 Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh.
 Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
 Giật mình mình lại thương mình xót xa.
 Khi sao phong gấm rủ là,
 Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
 Mặt sao dày gió dạn sương,
 Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !

II . NHỮNG YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC DÙNG TỪ

Hằng ngày, chúng ta thường nhắc nhau cần phải dùng từ cho giản dị, trong sáng, dễ hiểu và tránh dùng tràn lan những từ Hán Việt, gây khó khăn cho người đọc, người nghe. Hay nói một cách khác, khi nói và viết, chúng ta cần phải dùng từ thế nào cho ai cũng có thể hiểu được. Vậy yêu cầu cơ bản của việc dùng từ là phải dùng **đúng**: đúng âm thanh, đúng ý nghĩa, đúng quy tắc ngữ pháp, đúng phong cách ngôn ngữ (nói, viết).

1. Dùng từ phải đúng âm thanh, đúng ý nghĩa

Từ bao giờ cũng có hai mặt, âm thanh và ý nghĩa. Âm thanh và ý nghĩa như thế nào là do xã hội, do người sử dụng quy định. Khi nói và viết, chúng ta phải tuân theo những quy định mang tính xã hội đó. Muốn dùng theo ý nghĩa này nhưng chúng ta lại dùng hình thức ngữ âm khác, tất yếu sẽ dẫn đến chỗ dùng sai âm thanh, sai ý nghĩa của từ.

Ví dụ:

Dùng từ đúng

khẳng định
bản (tuyên ngôn)
xán lạn
tinh tế
bôn ba
thuỷ mặc
cảm khái
tâm khảm

Dùng từ sai

kháng định
bảng (tuyên ngôn)
sán lạn
tinh túy
buôn ba
thuỷ mặc
cảm khoái
tâm cảm

Từ dùng trong khi nói, viết được coi là đúng nghĩa phải thể hiện được:

– Đúng nội dung thực tế khách quan cần biểu thị.

– Đúng tư tưởng, tình cảm, thái độ đối với người nghe, người đọc và đối với chính hiện thực được đề cập tới trong lời nói.

Ví dụ: Trong cuộc họp tổ hôm nay, chị Lan đã **đề đạt** một ý kiến rất hay góp phần vào việc xây dựng tổ ta thành tổ tiên tiến.

Câu này dùng sai từ *đề đạt*. Ở đây, người viết muốn thể hiện nội dung đưa ra, nêu ra một vấn đề để xem xét nhưng lại dùng từ *đề đạt* nên câu này lại được hiểu là đã trình ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên để cấp trên xem xét giải quyết. Hiểu như vậy không đúng với nội dung hiện thực khách quan cần biểu thị, vì thế phải thay từ *đề đạt* bằng *đề xuất* mới phù hợp.

Hoặc câu dưới đây cũng là câu dùng sai từ:

*Bọn giặc đã cầm cự rất **dũng mãnh**, nhất định không chịu rút lui.*

Câu này dùng từ *dũng mãnh* là sai, không phù hợp với thái độ, tình cảm của người viết đối với chính hiện thực được trình bày. Bởi vì tính chất *dũng mãnh* chỉ dùng cho những người có sức mạnh về thể chất và tinh thần trên hẳn mức bình thường, thể hiện bằng khí thế mạnh mẽ trong hành động, không sức chống đối nào có thể cản trở nổi. Bọn giặc thì không thể là người có tính chất như vậy. Ở đây phải thay từ *dũng mãnh* bằng *điên cuồng* mới phù hợp.

Việc dùng từ sai có nhiều nguyên nhân. Tuy vậy có thể thấy, việc dùng sai âm của từ thường là do người sử dụng không nắm thật chắc hình thức ngữ âm, nghe âm này lại chệch sang âm khác, hoặc vì các âm gần nhau nên lẫn lộn, không phân biệt được. Còn việc dùng sai nghĩa của từ thường do người sử dụng không hiểu biết, không hiểu kĩ hoặc chỉ hiểu một cách lảng máng, lơ mờ nghĩa của từ mà đã vội dùng.

Ví dụ:

– Nguyễn Đình Chiểu đã được tận mắt **chứng thực** bao cảnh chém giết tàn bạo của thực dân Pháp.

(Lẽ ra phải dùng từ *chứng kiến* thay cho *chứng thực*).

– Thuý Kiều là người con gái có tài, có sắc nhưng lại là người **bạc mạng**, sống **phiêu bạt** nơi chân trời góc biển.

(Lẽ ra phải dùng từ *bạc mệnh* thay cho *bạc mạng*, từ *phiêu bạt* thay cho *phiêu bạc*.)

– Từ ngày được giác ngộ cách mạng rồi đi theo cách mạng, anh ấy luôn luôn giữ một lập trường **trong sạch**.

(Lẽ ra phải dùng từ *kiên định* thay cho *trong sạch*.)

– Chúng ta cần phải **luyện ái**, đoàn kết với nhau.

(Lẽ ra phải dùng từ *thân ái* thay cho *luyện ái*.)

Để tránh việc mắc những lỗi như trên, khi muốn dùng một từ nào, ta cần phải nắm thật chắc hình thức ngữ âm và hiểu thật kỹ ý nghĩa của từ đó. Một từ ta chưa hiểu chính xác về âm, chưa hiểu thật rõ ràng về nghĩa thì dứt khoát chưa nên dùng từ đó.

2. Dùng từ phải đúng quy tắc ngữ pháp

Tiếng Việt bao gồm nhiều từ loại khác nhau. Mỗi từ loại lại có những đặc điểm ngữ pháp riêng thể hiện ở nội dung nghĩa và khả năng kết hợp giữa từ đó với các từ khác. Khi tạo câu, có từ kết hợp được với số từ, có từ không; có từ kết hợp được với *rất*, *lắm*, có từ không; có từ cần phải có bổ ngữ trực tiếp, có từ không,...

Ví dụ:

Chỉ nói

– mua **ba** lạng thịt

– **lắm** sách

– hai **gói** xôi đậu xanh

– bốn **tờ** giấy trắng

– nước **rất** xanh

– dài **hai** mét rưỡi

– chạy **xong**

– đẹp **quá**

Không nói

– mua *ba* thịt

– *lắm* quyển sách

– hai *xôi* đậu xanh

– bốn *giấy* trắng

– nước *rất* xanh *thâm*

– *đen* hai mét rưỡi

– *buồn* xong

– *nhà* quá

Chính vì những đặc điểm trên của từ, khi tạo câu, chúng ta phải chú ý đến khả năng kết hợp của từ đó với những từ đứng trong câu. Nói một cách khác, khi dùng từ, chúng ta cần phải chú ý đến đặc tính ngữ pháp của từ. Nếu không chú ý tới điều này, việc dùng từ đặt câu trong khi viết rất dễ mắc lỗi.

Ví dụ:

– Thanh chỉ còn mỗi một **cái quần áo** mới trong tủ.

– Anh ta **cười ba hoa** một lúc lâu rồi mới chịu im lặng.

– Chúng tôi cũng đâu có dám **miễn cưỡng các chị** nhận lời.

– Nhìn **dáng đi lục cục** của anh ta, ai cũng thấy khó chịu.

Chúng ta mới chỉ nghe thấy nói *bộ quần áo*, *cười ha hả*, *phải miễn cưỡng* (nhận lời), *dáng đi kì cục* mà không nghe thấy nói *cái quần áo*, *cười ba hoa*, *miễn cưỡng các chị*, *dáng đi lục cục*. Cho nên những kết hợp đó là những kết hợp sai. Chính điều này buộc ta phải chú ý tới đặc tính ngữ pháp của từ khi kết hợp.

3. Dùng từ phải đúng phong cách ngôn ngữ

Nhìn chung, phần lớn các từ tiếng Việt đều được dùng trong nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau, nhiều hoàn cảnh nói, viết khác nhau. Tuy vậy, cũng có những từ thường

chỉ được dùng trong một số trường hợp nhất định nào đó, nghĩa là dùng trong một phong cách nhất định nào đó. Vì thế, chúng ta cần phải chú ý những điều sau:

a) Có những từ thường chỉ xuất hiện trong khi nói, ít khi xuất hiện trong khi viết, hoặc ngược lại, có từ thường xuất hiện trong khi viết, ít khi xuất hiện trong khi nói.

Ví dụ:

Thường dùng khi viết

– tranh luận

– phụ nữ

– trẻ em

– tổ quốc

– nếu

– nói thẳng

Thường dùng khi nói

– cãi cọ, tranh cãi

– đàn bà

– trẻ con, con nít

– đất nước

– giá thử, ví như

– nói toạc móng heo

b) Có những từ chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ văn bản loại này mà ít xuất hiện trong ngôn ngữ văn bản loại khác.

Ví dụ:

– Trong ngôn ngữ văn bản khoa học:

Hiđrô cacbon là những chất mà phân tử của chúng gồm những nguyên tử cacbon và hiđrô. Người ta gọi hiđrô cacbon và những dẫn xuất khác của chúng là các hợp chất hữu cơ.

(Theo SGK Hoá học)

Các từ: *Hiđrô, cacbon, phân tử, nguyên tử, dẫn xuất, hợp chất, hữu cơ* là những từ thường được dùng trong văn bản khoa học.

– Trong ngôn ngữ văn bản chính luận:

Riêng đối với lao động chất xám, ông cha ta ngày trước đã đối nhân xử thế thế nào? Thế kỉ XVIII, nhà bác học lỗi lạc Lê Quý Đôn đã nêu nhận xét sâu sắc về bốn điểm: phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng. Quốc gia nào biết sử dụng trí thức, quốc gia đó cường thịnh. Điều đó đã được thực tế kiểm nghiệm ở nhiều nước.

(Báo Nhân dân)

Các từ ngữ: *đối nhân xử thế, bất ổn, bất phú, bất hoạt, bất hưng, trí thức, cường thịnh* là những từ ngữ thường được dùng trong văn bản chính luận.

– Trong ngôn ngữ văn bản hành chính – công vụ:

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều 9 của Luật thuế doanh thu, Điều 9 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

Theo đề nghị của Hội đồng Nhà nước và ý kiến của các đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ

Phê chuẩn.....

.....

Những từ ngữ như: *căn cứ vào, điều, luật, theo đề nghị, quyết nghị,...* là những từ ngữ thường được dùng trong phong cách hành chính- công vụ.

Như vậy, khi nói (viết) cần phải nắm được đặc điểm ngôn ngữ của từng phong cách, chúng ta mới có thể dùng từ ngữ một cách có hiệu quả. Trong văn bản khoa học, chắc chắn ta không thể gặp những câu dùng từ kiểu câu "*Cho một đường tròn tâm O **mảnh khảnh***", hoặc "*Đường thẳng AB **run rẩy** cắt đường tròn tại hai điểm **xinh xắn** E và F*", nhưng ngược lại trong văn bản văn học, những từ ngữ như vậy lại có khả năng xuất hiện nhiều. Bởi vậy, dùng từ sai phong cách ngôn ngữ văn bản là một loại lỗi cần tránh.

c) Dưới đây là một vài ví dụ về lỗi phong cách thường gặp trong việc dùng từ:

– Dùng từ của văn nói trong văn viết.

Ví dụ:

+ *Đây là một vùng đất có **cực kì** nhiều đước.*

(Nên dùng từ *rất* thay cho *cực kì*.)

+ *Nước ta nắng lắm, mưa nhiều nên cây cối **chen vai sát cánh** nhau xanh tốt quanh năm.*

(Nên dùng từ *đan xen* thay cho *chen vai sát cánh*.)

– Dùng từ của văn viết trong văn nói.

Ví dụ:

+ *Bố đã **trình bày** hết ý kiến của mình, các con đã **quán triệt** đầy đủ chưa nào?*

(Nên nói là *nói* thay cho *trình bày*, *hiểu rõ* thay cho *quán triệt*.)

+ *Có nhận ra tao không nào? **Bạn thuở thiếu thời** đây mà?*

(Nên nói *nói* thay cho *thuở thiếu thời*.)

d) Ngoài những yêu cầu trên, để từ dùng được đúng và hay, chúng ta cần phải cố gắng luyện tập.

(1). Tránh dùng từ sáo rỗng, công thức

Từ sáo rỗng, công thức là những từ không có sức gợi tả, không có tính truyền cảm nhưng người nói, người viết vẫn dùng trong bất kì trường hợp nào, bất kể câu văn thể hiện nội dung gì. Nói một cách khác, đó là những từ người nói, người viết đưa ra dùng một cách dập khuôn, máy móc, không chịu bỏ công tìm tòi, suy nghĩ, cân nhắc trong việc lựa chọn. Việc dùng từ sáo rỗng, công thức như vậy sẽ làm cho bài nói, bài viết trở nên nhàm chán, nhạt nhẽo, nội dung hời hợt, không sâu, còn lời lẽ lại thiếu sức sáng tạo, không đủ sức lôi cuốn người đọc, người nghe.

Ví dụ:

Lao động là vẻ vang, là vinh quang, là hạnh phúc. Bởi vậy, dù là lao động trí óc hay lao động chân tay đều rất đáng quý, đáng trân trọng, đáng tự hào.

Những từ *vẻ vang, vinh quang, hạnh phúc,...* là những từ sáo rỗng, công thức.

Đã có rất nhiều các học giả, các nhà văn phê phán cách dùng từ sáo rỗng. "Cái tật "nói chữ" không chỉ có hại ở chỗ gây khó hiểu cho người nghe, người đọc, làm cho tiếng ta vốn là trong sáng, hoá ra đục và tối; tật xấu đó còn đưa đến một thói quen khá nguy hiểm là

dùng chữ sẵn, câu sẵn, điệu nói sẵn để lấp vào bất cứ trường hợp nào, nghĩa là dùng cái "sáo" thường khi chẳng có ý nghĩa gì để thay thế sự suy nghĩ, những ý và tình chân thật, xuất phát từ đáy lòng và diễn tả bằng tiếng nói thông thường, mộc mạc, hồn nhiên và có ý vị... Trong đời sống bình thường cũng như trong đời sống chính trị của chúng ta hiện nay, cái bệnh sáo này phải coi chừng".

(Phạm Văn Đồng)

"... cứ viết đến mô hôi thì nhễ nhại, tinh thần thì hăng say, đàn ông cười phá lên, người thanh tú, thon thả, nét mặt xúc động, mắt ánh lên. Những chữ ấy không phải công phu mình nghĩ ra, chỉ vì đã vơ lấy dùng đi dùng lại."

(Tô Hoài)

Tất cả những ý kiến như vậy cho thấy trong khi nói, viết ta cần hết sức tránh những từ công thức, sáo rỗng.

(2). Tránh dùng từ ngữ địa phương một cách tùy tiện

Từ địa phương là những từ ngữ chỉ dùng trong một phạm vi nhỏ hẹp, một vùng, một miền nhất định. Các từ như:

– *mắc cỡ* (xấu hổ), *nón* (mũ), *thẳng* (phanh), *cà ràng* (bếp kiềng),...

– *hòm* (quan tài), *nác* (nước), *mô* (đầu), *chộ* (thấy),...

Những từ này chỉ được dùng trong một phạm vi hẹp, không mang tính phổ biến nên không phải ai cũng có thể hiểu được. Ví dụ, khi người Nghệ – Tĩnh nói "Rào rú ngái ngói mê nỏ chộ" thì không phải người nào cũng hiểu được là "Sông núi xa xôi nào chẳng thấy". Chính vì những lí do này nên trong nhà trường, khi nói, viết không nên dùng từ ngữ địa phương, vì nói (viết) như vậy sẽ làm ảnh hưởng tới sự tiếp nhận nội dung ở người đọc, người nghe.

(3). Tránh lạm dụng từ Hán Việt

Tiếng Việt của chúng ta mượn khá nhiều từ trong tiếng Hán. Điều này không có nghĩa là tiếng Việt nghèo, không phong phú về vốn từ mà đó là quy luật hoạt động, tiếp xúc của ngôn ngữ. Vì vậy, khi sử dụng từ Hán Việt, chúng ta cần lưu ý hai loại sau:

– Loại thứ nhất, gồm những từ Hán Việt mà trong tiếng Việt *không có từ nào mang nghĩa tương đương*.

Ví dụ: *xã hội*, *độc lập*, *tự do*, *lí tưởng*, *tiền đồ*,...

– Loại thứ hai, gồm những từ Hán Việt mà trong tiếng Việt *có từ mang nghĩa tương đương*.

Ví dụ: *phi trường* (sân bay), *phi cơ* (máy bay), *phu nhân* (vợ), *phụ nữ* (đàn bà), *giang sơn* (sông núi), *thị nhân* (nhà thơ), *hắc* (đen), *bạch* (trắng), *tẩu* (chạy),...

Đối với loại thứ hai, nếu như giữa từ Hán Việt và từ thuần Việt không có sự khác biệt nào đáng kể thì nên dùng từ thuần Việt. Còn trong trường hợp giữa từ Hán Việt và thuần Việt có sự khác nhau nhất định về sắc thái tình cảm hoặc phạm vi sử dụng thì nên cân nhắc, chọn lựa cẩn thận để phù hợp với nội dung tư tưởng, tình cảm, thái độ cần thể hiện.

Ví dụ:

– *nhi đồng* / *trẻ con*

– *phụ tử* / *cha con*

- *huynh đệ / anh em*
- *đơn phương / một phía*
- *quan phương / chính thức*
- *đa dạng / nhiều vẻ*
- *đa phương / nhiều phía*

Đối với những từ Hán Việt, nếu như không hiểu nghĩa, chúng ta không nên dùng, vì nếu không hiểu, hoặc hiểu nghĩa còn lơ mơ, việc dùng từ rất dễ bị mắc lỗi.

Ví dụ:

– *Chàng trai lưng đeo thanh gươm **gia truyền**, nhảy lên mình ngựa, rồi phi thẳng vào kẻ thù.*

(Lẽ ra phải dùng từ *gia bảo* thay cho *gia truyền*).

– *Sau mỗi bài học lí thuyết, chúng ta cần phải được **thực thi** nhiều.*

(Lẽ ra phải dùng từ *thực hành* thay cho *thực thi*).

Về điều này, chúng ta hãy ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ:

"Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác, nhất là tiếng Trung Quốc. Nhưng phải có chừng mực. Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta [...]. Có nhiều người có bệnh "dùng chữ Hán", những tiếng ta có sẵn không dùng mà dùng chữ Hán cho bằng được [...]. Nhưng sẽ là "tả" quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta ai cũng hiểu, mà cố ý không dùng. Ví dụ: *độc lập* mà nói là *đứng một*, *du kích* thì nói là *đánh chơi*. Thế cũng là tếu [...]. Chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu".

4. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy đặt câu với những nghĩa khác nhau của từ:

- *xuân*
- *hoa*

Bài tập 2

Phân biệt nghĩa và đặt câu với từng từ dưới đây:

- *cải tạo / cải tiến*
- *tập tục / tập quán*

Bài tập 3

Phân biệt nghĩa của các cặp từ dưới đây qua việc đặt câu:

- *trung bình / trung lập*
- *trung thực / trung thành*
- *nhân nghĩa / nhân ái*
- *gửi / gửi gắm*
- *khẩu cung / khẩu phần / khẩu khí / khẩu lệnh*

Bài tập 4

Yếu tố *tử* trong các từ sau có gì khác nhau:

- tử trận, tử vong, tử thi, tự tử.
- đệ tử, phụ tử, mẫu tử.

Bài tập 5

Hãy xác định từ phù hợp với nghĩa sau:

- Tầng lớp có tài sản ở mức giữa trong xã hội.
- Người đã qua tuổi thanh niên nhưng chưa già.
- Đứng ở giữa hai bên đối lập, không theo hoặc không phụ thuộc vào bên nào.
- Ở giữa, có tính chất chuyển tiếp hoặc nối hai sự việc.

Bài tập 6

Với mỗi từ dưới đây hãy đặt một câu để làm rõ nghĩa của chúng:

- ý thức, ý tưởng, tư tưởng
- cảm giác, cảm tính, cảm quan
- ý niệm, quan niệm, khái niệm
- đặc tính, đặc điểm, đặc trưng
- thực tại, thực trạng, hiện trạng

Bài tập 7

Phân biệt sắc thái ý nghĩa của các cặp từ:

- ác / dữ, cău / giận, căm / tức, yêu / thương
- tươi tắn / tươi tỉnh, tươi đẹp / tươi vui
- xum xuê / rườm rà / rậm rạp / rậm rịt
- buồn bã / buồn rầu / buồn chán / buồn buồn
- hiếm / hiếm hoi / ít ỏi / thỉnh thoảng / đôi khi
- bát ngát / mênh mông / bao la / rộng lớn / rộng rãi
- ngớ ngẩn / ngù ngờ / ngờ nghệch / dở hơi / ngu dại / đần độn
- náu / trú / ẩn / dấu / che / đậy / lẩn
- ngộ nghĩnh / khôi ngô / khôi hài

Bài tập 8

Phân biệt nghĩa và đặt câu với các từ sau:

- đối thủ / đối phương / kẻ thù / thù địch
- tài liệu / tư liệu / hồ sơ
- gián điệp / tình báo / thám báo / trinh sát

Bài tập 9

Hãy phân biệt nghĩa trong từng trường hợp sử dụng của các từ:

a) lặng

- Cây muống lặng, gió chẳng đờng.
- Buông không lặng ngắt như tờ.
- Mây núi hiu hiu chiều lằng lặng.

b) xôn xao

- Gió lộng xôn xao sóng biển đu đưa.
- Chim rùng xôn xao gọi nhau về tổ.
- Lòng xôn xao một niềm vui khó tả.

c) *đường*

- Trên đường cái ung dung ta bước.
- Đường cách mạng dài theo kháng chiến.
- Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh.
- Nói một đường, làm một nẻo.
- Đường ta đó tự do cuộn cuộn.

d) *thắm*

- Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
- Tháng Tám mùa thu xanh thắm.
- Mây của ta trời thắm của ta.
- Có phải duyên nhau thì thắm lại.
- Đôi ta thắm tình duyên quê.

Bài tập 10

Hãy nói rõ nghĩa của các yếu tố sau:

a) *báo*

- báo đáp, báo thù, báo ân, báo ứng, báo hiếu
- báo chí, báo cáo, báo tang, báo hỉ

b) *bá*

- bá cáo, truyền bá
- bá chủ, bá vương
- bá quyền

Bài tập 11

Giải nghĩa yếu tố Hán Việt trong các từ sau:

a) *can* trong:

can thiệp, can đảm, can gián, can trường

b) *trí* trong:

dân trí, trí thức, bố trí, bài trí

c) *quan* trong:

tham quan, quan sát, quan ải, quan hệ

d) *kết* trong:

kết quả, kết duyên, kết thúc, kết cục

Bài tập 12

Gạch dưới từ phù hợp với nghĩa cho trước.

1. Người bị buộc tội và đưa ra xét xử trước toà án.

bị cáo, bị can

2. Ngôi chùa đẹp, được nhiều người biết tên.

- danh lam, thắng cảnh*
3. Có tâm trạng luyến tiếc, nhớ thương xen lẫn nhau.
băn khoăn, bàng khuâng
 4. Kể thất nghiệp, rong chơi, quen dùng sức mạnh để quậy phá.
du côn, du đãng
 5. Truyền thống văn hoá lâu đời tốt đẹp.
văn học, văn hiến
 6. Nhanh, gấp và có phần căng thẳng.
khẩn thiết, khẩn trương
 7. Không yên lòng vì có những điều phải suy nghĩ, tính toán.
băn khoăn, lưỡng lự
 8. Cảm thấy đau xót về lỗi lầm của mình.
ăn năn, hối hận
 9. Kiếm ăn một cách lén lút về ban đêm.
ăn cắp, ăn sương
 10. Nằm ỳ ra để đòi cho được hoặc bắt đền.
ăn hiếp, ăn vạ
 11. Bướng bỉnh hay gây sự.
ba gai, ba hoa
 12. Cử giữ chức vụ cao hơn.
đề cử, đề bạt
 13. Nói nhẹ nhàng như khen nhưng thật ra là mỉa mai, chê trách.
nói móc, nói mát
 14. Im lặng, làm như việc chẳng có liên quan gì đến mình.
mặc nhiên, mặc cảm
 15. Cách tổ chức các thành phần nhằm thực hiện chức năng của một chính thể.
cơ chế, cơ cấu

Bài tập 13

Hãy đặt câu với từng từ ngữ dưới đây:

- *đàm thoại / trò chuyện*
- *cố nhân / bạn cũ*
- *đơn phương / một phía*
- *đại tu / sửa chữa lớn*
- *giang san / sông núi*

Bài tập 14

Hãy giải thích nghĩa của những thành ngữ sau:

- *Ăn vóc học hay*
- *Bóng chim tắm cá*
- *Già đòn non nhẽ*
- *Lá mặt lá trái*

- *Sống để dạ chết mang theo*
- *Múa tay trong bị*
- *Mượn gió bẻ măng*
- *Mạt cưa mướp đấng*

Bài tập 15

Phân tích và chữa lỗi dùng từ trong các câu dưới đây:

- *Anh lúc nào cũng là người giản dị nhưng phong cách của anh thì mãnh liệt vô cùng.*
- *Ai cũng đều biết Cám là con người gian xảo, tàn ác còn Tấm là cô gái mẹ từ trần ngay từ khi Tấm còn nhỏ nên Tấm sống rất khổ ải.*
- *Giá như đây là buổi trưa của xứ ôn đới thì chúng ta còn nói làm quái gì, nhưng đằng này lại là buổi trưa của xứ nhiệt đới Việt Nam mới hoá ra gay go. Chúng ta cần phải nhớ rằng cái buổi trưa hè Việt Nam thì đáng sợ hết sức. Thế mà người nông dân phải cần mẫn cùng con trâu đi trước, cái cày đi sau. Thật là khổ sở hết chỗ nói.*
- *Sống giữa bùn lầy như bản, đây những cám dỗ của cuộc sống giàu sang, chị Sửu vẫn giữ được lập trường thuỷ chung với chồng, cương quyết giữ thái độ trong sạch với chồng.*
- *Nó nhắc mọi người cần phải ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Có được miếng cơm thơm ngọt, dẻo ngon hôm nay chính là kết quả của bao ngày lao động gian nan, vất vả, đã chịu bao ngày mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày. Những câu ca dao đó không biết tự bao giờ nó đã đi sâu vào lòng người, và nó đi bằng cách nào ấy nhỉ? Ở đúng rồi, nó đi bằng cái giấy thông hành là nghệ thuật của nó đấy.*
- *Vấn đề cơm ăn áo mặc đối với những người lao động nghèo khó luôn luôn là vấn đề quần bách.*
- *Khi còn ngồi trong ghế nhà trường, tất cả học sinh chúng ta đều cần phải cố gắng học tập thật tốt.*
- *Đã tham gia vào hoạt động cách mạng là không được quản ngại bão táp mưa sa, mưa phùn gió bắc.*
- *Những người cộng sản không bao giờ chịu khuất tất trước kẻ thù mà luôn luôn hiên ngang, cứng đầu cứng cổ đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời.*
- *Em hãy tả lại tinh thần phấn đấu vượt khó của bạn em.*
- *Ngày hôm sau, bé gái đó lại đến, dắt theo nhiều em trai, em gái và cả các bác, các cô, các chú cùng các mẹ.*
- *Trời mưa nên tối khá nhanh. Càng đi họ càng thấy tối. Con mưa đã làm họ chậm gáp đôi.*
- *Trời tối. Đi trên đồng cỏ phẳng lì như biển này ban đêm rất dễ lạc đường.*
- *Chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam bắt đầu từ 5^h30 sáng đến khoảng 23 giờ đêm.*
- *Đoạn đường từ đây tới đó, chúng tôi dự đoán phải đi hết ít nhất hết 2 tiếng xe máy.*

– Tôi luôn là người có nhiều ước mơ. Lúc nào tôi cũng cầu mong cho những ước mơ của tôi được toại nguyện.

– Hiện nay trên thị trường có rất nhiều loại báo khác nhau. Cần phải hoà nhập các tờ báo đó lại để số đầu báo ít đi.

– Khi đoàn nhà báo chúng tôi đến thì hiện trường chỉ còn lại một xác chết bất động cùng một vài thứ đồ đạc ngổn ngang.

– Dù phải đi xa đến đâu, dù phải đi tới những nơi cùng cực của thế giới, anh vẫn luôn luôn hướng về quê hương.

– Được vun đắp trong một mảnh đất màu mỡ nên chỉ vài năm sau khi ra trường, tài năng của anh đã chấp cánh bay cao.

– Trận chiến đấu diễn ra thật ác liệt. Bên ta có một thương vong còn bọn giặc cũng chết chóc khá nhiều.

– Lan có nước da trắng tinh khiến cho nhiều người phải chú ý.

– Ông đi không vững bước những bước chập chờn trong đêm tối.

– Bài báo đã đưa ra rất nhiều chi tiết nhỏ nhẹ nên chưa thuyết phục được người đọc.

– Sự tiêu pha hào hoa của anh ấy dễ chiếm được tình cảm của mọi người.

– Lúc nhỏ, hắn cũng đã từng được sống trong một gia đình có cuộc sống thật êm ái.

– Lăn lộn đầu đường xó chợ nên nước da hắn đen lay láy.

– Chúng ta cần phải tránh xa những loại hoá chất độc đáo.

III. THAO TÁC LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG TỪ

Các nhà văn tên tuổi trên thế giới đã nhiều lần nói tới tầm quan trọng của việc dùng từ trong văn bản. Một nhà văn Nga viết: "Trong ba tính từ đặt cạnh danh từ, thế nào cũng có một tính từ chính xác hơn cả, hai tính từ còn lại chắc chắn sẽ thua kém hơn. Bởi thế, rõ ràng là tính từ duy nhất đó cần phải được giữ lại, còn hai tính từ kia thì phải gạch bỏ không thương tiếc". Nhà văn Pháp Guy Đơ Mông-pát-xăng cũng đã viết: "Muốn miêu tả sự vật một cách sát thực, cần phải dùng chuẩn xác một danh từ để gọi tên sự vật, một động từ để chỉ rõ động tác, một tính từ để làm rõ tính chất. Bởi vậy, phải tìm cách chọn cho được chính danh từ, chính động từ và chính tính từ ấy trong vô số các từ mà quyết không thể vừa lòng với việc chọn từ gần giống để dùng, quyết không nên mơ hồ, lẫn lộn". Như vậy, việc chọn từ sao cho có hiệu quả để sử dụng trong khi nói, viết là việc hết sức quan trọng.

Việc chỉ ra rạch ròi từng bước trong việc lựa chọn và sử dụng từ không phải lúc nào cũng thực hiện được. Tuy vậy, để thấy được một cách tương đối cụ thể quy trình lựa chọn và sử dụng này, chúng ta có thể hình dung quy trình này được tiến hành theo các bước cơ bản dưới đây:

1. Xác định nội dung nói, viết

Chỉ khi có nội dung thật rõ ràng thì việc lựa chọn từ mới có kết quả. Mỗi nội dung lựa chọn sẽ ứng với những từ ngữ nhất định. Nội dung nào, từ ngữ ấy. Vì thế chỉ khi có nội dung mới nói tới việc chọn và sử dụng từ.

Nội dung ở đây cần phải hiểu vừa là sự phản ánh hiện thực vào trong lời nói, vừa là sự thể hiện thái độ của người nói, người viết đối với người nghe và đối với chính nội dung hiện thực ấy.

Khi nội dung xuất hiện thì cũng đồng thời là lúc từ đầu tiên xuất hiện. Nhưng từ đó thường không phải là từ tốt nhất. Vì vậy, cần phải huy động thêm các từ khác để có thể chọn được từ phù hợp nhất cho việc thể hiện nội dung.

2. Xác định các từ ngữ đáp ứng được với nội dung nói, viết

Khi đã có một từ xuất hiện, ta không thể bằng lòng ngay với từ đó. Cần phải huy động thêm những từ khác có khả năng cùng diễn đạt nội dung ấy.

Ví dụ:

a) Khi có nội dung "lứa tuổi còn nhỏ" ta có thể huy động các từ ngữ như: *trẻ con, trẻ em, trẻ nhỏ, trẻ ranh, nhóc con, nhãi ranh, thằng nhóc, lỗi con, ôn con, oắt con, con trẻ,...*

b) Hoặ với nội dung "sự đình lại của một hoạt động" ta có thể huy động các từ ngữ như: *ngừng, đình, chết, tử, toi, mất, hi sinh, bỏ mạng, châu trời, từ trần, khuất núi,...*

c) Hoặ với nội dung "làm cho chỗ hỏng trở lại trạng thái bình thường" ta có thể huy động các từ như: *sửa, chữa, sửa chữa, tu sửa, tu bổ,...*

Chỉ khi có vốn từ đồng nghĩa và gần nghĩa phong phú, ta mới có nhiều khả năng chọn được từ chính xác nhất trong việc thể hiện nội dung.

3. Lựa chọn từ phù hợp nhất với nội dung nói, viết

Khi đã có được một số lượng các từ ngữ đủ để lựa chọn thì nội dung cần thể hiện chính là căn cứ, là cái mốc định hướng cho việc chọn từ. Từ nào vừa thoả mãn được việc phản ánh hiện thực, thể hiện chính xác nhất thái độ, tình cảm của người nói, người viết vừa đảm bảo được tính liên kết chặt chẽ với từ khác, câu khác trong đoạn văn, bài văn thì từ đó sẽ được lựa chọn.

Ví dụ:

– Với nội dung (a) ở trên, nếu nói với sự trù mến, thân mật ta sẽ chọn từ *trẻ em*, nhưng nếu dùng với thái độ coi thường, ta sẽ dùng từ *trẻ ranh,...* Quyết định chọn từ nào là tùy thuộc vào nội dung thể hiện. Chẳng hạn với câu "Tất cả những gì tốt đẹp nhất, chúng ta hãy dành cho trẻ em" thì từ *trẻ em* là từ phù hợp nhất.

– Với nội dung (b) thì ta không thể dùng từ *bỏ mạng* khi nói về các anh bộ đội, trong khi đó từ này lại có thể dùng để chỉ cái chết của kẻ thù.

4. Kiểm tra lại từ đã sử dụng

Đây là bước kiểm tra, đối chiếu lại từ được sử dụng với những yêu cầu:

- Đúng nội dung cần thể hiện chưa?
- Có đảm bảo được sự liên kết với các từ khác, câu khác trong đoạn văn, bài văn không?

– Mỗi văn bản khi nói, viết đều thuộc về một phong cách ngôn ngữ nhất định. Vì vậy, trong bước kiểm tra, chúng ta cũng cần chú ý xem xét từ được dùng đó có phù hợp với phong cách ngôn ngữ văn bản không?

Nếu những yêu cầu nêu trên chưa được đáp ứng một cách chặt chẽ, đầy đủ, ta cần phải lựa chọn từ khác.

5. Luyện tập

Bài tập 1

Trong bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có câu:

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng tiền bối khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bè bạn xa gần khỏi cảm thấy đột ngột.

Lúc đầu, ở vị trí của từ *sẽ*, Bác đã dùng từ *phải*, rồi sau đó mới gạch đi thay bằng từ *sẽ*. Hãy giải thích vì sao Bác lại dùng như vậy.

Bài tập 2

Nhà thơ Huy Cận, trong bài *Nhạc sâu* lúc đầu viết:

Ai chết đó, nhạc sâu chi lắm thế

*Chiều **điều hiu**, đời rét mướt ngoài đường.*

Sau đó nhà thơ thay từ *điều hiu* bằng từ *mồ coi* và biến câu thơ thành:

Ai chết đó, nhạc sâu chi lắm thế

*Chiều **mồ coi**, đời rét mướt ngoài đường.*

Trong hai từ *điều hiu* và *mồ coi*, từ nào hay hơn? Vì sao?

Bài tập 3

Trong bài thơ *Lá thư thành phố* viết vào những năm 1960, khi đất nước còn bị chia làm hai miền, nhà thơ Giang Nam có viết:

Con nhớ anh thường đêm biếng ngủ

Nó khóc làm em cũng khóc theo

Anh nhớ gửi về manh áo cũ

Đắp cho con đỡ nhớ anh nhiều.

Nhưng khi gửi ra miền Bắc, một biên tập viên của báo đã sửa lại thành:

Con nhớ anh thường đêm biếng ngủ

Nó khóc làm em cũng khóc theo

Anh nhớ gửi về manh áo cũ

Ủ con cho mẹ ấm nhờ hơi.

Hãy cho biết ý kiến của mình về cách dùng từ trong hai đoạn thơ trên.

Bài tập 4

Trong những cách viết sau, cách viết nào hay hơn? Vì sao?

a) – *Bóng Bác cao lồng lộng*

*Ấm **hơn** ngọn lửa hồng*

– *Bóng Bác cao lồng lộng*

*Ấm **như** ngọn lửa hồng*

- b) – *Cỏ non xanh **ron** chân trời*
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa
 – *Cỏ non xanh **tận** chân trời*
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa
- c) – *Đêm nghe tiếng ếch bên tai*
*Giật mình còn **tương** tiếng ai gọi dò*
 – *Đêm nghe tiếng ếch bên tai*
*Giật mình còn **ngõ** tiếng ai gọi dò*
- d) – *Con lại về thăm mẹ nuôi xưa*
Một buổi trưa nắng dài bãi cát
*Gió lộng **xôn xao** sóng biển đu đưa*
*Mát rượi lòng ta, **ngân nga** tiếng hát.*
 – *Con lại về thăm mẹ nuôi xưa*
Một buổi trưa nắng dài bãi cát
*Gió lộng **lao xao** sóng biển đu đưa*
*Mát rượi lòng ta, **ngân vang** tiếng hát.*

Bài tập 5

Nhà văn Pháp La Bruy-ơ sống ở thế kỉ XVII đã nói:

"Trong số hết thảy các từ ngữ có thể diễn đạt được một ý độc nhất của ta, chỉ có một từ ngữ đúng".

Nhà văn Pháp Guy-xtáp Phlo-bốt sống ở thế kỉ XIX cũng đã nói:

"Dù ta muốn nói điều gì đi nữa, cũng chỉ có mỗi một tiếng để diễn đạt điều đó thôi, chỉ có một động từ để làm cho điều đó hoá ra có sinh khí và mỗi một trạng từ để tả nó. Cần phải tìm cho được tiếng ấy và đừng lấy làm mãn ý khi mới tìm được những tiếng tương tự".

Hãy tìm một vài ví dụ minh hoạ để làm sáng tỏ những ý kiến trên.

Bài tập 6

Hãy phân tích cái hay của từ *phong* trong câu thơ dưới đây trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Xập xè én liệng lâu không,
*Cỏ lan mặt đất rêu **phong** dấu giày.*

Bài tập 7

Phân tích cách dùng từ *cho*, *làm cho* trong đoạn thơ dưới đây trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu?
***Làm cho** nhìn chẳng được nhau,*
***Làm cho** đày đoạ cất đầu chẳng lên.*

*Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.*

.....
*Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi,
Trước cho bõ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.*

Bài tập 8

Phân tích cái hay của việc dùng từ *càng* trong đoạn thơ sau trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

*Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Càng xôi vẻ ngọc càng lông màu sen.*

PHẦN BA

LUYỆN KỸ NĂNG ĐẶT CÂU

I. CÂU TRONG TIẾNG VIỆT

1. Câu là gì?

Câu là một đơn vị của ngôn ngữ có cấu trúc nhất định phù hợp với quy tắc của một thứ tiếng, diễn đạt một nội dung thông báo nào đấy; khi viết cuối câu có dấu ngắt câu, khi nói câu có ngữ điệu.

Ví dụ:

Hôm qua em đến trường.

Câu này có các đặc điểm sau đây:

- Về mặt cấu trúc ngữ pháp: đây là câu đơn bình thường đủ hai thành phần: chủ ngữ (*em*), vị ngữ (*đến trường*) và có thành phần trạng ngữ (*hôm qua*).
- Về mặt nội dung chữ nghĩa: thông báo một sự việc.
- Về mặt hình thức: cuối câu có dấu chấm (.).

2. Cấu tạo của câu tiếng Việt

a) Thành phần nòng cốt câu

- (1). **Chủ ngữ** là phần nêu đối tượng được đưa ra xem xét, đánh giá.
- (2). **Vị ngữ** là phần chỉ ra đặc điểm, hành động, tính chất, trạng thái,... của đối tượng nêu ra ở chủ ngữ. Trong câu, chủ ngữ thường đứng trước vị ngữ.

Chủ ngữ và vị ngữ có thể do một từ hoặc một tập hợp từ đảm nhiệm.

Ví dụ:

(1). *Lan ngủ.*

(2). *Bé Lan đang ngủ say.*

Ví dụ (1), *Lan* là chủ ngữ, *ngủ* là vị ngữ. Ví dụ (2), *Bé Lan* là chủ ngữ, *đang ngủ say* là vị ngữ.

b) Thành phần phụ của câu

(1). **Trạng ngữ**

Trạng ngữ là từ hoặc tập hợp từ làm thành phần phụ của câu nêu hoàn cảnh, tình hình của sự việc được nói tới trong nòng cốt câu. Trạng ngữ gồm nhiều loại: trạng ngữ chỉ cách thức, phương tiện; chỉ nguyên nhân; chỉ mục đích; chỉ điều kiện; hoặc chỉ sự nhượng bộ.

Ví dụ:

– **Đánh xoảng một cái**, cái bát ở mâm ông Lí Cụt bay ra ngoài sân.

– **Để học tập tốt**, chúng tôi đã mua nhiều tài liệu mới.

– **Tuy ốm**, nhưng Thanh vẫn cố gắng đến lớp.

(2). **Đề ngữ**

Đề ngữ là thành phần phụ của câu nêu lên vật, việc được nói đến trong câu và không giữ vai trò chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu.

Ví dụ:

– **Còn chị**, chị công tác ở đâu?

– **Về phần tôi**, tôi cũng xin chịu.

(3). **Phụ tình thái**

Phụ tình thái là thành phần nằm ngoài nòng cốt câu, chỉ ra một số tình thái nhất định như hỏi, bộc lộ thái độ, cách đánh giá,...

Ví dụ:

– Người **thế mà lại** vô tâm. Chẳng giấu gì chú, năm ấy tôi làm phu đào huyệt chôn người chết ở Nam Định, gặp mẹ nó bây giờ cùng cảnh lang thang đầu đường góc chợ mới rủ về làm bạn với nhau. **Thế mà** hơn hai mươi năm **rồi đấy**.

(Nguyễn Đình Dũng)

– **Đêm nay nhất định** mưa đấy.

c) Thành phần biệt lập của câu

(1). **Phần hô đáp**

Phần hô đáp là phần gọi tên, gọi người cùng nói chuyện hoặc là lời kêu lên để bộc lộ cảm xúc.

Ví dụ:

– **Ôi thôi, chú mày ơi !** Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

(Tô Hoài)

– **Này, bà còn thức hay ngủ đấy.**

(2). **Phần phụ chú**

Phần phụ chú là phần biệt lập với nòng cốt câu, được dùng làm rõ thêm một phương diện nào đó cho một bộ phận khác của câu hoặc cho toàn câu.

Ví dụ:

– **Cụ cứ tưởng thế đấy chứ, tôi an ủi lão, chứ nó chả hiểu gì đâu.**

(Nam Cao)

– **Trong việc này mình không có lỗi, Thuý Lan tự nhủ.**

(3). **Phần chuyển tiếp**

Phần chuyển tiếp là bộ phận biệt lập với nòng cốt câu, được dùng để nối ý, chuyển ý giữa các câu, các đoạn văn có quan hệ với nhau.

Ví dụ:

– **Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới.**

(Nam Cao)

– **Vườn cây đâm chồi nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa.**

3. Phân loại câu trong tiếng Việt

a) Phân loại câu theo mục đích nói

(1). Câu trần thuật

Câu trần thuật là câu có mục đích nhìn nhận sự vật, sự việc. Khi viết, cuối câu trần thuật thường đặt dấu chấm.

Ví dụ:

Những người không sành thường nghĩ bành ăn chát. Thực ra, vớ được một quả bành đực, nhất là bành quế, cắn một cái ngáp răng, nhai thủng thỉnh, còn ngọt hơn cả cam hay táo. Nếu ăn hết một trái mà anh thấy còn thềm thì lấy hòn đá đập cái hột ra; anh sẽ có một cái nhân bùi như trám; và có nhiều, đem đồ xôi trước cúng cụ, sau ăn thì tuyệt.

(Vũ Bằng)

(2). Câu nghi vấn

Câu nghi vấn là câu có mục đích nêu điều chưa rõ, chưa biết, còn hoài nghi và cần được giải đáp, trả lời.

Ví dụ: *Sợ gì? Mà bảo tao sợ cái gì? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa.*

(Tô Hoài)

(3). Câu cầu khiến

Câu cầu khiến là câu có mục đích khuyên bảo, sai khiến, ra lệnh,... đối với người tiếp nhận lời.

Ví dụ:

– Bác Thủy ơi, bác có chuyện gì vui vui kể đi nào?

– Bác Thủy ơi, hay là bác kể chuyện buồn cũng được. Chuyện nào buồn nhất ấy!

(Nguyễn Kiên)

(4). Câu cảm thán

Câu cảm thán là câu được dùng với mục đích cảm xúc vui, buồn, tức giận,...

Ví dụ:

– Khiếp, bác mua có chục trái trứng gà mà lựa đến cả tiếng. Đàn ông cũng có người kĩ tính thật!

(Dương Thu Hương)

b) Phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp

Theo cấu tạo ngữ pháp, câu tiếng Việt được chia thành 3 loại:

(1). Câu đơn

Câu đơn là câu có cấu tạo ngữ pháp chỉ có một kết cấu chủ – vị làm nòng cốt câu. Câu đơn lại có thể chia thành:

– Câu đơn bình thường

Ví dụ:

Ruột gan Nhấn rớt bời.

(Hồ Phương)

– Câu đơn đặc biệt

Ví dụ:

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.
Não nùng.

(Nguyễn Công Hoan)

– *Câu đơn rút gọn*

Ví dụ:

Nhiều người, trước khi nói không sắp sửa kĩ càng. *Lúc ra nói hoặc lặp lại những cái người trước đã nói, hoặc lặp đi lặp lại cái mình đã nói rồi. Lúng túng như gà mắc tóc. Thôi đi thì trên. Nói nữa thì chán tai.*

(X.Y.Z)

(2). *Câu phức*

Câu phức là câu có từ hai kết cấu chủ – vị trở lên, trong đó chỉ có một kết cấu chủ – vị làm nòng cốt câu, các kết cấu chủ – vị còn lại giữ vai trò thành phần nào đó bên trong nòng cốt câu.

– *Câu phức chủ ngữ*

Ví dụ:

Mùi xăng nồng nặc toả khắp rừng tràm báo hiệu rằng nó còn tiếp tục cháy rộng ra nữa.

(Anh Đức)

– *Câu phức vị ngữ*

Ví dụ:

Những di vật ở dưới đất là một kho tàng rất quý báu, vô giá.

(Phạm Văn Đồng)

– *Câu phức định ngữ*

Ví dụ:

*Anh phải có trách nhiệm với sự tin cậy của người bạn gái mà **anh vốn mến**.*

(Nguyễn Khải)

– *Câu phức bổ ngữ*

*Ông lão cứ ngỡ là **mình còn trong chiêm bao**.*

(Anh Đức)

(3). *Câu ghép*

Câu ghép là câu có từ hai kết cấu chủ – vị trở lên, mỗi kết cấu chủ – vị làm thành một vế câu, chúng không bao hàm lẫn nhau.

– *Câu ghép chính phụ*

Ví dụ:

+ **Tuy** có nhiều vấn đề còn phải thảo luận và chưa phải đã có thể kết luận được ngay **nhưng** dần dần chúng ta đã xác định được vị trí của "Truyện Kiều" và của Nguyễn Du trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

(Hoài Thanh)

+ **Nếu** nhà chị không theo, **thì** quan quở, chớ có trách tôi đấy.

(Nguyễn Công Hoan)

– Câu ghép đẳng lập

Ví dụ:

+ *Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu xào xạc dưới bàn chân.*

(Kim Lân)

+ *Xuân Diệu cần hồn nhiên thêm, và Tế Hanh phải bớt tự nhiên đi.*

(Chế Lan Viên)

– Câu ghép qua lại

Ví dụ:

Anh Dậu mới kê đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào.

(Ngô Tất Tố)

– Câu ghép chuỗi

+ *Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.*

(Hồ Chí Minh)

+ *Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng.*

(Nguyễn Trung Thành)

Như vậy, trong câu ghép, tùy thuộc vào những phương tiện được dùng để liên kết các vế câu, ta có thể chia câu ghép thành bốn loại: *ghép chính phụ, ghép đẳng lập, ghép qua lại và ghép chuỗi.*

4. Luyện tập

1. Bài tập 1

Hãy phân loại các câu trong đoạn văn dưới đây theo mục đích nói:

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng tự nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại để ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này! A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào để ra thân hắn, để ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã để ra Chí Phèo! Nhưng mà biết đứa nào đã để ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

(Nam Cao)

Bài tập 2

Câu nghi vấn được sử dụng trong hai đoạn văn dưới đây có nhằm mục đích hỏi không? Hãy nêu tác dụng của những câu nghi vấn này.

– *Có lẽ Nguyễn Du không từng viết kịch hay đóng kịch nhưng rõ ràng Nguyễn Du rất biết "nhập vai", Nguyễn Du từng hoà với Kiều làm một và hoà làm một đến một mức rất sâu. Nhưng hoà làm một với Kiều mà vẫn là Nguyễn Du, người sáng tạo ra cả thế giới*

Truyện Kiều, vẫn nhìn Kiều và nhìn mọi người trong truyện với cái nhìn của Nguyễn Du. Cái khó trong nghệ thuật viết truyện cũng như trong nghệ thuật sân khấu, phải chăng là ở chỗ này?

(Hoài Thanh)

– Cái màu xanh luôn luôn biến đổi của nước bể chiều nay trên biển Cô Tô như là thử thách cái vốn từ vựng của mỗi đứa tôi đang nổi gió trong lòng. Biển xanh như gì nhỉ? Xanh như lá chuối non? Xanh như lá chuối già? Xanh như mùa thu ngả cốm làng Vòng? Nước biển Cô Tô đang đổi từ vẻ xanh này sang vẻ xanh khác. Nó xanh như cái màu áo Kim Trọng trong tiết Thanh minh. Đúng một phần thôi. Bởi vì con sóng vừa dộ lên kia đã gia giảm thêm một chút ít, đã pha biển sang màu khác. Thế thì nước biển xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư Mã nghe đàn tì bà trên con sóng Giang Châu thì có đúng không? Chưa được ư? Thế thì nó xanh như màu áo cưới, được không. Hay là nói thế này: nước biển chiều nay xanh như một trang sử của loài người, lúc con người còn viết vào thân tre [...]. Chao ôi, nước biển Cô Tô chiều nay xanh cái màu xanh của ngọc bích. Hoặc là chao ôi nó xanh như một niềm hi vọng trên cửa bể. Nghe nó lại càng chung chung, chưa sướng gì, nhưng thôi hãy tạm khoanh lại đó đã.

(Nguyễn Tuân)

Bài tập 3

Hãy lần lượt cho biết từng câu dưới đây được dùng với mục đích gì?

- Nào, chị có cho tôi mượn được cái quạt không thì bảo?
- Trời ơi, có ai lại khổ như tôi thế này không?
- Thôi đi ông, còn tếu được cơ à?
- Bò no chưa! Thôi mau tắm rửa, thay quần áo đi! Cơm canh còn nóng nguyên, kẻo nguội tiệt cả bây giờ!

(Hồ Phương)

– Thế ra những năm đồng sáu kia đấy? À, mà lại còn tiền ăn đường của thằng bé này nữa nhỉ. Thế tất cả là đi, cho là năm đồng tiền tàu, với lại tám hào lính, với lại, mỗi ngày tiền ăn của nó bao nhiêu hở ông?

(Nguyễn Công Hoan)

Bài tập 4

Hãy tách biệt chủ ngữ và vị ngữ trong các câu dưới đây (ở hai đoạn trích) bằng một gạch chéo.

– Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

(Thép Mới)

– Những bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông. Những lò than hầm gỗ được sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam. Những ngôi nhà bè ban đêm được ánh đèn măng sông chiếu rọi trên mặt nước như những khu phố nổi.

(Theo Đoàn Giỏi)

Bài tập 5

Tìm các thành phần phụ của câu có trong những đoạn văn dưới đây và cho biết các thành phần phụ đó thuộc loại nào.

– *Cái chàng Đế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.*

(Tô Hoài)

– *Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa. Nhưng, trên đường trường ta dần bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.*

(Thép Mới)

Bài tập 6

Tìm các thành phần biệt lập trong câu có trong đoạn văn dưới đây và cho biết các thành phần biệt lập đó thuộc loại nào.

Mỗi lần có dịp đứng trên cầu Long Biên, cây cầu do chính nhà kiến trúc sư vĩ đại mà tên tuổi của ông được đặt thành tên ngọn tháp Ép-phen hùng vĩ thiết kế, tôi lại say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối phía Gia Lâm không bao giờ chán mắt. Cái màu xanh cần lao ấy gợi bao yêu thương và yên tĩnh trong tâm hồn ta. Và khi chiều xuống, nhìn về phía Hà Nội, thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gợi lên bao quyến rũ khát khao.

(Theo Thuý Lan)

Bài tập 7

Hãy xác định câu đơn, câu ghép có trong phần trích sau:

Tôi cõng ba lô, giắt hai quả lựu đạn, khoác một khẩu tiểu liên lên đường về qua lối Mai Xiu. Máy hôm ấy mưa dầm dọt, mưa thổi đất thổi cát. Mưa trên rừng núi đáng lẽ buồn chết người đi được nhưng trái lại tôi thấy vui ghê, vì chắc chắn chuyến này thế nào cũng được rẽ qua nhà một tí. Anh tính ba năm rồi còn gì...

... Tôi không thể nói gì hơn nữa, quay đi, bước thật mau. Vừa đi tôi vừa có cảm giác Chi vẫn đang thân thờ nhìn theo và đang vẫy. Khi đi khuất ngọn tre làng cũ, tôi mới đi chậm lại. Trời lơ mờ sáng. Ngôi sao Mai vàng ánh đã hiện trên nền trời sáng như bạc phía đông.

(Hồ Phương)

Bài tập 8

Hãy xác định kiểu câu đơn có trong những phần trích dẫn dưới đây:

– Nó gật đầu mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Xuyt xoạt! Cay! Ngon quá!

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

(Nguyễn Công Hoan)

– Một giờ, hai giờ, một ngày, hai ngày cho đến năm ngày đêm, nước đã vào đến ruộng, cờ đã mọc ngay giữa cánh đồng đang chết khát. Nước đã chảy reo quanh chân lúa. Lúa rung lên. Lòng người cũng rung lên. Nước đã lấp dần các vết thương nứt nẻ. Hình tam giác, lục giác, bát giác đã nối liền thành một khối. Nước chảy tràn ra, tràn mãi ra, triền miên. Một sào, hai sào, một mẫu, hai mẫu, rồi hàng trăm, hàng ngàn mẫu uống nước, uống mãi...

Trời vẫn nắng nhứt cả mắt. Vẫn không một giọt mưa.

Nước vẫn chảy chan hoà, reo trên những ruộng lúa.

(Thanh Tịnh)

Bài tập 9

Hãy xác định kiểu câu ghép có trong phần trích dẫn dưới đây:

Bởi vì tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phạch vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phanh phạch giòn giòn.

(Tô Hoài)

II. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC ĐẶT CÂU

1. Đặt câu phải phù hợp với quy tắc ngữ pháp

Bất kì một ngôn ngữ nào cũng có những quy tắc ngữ pháp riêng của mình. Tiếng Việt cũng như vậy. Vì thế, khi đặt câu, chúng ta buộc phải tuân theo những quy tắc ấy. Chỉ câu viết đúng quy tắc ngữ pháp người đọc mới có thể hiểu được một cách chính xác, rõ ràng và đầy đủ các ý. Đặt câu không đúng quy tắc ngữ pháp là những câu sai.

Ví dụ:

– Bó hoa.

– Bó hoa tươi này.

– Bó hoa thược dược tươi kia.

– Bó hoa thược dược tươi kia của chị Lan.

– Bó hoa thược dược tươi của chị Lan mua sáng nay.

Những ví dụ dẫn trên đều chưa thành câu.

Nhưng những ví dụ dưới đây lại được xác nhận đã thành câu:

– Bó hoa / tươi.

- *Bó hoa này / tươi.*
- *Bó hoa thược dược kia / tươi.*
- *Bó hoa thược dược của chị Lan / tươi.*
- *Bó hoa thược dược của chị Lan mua sáng nay / tươi.*

Trong tiếng Việt, trật tự từ trong câu, sự có mặt hay vắng mặt của các từ quan hệ,... giữ một vai trò hết sức quan trọng. Chỉ cần đổi trật tự từ hoặc thêm hay bớt đi một từ quan hệ là nội dung của câu hoặc cấu tạo ngữ pháp của câu cũng thay đổi.

Ví dụ:

(1). – *Đây là con gà của mẹ.*

– *Đây là con gà mẹ.*

(2). – **Qua** buổi giao lưu đã giúp ta hiểu thêm tấm lòng của bạn bè trên khắp mọi miền của Tổ quốc.

– *Buổi giao lưu đã giúp ta hiểu thêm tấm lòng của bạn bè trên khắp mọi miền của Tổ quốc.*

(3). – **Anh** dạy **tôi** học ngoại ngữ.

– *Tôi dạy anh học ngoại ngữ.*

2. Đặt câu phải hợp logic - ngữ nghĩa

Câu hợp logic – ngữ nghĩa là câu cần đạt được những yêu cầu sau:

a) Câu phải có nghĩa

Câu có nghĩa là câu phải có nội dung, tức là câu khi đọc, hoặc khi nghe mọi người đều có thể hiểu được câu đó muốn nói điều gì.

Theo quan niệm này thì những câu dưới đây (khi đứng độc lập, tách khỏi mối quan hệ với các câu khác trong văn bản) là câu sai về logic – ngữ nghĩa vì nội dung vô nghĩa, đọc lên không ai hiểu gì:

– *Thánh sấu gươm vua gươm tam cò.*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

– *Sông Nhĩ Hà sấu ba mươi sáu thước, chim ăn chim béo, cá không ăn cá bay về núi Hồng Sơn. Nhớ thuở xưa vua Thân Nông giá sắt, vua Đế Thuấn canh vên, cùng quăng cùng quăng, cùng quăng, tổng bắt ngoại bò vàng chi liếm lá !...*

(Giai thoại văn học Việt Nam)

b) Câu phải phù hợp với logic tồn tại, vận động của đối tượng

Điều này đòi hỏi mỗi câu viết ra phải phản ánh đúng quy luật tồn tại hoặc vận động của bản thân đối tượng được trình bày trong câu. Câu phản ánh không đúng bản chất, phản ánh sai logic tồn tại, vận động của đối tượng là câu sai.

Ví dụ:

Lần sau, mẹ chồng bảo chị luộc năm quả trứng. Trứng chín chị ta ăn nghiền đi hai quả. Đến bữa, mẹ chồng ngạc nhiên hỏi:

– *Sao luộc năm quả mà chỉ còn lại ba?*

Chị ta thản nhiên trả lời:

– *Tại trứng nó ngọt đi đấy, mẹ ạ !*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

Câu "Tại trứng nó ngọt đi đấy, mẹ ạ!" là câu phản ánh sai bản chất của đối tượng.

Những câu dưới đây cũng là những câu sai logic – ngữ nghĩa:

– Ông Thanh úp cái mũ lên mặt rồi ngã lưng xuống giường ngủ một giấc đến tận chiều.

(Theo Nguyễn Đức Dân)

– *Họa chẳng có người nhà ông chết nhầm thì có!*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

– *Đậu phụ làng cần đậu phụ chùa đấy ạ!*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

Để câu viết ra phản ánh đúng quy luật tồn tại hoặc vận động của bản thân đối tượng được trình bày, người viết cần chú ý đảm bảo tuân thủ đúng quy luật về các mối quan hệ không gian, thời gian, nhân quả, tăng tiến, nhượng bộ,... giữa các bộ phận câu, giữa các thành phần trong câu.

c) Phải nhất quán trong việc trình bày

Điều này đòi hỏi các ý trong câu phải có sự thống nhất với nhau, nghĩa là ý này không được mâu thuẫn, không được phủ định ý khác. Khi trong nội bộ một câu, các ý không nhất quán với nhau, câu đó sẽ bị coi là câu sai.

Ví dụ:

– *Tôi tưởng Nam không đến **hoá ra** Nam không đến thật.*

– *Bây giờ **đã là** 8 giờ, ta cứ **từ từ thôi** cũng vẫn kịp giờ tàu chạy.*

– *Tôi **đã** thuộc lòng những bài thơ anh **sắp** viết.*

3. Đặt câu phải phù hợp với phong cách ngôn ngữ văn bản, phù hợp với phong cách nói, viết

Văn bản bao giờ cũng trình bày theo một phong cách ngôn ngữ nhất định. Với cùng một nội dung nhưng ở những phong cách ngôn ngữ khác nhau sẽ có cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn,... khác nhau. Để lựa chọn được phong cách ngôn ngữ phù hợp với văn bản, ta có thể dựa vào việc trả lời các câu hỏi sau:

– Nói, viết về vấn đề gì (nội dung giao tiếp)?

– Nói, viết để làm gì (mục đích giao tiếp)?

– Nói, viết với ai (nhân vật giao tiếp)?

Có nhiều phong cách ngôn ngữ văn bản khác nhau để người sử dụng lựa chọn: phong cách khoa học, phong cách chính luận, phong cách hành chính, phong cách báo chí. Việc lựa chọn đúng phong cách ngôn ngữ văn bản sẽ giúp người đọc, người nghe hiểu chính xác, nhanh chóng và đầy đủ nội dung trình bày.

Hãy so sánh hai ví dụ dưới đây để thấy sự khác biệt trong cách đặt câu thuộc hai phong cách khác nhau:

– Rừng tre, nứa ở nước ta có nhiều loài, nhưng thông dụng nhất có khoảng 30 loài như: tre trinh, tre hoa, tre vầu, luồng, giang, lồ, nứa, trúc,... Các loại tre, nứa này phân bố ở Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Nam Bộ.

(Theo Việt Nam đất nước giàu đẹp)

– Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân thuộc làng tôi,... đâu đâu cũng có nứa tre làm bạn.

(Thép Mới)

Văn bản có thể tồn tại ở dạng nói và dạng viết. Mỗi dạng có những đặc điểm riêng của mình về mặt sử dụng ngôn ngữ, trong đó có việc đặt câu. Ở dạng viết văn bản thường xuất hiện những câu đầy đủ hai thành phần nòng cốt, câu văn dài, kết cấu chặt chẽ, nhiều tầng bậc...; trong khi đó, ở dạng nói của văn bản, câu tỉnh lược các thành phần, câu văn ngắn, có cấu trúc đơn giản, giàu hình ảnh,... lại xuất hiện với tần số khá lớn.

Ví dụ:

– Không còn nghi ngờ gì nữa, mình đã về trên đất nước cha ông rồi, bao nhiêu danh lam thắng cảnh của năm châu cũng không thấy đậm thắm như hình ảnh kia, một con cò tung cánh bay giữa đồng ruộng xanh tươi...

(Nguyễn Khắc Viện)

– À thằng này giỏi! Tao nuôi mày của chất cao hơn người, thử hỏi mày đã làm được gì báo đáp chưa mà tấp tễnh, học đòi phá của đấy hử?

(Nguyễn Kiên)

Như vậy nói, viết đúng phong cách văn bản là điều chúng ta cần hết sức chú ý trong việc đặt câu nói riêng và việc sử dụng ngôn ngữ của mình nói chung.

4. Luyện tập

Bài tập 1

Những kết hợp dưới đây đã thành câu chưa, vì sao?

- Con mèo ấy
- Con mèo đen ấy
- Con mèo đen đang ăn cơm ấy
- Con mèo đen đang ăn cơm ở góc nhà ấy
- Con mèo đen của gia đình anh Nam
- Con mèo đen của gia đình anh Nam ấy
- Con mèo đen của gia đình anh Nam mới mua hôm qua ấy

Bài tập 2

Trong số những kết hợp dưới đây, hãy đánh dấu vào những kết hợp đã thành câu:

- a) – Bông hoa đã nở ấy
- Bông hoa ấy đã nở.
- b) – Tờ báo ấy chị Lan vừa mua hôm qua.
- Tờ báo chị Lan vừa mua hôm qua ấy.

- c) – Đó là quyển sách của mẹ.
- Quyển sách đó của mẹ.
- Quyển sách mẹ mua đó.
- Mẹ mua quyển sách đó.

Bài tập 3

Hãy đánh dấu vào câu được coi là cách viết đúng:

- a) Đại hội các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến lần thứ tư đã được khai mạc sáng nay tại Nhà hát thành phố.
- b) Các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến đã khai mạc đại hội lần thứ tư vào sáng nay tại Nhà hát thành phố.
- c) Sáng nay tại Nhà hát thành phố, đại hội các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến lần thứ tư đã được khai mạc.
- d) Đại hội lần thứ tư của các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến đã được khai mạc sáng nay tại Nhà hát thành phố.
- e) Tại Nhà hát thành phố, sáng nay các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến đã khai mạc đại hội lần thứ tư.

Bài tập 4

Câu nào sai trong số những câu dưới đây:

- a) – Tre giữ làng, giữ nước.
- Tre, giữ làng, giữ nước.
- b) – Quyển sách này, tôi đã đọc nhiều lần.
- Quyển sách mà tôi đã đọc nhiều lần này.
- Quyển sách này, tôi đã nhiều lần đọc.
- Tôi đã đọc nhiều lần quyển sách này.
- Quyển sách mà nhiều lần tôi đọc này.
- Quyển sách lần này tôi đọc.
- Quyển sách tôi đọc lần này.
- c) – Em tôi là một đứa trẻ thông minh.
- Trẻ thông minh là em tôi.
- Em tôi nó là đứa trẻ thông minh.
- d) – Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội.
- Anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội.
- Anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội là hình ảnh đậm nét trong thơ văn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

– Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội là hình ảnh đậm nét trong thơ văn kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.

Bài tập 5

Câu nào đúng trong số các câu dưới đây:

- Ở đây nhỏ răng không đau.
- Ở đây nhỏ không đau răng.
- Ở đây không làm đau răng khi nhỏ.

Bài tập 6

Chọn cách viết nào trong số các câu sau:

- a) – Vì anh nghỉ mà tôi cũng nghỉ.
 - Vì anh nghỉ nên tôi cũng nghỉ.
 - Vì anh nghỉ, tôi cũng nghỉ.
- b) – Vì mưa càng mạnh, nên gió càng to.
 - Vì mưa càng mạnh, nên gió to.
 - Vì mưa mạnh nên, gió càng to.
 - Vì mưa mạnh, nên gió to.
 - Mưa mạnh, nên gió càng to.
 - Mưa mạnh, nên gió to.
 - Mưa mạnh, gió to.
 - Mưa càng mạnh, gió to.
 - Mưa càng mạnh, gió càng to.

Bài tập 7

Các câu dưới đây có thể hiểu theo những cách nào:

- Khi ăn cơm không được uống thuốc.
- Bò cày không được giết.
- Cô giáo mới vừa đến.

Bài tập 8

Hãy chỉ ra chỗ khác nhau trong việc đặt câu ở những phần trích thuộc các phong cách khác nhau dưới đây:

a) – Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ và kho của hợp tác xã. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.

(Hồ Chí Minh)

– Nhìn xuống cánh đồng có đủ các màu xanh: xanh pha vàng của ruộng lúa, xanh rất mượt của lúa chiêm đang thì con gái, xanh đậm của những rặng tre, đây đó một vài

cây phi lao xanh biếc và rất nhiều màu xanh khác nữa. Cả cánh đồng thu gọn trong tầm mắt, làng nối làng, ruộng tiếp ruộng. Cuộc sống ở đây có một cái gì mặn mà, ấm áp.

b) – Sông Đà dài 910 km từ Vân Nam vào nước ta theo hướng tây bắc – đông nam gần như song song với sông Hồng. Đoạn chảy ở địa phận nước ta dài trên 500km. Qua Lai Châu, dòng sông chảy trong một thung lũng sâu giữa khối cao nguyên đá vôi vùng Tây Bắc nên lắm thác, ghềnh và đi qua những hẻm hùng vĩ. Đến Hoà Bình, gặp núi Ba Vì, sông quặt lên phía bắc rồi đổ vào sông Hồng ở Thái Bình.

(Theo SGK Địa lí)

– Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hoà vào sông Hồng. Từ biên giới Trung – Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân sông Đà thì chiều dài là 888 nghìn thước mét.

(Nguyễn Tuân)

Bài tập 9

Những câu văn dưới đây thuộc dạng nói hay viết? Vì sao?

– Thôi, chú đừng giận. Tôi mời chú ăn cơm để anh em tâm sự. Với lại tôi làm theo di chúc của bà đấy. Hồi bà sắp mất, bà gọi tôi đến bà bảo: Thầy mày đừng đánh giấy cho chú An làm gì. Đường xa, đi lại máy bay máy bò vất vả...

(Vũ Tú Nam)

– Ngày mai các em có quyền mơ ước một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mười mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện, ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm, dài trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường to lớn, vui tươi.

Trăng đêm nay sáng quá! Trăng mai còn sáng hơn!

(Thép Mới)

– Các em hiện nay tuổi mười bốn, mười lăm, trong cuộc chạy tiếp đống giữa các thế hệ, các em sẽ tiến lên cầm ngọn đuốc của dân tộc giơ cao lên sáng ngời! Đối với tiếng Việt cũng vậy, những người ngày mai rất gần đây giữ gìn và phát triển tiếng Việt là các em! Tâm hồn nhạy bén, trong sáng dào dạt của các em sẽ đưa đến những kho tàng mới cho tiếng Việt. Ngay từ bây giờ, các em phải có ý thức ấy. Các em yêu mến hãy nghĩ xem! Còn gì sung sướng hơn được làm lụng đổ mồ hôi trên đất nước của Tổ quốc liên một khối từ Lạng Sơn đến Cà Mau, đất nước mà hiện giờ ta đang phải lấy cả máu mình để bảo vệ; còn gì sung sướng hơn được nói, viết, học tiếng Việt, tâm hồn ta gần làm một với tinh hoa tiếng nói Việt Nam yêu quý!

(Xuân Diệu)

Bài tập 10

Hãy thay những từ ngữ được in đậm trong các câu văn thuộc dạng nói dưới đây bằng những từ ngữ tương đương trong văn viết:

*– Thôi, cứ nhớ những lời anh em **bàn góp** như vậy mà về **xử sự** cho nó **ổn** đi.*

(Nguyễn Thế Phương)

– *Bây giờ chết nổi gì cũng trắng tay, chẳng có gì mà giúp cho cháu được.*

(Nguyễn Đình Thi)

– *Tình tôi cũng thế đấy. Mớ vào việc gì cũng muốn cưa đứt đục suốt. Tôi ghét nhất sự làm ăn quá quác, cứ y như chuột vầy cháo ấy.*

(Đỗ Chu)

III. CHỮA CÂU SAI

1. Một số điều lưu ý trong việc chữa câu sai

Viết câu sai có nhiều nguyên nhân. Loại trừ trường hợp viết câu sai không phải là do năng lực hạn chế, do trình độ kém cỏi mà chủ yếu là do người viết vội vàng, cẩu thả nên dẫn tới chỗ viết sai, ta có thể nêu lên một số nguyên nhân chính của việc viết câu sai như sau:

– *Người viết thiếu những hiểu biết về ngôn ngữ học nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng, đặc biệt là cú pháp tiếng Việt.* Vì thế, khi đặt câu, người viết không biết thế nào là một câu đúng ngữ pháp, không biết câu đã đủ các thành phần cần thiết chưa, không hiểu mối quan hệ ngữ pháp, ngữ nghĩa giữa các câu ra sao,... nên từ đó dẫn đến chỗ viết sai.

– *Do năng lực tư duy của người viết kém, do đó suy nghĩ của họ thường thiếu chặt chẽ, sắp xếp nội dung lộn xộn, các ý được thể hiện không có sự mạch lạc, thiếu trong sáng.* Chính năng lực tư duy kém cùng với sự non yếu trong hiểu biết về ngôn ngữ học đã khiến cho người viết viết không thành câu, khi thì kết cấu rời rạc, khi thì kết cấu không đầy đủ, khi thì không xác định được mối quan hệ của các thành phần trong câu,... Do tư duy kém nên người viết thể hiện các ý ra cũng không rành mạch khiến cho người đọc không hiểu người viết muốn trình bày điều gì.

– *Do trình độ văn hoá và sự hiểu biết chung về các mặt của đời sống xã hội của người viết còn những khiếm khuyết.* Điều này khiến cho các câu tạo ra thường mắc những sai lầm về nội dung logic – ngữ nghĩa và từ đó làm cho câu viết ra cũng bị sai.

Câu sai có nhiều kiểu khác nhau, vì thế chữa câu sai cũng tùy thuộc vào kiểu sai cụ thể mới có khả năng định ra một cách chữa phù hợp nhất. Vì vậy, khó có thể có một chỉ dẫn chung dùng để chữa đúng cho mọi lỗi sai về câu. Tuy thế, để chữa được câu sai, ta có thể thống nhất với nhau ở những điểm cơ bản sau:

– *Cần nắm vững tiêu chí của một câu đúng.* Chỉ khi biết câu thế nào là viết đúng mới có thể chữa được câu sai. Đúng ở đây không phải chỉ là đúng ngữ pháp, mà còn cần phải đảm bảo đúng ngữ nghĩa – đúng logic, đúng phong cách và đúng trong mối quan hệ liên kết câu trong toàn văn bản.

– *Khi đã biết câu sai, muốn chữa được, cần phải theo dõi mạch nội dung thông tin để tìm hiểu xem câu bắt đầu đứt mạch, khó hiểu hoặc không hiểu được từ phân nào, ý nào.* Khi phát hiện đúng được điểm sai, ta rút gọn để tìm cấu trúc nòng cốt phù hợp với nội dung cần thể hiện. Cuối cùng đề xuất cách sửa chữa.

– Khi chữa xong, cần *kiểm tra lại câu chữa* xem đã đúng với tổ chức nội tại của câu chưa và có thống nhất nghĩa với các câu khác trong văn bản không. Nếu chưa đạt yêu cầu thì xem xét lại và tìm cách chữa khác cho phù hợp.

2. Chữa một số lỗi câu thường gặp

a) Lỗi do câu thiếu chủ ngữ

Ví dụ: *Qua nhân vật chị Sứ thấy rất rõ lòng yêu quê hương, yêu làng xóm thiết tha của người dân Việt Nam.*

Câu này sai vì người viết lầm tưởng bộ phận "*Qua nhân vật chị Sứ*" là chủ ngữ của câu. Thật ra, bộ phận này chỉ là trạng ngữ, một thành phần phụ của câu. Có thể chữa lại câu này như sau:

Qua nhân vật chị Sứ, chúng ta thấy rất rõ lòng yêu quê hương, yêu làng xóm thiết tha của người dân Việt Nam.

Những câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự:

– *Trong tác phẩm Tắt đèn đã thể hiện đậm nét những phẩm chất tốt đẹp của người dân lao động, đặc biệt là người phụ nữ lao động.*

– *Ở người thanh niên cộng sản ấy luôn luôn tin vào sự tất thắng của cách mạng Việt Nam.*

b) Lỗi do câu thiếu vị ngữ

Ví dụ: *Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến.*

Câu này sai vì người viết đã kéo quá dài phần phụ giải thích "thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến" nên họ lầm tưởng phần này là phần vị ngữ của câu. Có thể chữa lại câu này theo hai cách:

– Cách 1, biến bộ phận phụ giải thích thành bộ phận vị ngữ bằng cách thêm từ là vào sau chủ ngữ *thầy Nam*: *Thầy Nam là thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến.*

– Cách 2, thêm bộ phận vị ngữ vào cho câu: *Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến, đang trò chuyện vui vẻ với các bạn đồng nghiệp.*

Câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu vừa dẫn trên:

Hồ Chủ tịch, vị cha già kính yêu của dân tộc, lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, người kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

c) Lỗi do câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ

Ví dụ: *Trong các tác phẩm dân gian, bằng sự hóm hỉnh, bằng trí tuệ thông minh sắc sảo, bằng nghệ thuật gây cười độc đáo và đả kích sâu cay của mình với bọn thầy bói, thầy cúng tham ăn, tham uống.*

Câu này sai vì người viết mới xác lập được các thành phần trạng ngữ, nhưng vì số lượng trạng ngữ nhiều mà câu lại dài nên người viết đã quên không viết tiếp thành phần nòng cốt của câu. Vì vậy, để câu này trở thành câu đúng ngữ pháp, ta cần phải thêm vào

cho câu một kết cấu nòng cốt chủ – vị phù hợp với các thành phần trạng ngữ đã có. Câu này có thể chữa lại như sau:

Trong các tác phẩm dân gian, bằng sự hóm hỉnh, bằng trí tuệ thông minh sắc sảo, bằng nghệ thuật gây cười độc đáo và đả kích sâu cay của mình, quần chúng nhân dân đã phê phán mạnh mẽ thói tham ăn, tham uống của bọn thầy bói, thầy cúng.

Câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu trên:

Từ khi anh gia nhập Vệ quốc đoàn, chiến đấu với tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, rồi lên đường tham gia các chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mĩ, đến khi nhận quyết định về hưu với quân hàm trung tá.

d) Lỗi do thiếu một vế trong câu ghép

Lỗi này là loại lỗi do người viết dùng cặp từ quan hệ hô ứng để tạo câu nhưng do mới chỉ có một vế câu xuất hiện còn vế kia chưa có nên dẫn tới câu sai.

Ví dụ: **Mặc dù** quân giặc đã dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ và dùng mọi cực hình tra tấn chịt hết sức dã man.

Câu này có cấu trúc đầy đủ sẽ gồm hai vế là: *mặc dù... / nhưng...* Thế nhưng câu này mới chỉ xuất hiện vế thứ nhất, thiếu vế thứ hai nên dẫn tới câu sai. Để chữa lại, cần viết thêm vế thứ hai cho cấu trúc câu được hoàn chỉnh. Có thể chữa như sau:

*Mặc dù quân giặc đã dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ và dùng mọi cực hình tra tấn hết sức dã man, **nhưng** chịt vẫn không chịu đầu hàng.*

Những câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu trên:

– *Tố Hữu không những là nhà thơ suy nghĩ qua âm nhạc, suy nghĩ trong âm nhạc.*

– *Sở dĩ chúng ta còn một số chưa yên tâm công tác, còn thắc mắc nhiều về tiến độ, về sự đãi ngộ.*

– *Nếu ai đã từng làm quen với hình tượng người nông dân với cuộc sống vất vả, cực nhọc, tới thăm ở nông thôn Việt Nam trong các tác phẩm văn học trước Cách mạng tháng Tám.*

e) Lỗi do chập cấu trúc câu

Đây là loại câu sai do người viết lấy một phần hay toàn bộ một cấu trúc này gắn với một phần hay toàn bộ một cấu trúc khác.

Ví dụ: *Sở dĩ em yêu quý con mèo nhà em vì nó hay bắt chuột nên em mới yêu quý nó.*

Câu này, khi phân tích, chúng ta thấy gồm hai cấu trúc câu như sau:

– *Sở dĩ... vì...* (kết quả – nguyên nhân).

– *Vì... nên...* (nguyên nhân – kết quả).

Vì nhập hai cấu trúc lại nên câu này trở thành câu sai. Để chữa câu này, ta chỉ cần giữ lại một trong hai cấu trúc:

– *Sở dĩ em yêu quý con mèo nhà em vì nó hay bắt chuột.*

– *Vì con mèo nhà em hay bắt chuột nên em mới yêu quý nó.*

Dưới đây là những câu mắc lỗi chập cấu trúc.

– *Cuối cùng, thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hăng hái tham gia đợt trồng cây nhớ ơn Bác Hồ thành công tốt đẹp.*

– *Tôi rất lấy làm sung sướng biết bao.*

g) Lỗi do không có sự phù hợp nội dung ngữ nghĩa giữa các thành phần câu

Đây là loại câu sai do các thành phần câu không có sự phù hợp nghĩa với nhau, các ý không ăn nhập với nhau.

Ví dụ: *Bạn dịch đã tra tấn anh bằng lời lẽ rất man rợ.*

Câu này *tra tấn* và *lời lẽ rất man rợ* không phù hợp nghĩa nên dẫn tới câu sai.

Nguyên nhân chính dẫn đến loại lỗi này là do năng lực tư duy của người viết kém. Để chữa câu sai loại này cần xem xét kỹ các thành phần câu và xác lập đúng đắn mối quan hệ nghĩa giữa các thành phần đó. Với câu trên, ta có thể chữa lại như sau:

Bạn dịch đã tra tấn anh bằng những ngón đòn rất man rợ.

Những câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu trên:

– *Trong tác phẩm **Rừng xà nu**, hình ảnh cụ Mết luôn luôn thể hiện được bản chất tốt đẹp của người dân Việt Nam.*

– *Qua nhân vật Chí Phèo, chúng ta thấy tất cả bản chất xấu xa, bỉ ổi của bọn cường hào gian ác ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng.*

3. Luyện tập

Bài tập 1

Đánh dấu vào những câu được coi là đúng.

– *Lan học giỏi nhưng lười học.*

– *Lan học giỏi và lười học.*

– *Lan càng học giỏi càng lười học.*

– *Lan vừa học giỏi vừa lười học.*

– *Không những Lan học giỏi mà còn lười học.*

– *Nếu Lan học giỏi nhưng Lan lại lười học.*

Bài tập 2

Các câu dưới đây có mắc lỗi về thiếu thành phần nòng cốt câu hay không? Nếu sai, hãy chữa lại cho đúng.

– *Qua việc học tập môn Lịch sử đã làm cho chúng em thêm tự hào với truyền thống quật cường của dân tộc.*

– *Với chất lượng sản phẩm hàng hoá như hiện nay đáng để cho chúng ta lạc quan, tin tưởng vào chất lượng hàng sản xuất ở trong nước.*

– *Vì sự nghiệp giáo dục, vì trách nhiệm đối với thế hệ trẻ, cần cố gắng dạy tốt hơn nữa.*

Bài tập 3

Các câu dưới đây mắc lỗi thiếu cả hai thành phần chính của câu. Hãy chữa lại cho đúng.

– *Nhờ sự đoàn kết nhất trí của toàn dân, toàn quân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*

– *Từ những ngày đầu tiên cắp sách đến trường làng đến lúc trưởng thành bước chân vào cổng trường đại học.*

– Khi đối chiếu, so sánh những câu thơ trong **Truyện Kiều** với những bài ca dao dân ca.

– Để hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế đối với Nhà nước.

– Dù chúng ta phụ trách công tác gì, ở bất kì cương vị nào, và bất cứ hoàn cảnh nào.

– Để Tổ quốc được độc lập, thống nhất, nhân dân được sống trong hoà bình, ấm no, hạnh phúc.

Bài tập 4

Hãy phát hiện và chữa lỗi trong việc viết các câu ghép sau:

– Giai cấp vô sản và nhân dân thế giới không những đấu tranh xoá bỏ áp bức, bóc lột, thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

– Nhân dân thà hi sinh tất cả vì độc lập, tự do của đất nước.

– Giặc càng điên cuồng chống chọi thêm tội ác, càng gieo rắc đau thương trên khắp đất nước ta bao nhiêu.

– Nếu trong lòng ta, tình yêu Đảng, yêu nhân dân mà kém phần nồng nhiệt.

– Tuy Lan là một học sinh gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống gia đình nghèo, bố mẹ bệnh tật, ông bà già yếu và bản thân phải lăn lộn kiếm sống.

Bài tập 5

Hãy chữa lỗi không phù hợp giữa các thành phần câu.

– Sau khi thi được vào đại học, mẹ đã cho tôi đi tham quan nhiều danh lam thắng cảnh của Tổ quốc.

– Được giữ chân đội trưởng, tôi thấy anh nhìn tôi với con mắt thiện cảm hơn trước đây rất nhiều.

– Mắt đăm đăm nhìn ra cửa bể, ta thấy Kiều buồn bã nghĩ tới tương lai tối tăm mù mịt của mình.

– Muốn chiến thắng ta phải chủ động tiến công.

– Nguyễn Du đã lên án xã hội phong kiến thối nát, mục ruỗng vì chính Nguyễn Du đã xuất thân từ tầng lớp xã hội ấy.

Bài tập 6

Trong những đoạn trích dẫn dưới đây, câu nào sai hãy sửa lại cho đúng.

– Rất vui mừng chào đón những đại diện ưu tú của bộ đội Trường Sa thay mặt cho lực lượng quân đội anh hùng đã đại diện cho chúng ta về đây gặp mặt chúng ta trong buổi họp mặt ngày hôm nay làm cho chúng ta hết sức vui mừng, phấn khởi vì chúng ta đã có người đại diện xứng đáng.

– Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ luôn luôn dành muôn vàn tình thương yêu cho các cháu thiếu nhi đã được ghi lại thật sâu đậm trong nhiều bài thơ của Bác ngay cả từ trước Cách mạng tháng Tám, khi còn bị giam giữ trong chốn lao tù của chế độ Tưởng Giới Thạch.

– Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam. Tác phẩm của Người luôn luôn chứa chan một tình thương mệnh mông, sâu sắc đối với đất nước và con người.

– Dân tộc ta, non sông đất nước ta tự hào đã sinh ra một con người vĩ đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của nhân dân Việt Nam.

– Trong tác phẩm **Truyện Kiều** của đại thi hào Nguyễn Du đã tỏ ra rất tài tình trong việc khắc hoạ ngoại hình nhân vật. Với Nguyễn Du, việc miêu tả diện mạo, phục sức, dáng điệu của nhân vật. Đó không bao giờ chỉ đơn thuần là sự vẽ lại hình dáng bề ngoài. Ngược lại, dưới ngòi bút của bậc thiên tài ấy, cái dáng vẻ bề ngoài luôn luôn giúp cho người đọc hình dung rõ hơn bản chất, tính cách bên trong.

– Nếu ai đã từng quen với hình tượng người nông dân và cuộc sống tối tăm ảm đạm của nông thôn Việt Nam trong văn chương hiện thực 1930 – 1945 đến những con người mới, cuộc sống mới sôi nổi khí thế anh hùng cách mạng ở nông thôn miền Bắc hiện tại trong văn học từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

– Đến đây, chúng ta có quyền khẳng định rằng, bằng những câu ca dao trào phúng và những truyện cười dân gian là những vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén của nhân dân lao động.

– Vì chúng ta là những người cùng hoàn cảnh và xuất phát từ nông dân cần lao mà ra thì mới hiểu hết được sự sung sướng của những ngày độc lập, tự do này.

– Từ anh chiến sĩ ngày đêm ngồi trên mâm pháo bảo vệ bầu trời Tổ quốc, từ anh lính đảo Trường Sa tinh táo, cảnh giác bảo vệ vùng biển thân yêu của chúng ta đến các chị em nông dân ngày đêm miệt mài trên đồng ruộng, các chú các bác công nhân không quản mưa nắng ngày ngày vào hầm lò, tới công trường, đến nhà máy để làm giàu thêm nữa cho Tổ quốc.

– Tuy chị Dậu là người yêu chồng, thương con hết mực nhưng chị rất căm thù bọn người nhà lí trưởng.

– Khắp nơi trên đất nước ta, biết bao hình ảnh phụ nữ làm bí thư, làm chủ tịch hoặc giữ những cương vị quan trọng khác trong đời sống xã hội.

PHẦN BỐN

LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

I. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

Đoạn văn là một đơn vị tạo thành văn bản, trực tiếp đứng trên câu, được mở đầu bằng chữ lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu ngắt đoạn.

Theo cách hiểu này về đoạn văn, chúng ta thấy: một mặt, đoạn văn vừa cần phải đảm bảo được sự thống nhất nội tại giữa các câu trong đoạn; mặt khác, đoạn văn vừa cần phải thể hiện được những mối quan hệ giữa các đoạn văn khác trong cùng văn bản. Nói một cách khác, đoạn văn vừa phải đảm bảo được tính hướng nội (để duy trì mối quan hệ giữa các câu trong đoạn, để tách biệt được nó với các đoạn văn khác), vừa phải đảm bảo được tính hướng ngoại (để duy trì mối quan hệ giữa các đoạn trong văn bản, để chứng tỏ nó là một phần của văn bản).

Chúng ta hãy cùng xét văn bản dưới đây.

DÂN CHƯA MUA CỔ PHIẾU?

Người có ít tiền thường đầu tư vào ba lĩnh vực sau đây: mua trái phiếu kho bạc Nhà nước, gửi tiền vào ngân hàng thương mại và góp vốn xây dựng công ti.

Tỉ lệ sinh lời tính trên vốn đầu tư, ứng với mức sinh lời hàng năm của tiền tệ theo thứ hạng từ thấp lên cao. Mua trái phiếu kho bạc lãi suất thấp nhất nhưng lại an toàn nhất, vì cho Nhà nước vay tiền không sợ mất vốn. Gửi tiền vào ngân hàng thương mại, lãi suất cao hơn, nhưng nếu ngân hàng thương mại phá sản, việc rút vốn tiền gửi sẽ khó khăn, có khi bị mất. Đầu tư tiền vào công ti cổ phần – tức là mua cổ phiếu công ti – lãi suất hay còn gọi là cổ tức hàng năm thường cao hơn nhiều. Tuy vậy, nó chứa đựng nhiều rủi ro, có khi mất trắng. Bởi vậy, người ta đã tổng kết rằng: lãi suất càng cao, độ rủi ro càng lớn.

Đầu tư vào cổ phiếu công ti, coi như gửi vốn vào công ti. Trên cổ phiếu công ti có in dòng chữ "Chỉ được rút vốn ra khi công ti giải thể". Khi đó, mệnh giá cổ phiếu phụ thuộc vào kết quả thanh lí tài sản công ti do luật pháp quy định. Người sở hữu cổ phiếu, khi giải thể công ti, giá trị thực tế cổ phiếu có thể cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.

Tuy vậy, về mô hình kinh tế trong cơ chế thị trường lại chủ yếu là công ti hoặc tổng công ti. Vì một lẽ không một cá nhân nào đủ vốn để xây dựng một doanh nghiệp tư nhân đủ mạnh. Đây là hình thức "tập trung tư bản", từ các nguồn vốn nhỏ thành nguồn vốn lớn. Mặt khác nó còn thể hiện được hai mặt: sở hữu và sử dụng vốn tiền tệ. Sở hữu cổ phiếu là của cổ đông, tức là cổ đông có quyền sở hữu một phần giá trị của công ti. Thế nhưng, sử dụng vốn từ cổ phiếu là quyền của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành công ti, với mục tiêu đem lại cổ tức cho mỗi cổ đông ngày một cao. Nhưng không phải công ti nào cũng đạt được mục tiêu ấy.

Công ti phát hành cổ phiếu xây dựng công ti là đã hình thành thị trường sơ cấp của thị trường chứng khoán. Thị trường này làm cho vốn của người đầu tư trở thành cứng nhắc,

tức là không thể biến cổ phiếu thành tiền để giải quyết nhu cầu cuộc sống đòi hỏi. Để giải quyết mâu thuẫn này, đòi hỏi một thị trường mới, để bán và mua các cổ phiếu đã phát hành. Thị trường này gọi là thị trường chứng khoán thứ cấp.

Hiện nay, ở nước ta, người dân có tiền chỉ biết mua trái phiếu kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào ngân hàng thương mại để hưởng lãi suất đã biết trước. Nhân dân ta chưa có thói quen đầu tư vốn vào thị trường chứng khoán để xây dựng công ti. Mặt khác, việc hoán vị cổ phiếu thành tiền khi cần thiết chưa có thị trường thực hiện, nên người dân không muốn đầu tư cổ phiếu. Vô tình chúng ta đã biến nhân dân có tiền nhàn rỗi thành "tư bản thực lợi" và luôn luôn đòi hỏi ngân hàng thương mại trả lãi suất cao.

Như vậy, một thị trường chứng khoán ra đời ở nước ta là cần thiết.

(Phan Lê, *Thời báo kinh tế Việt Nam*)

Theo dõi văn bản này, chúng ta thấy có bảy chỗ chữ cái lù đầu dòng, viết hoa và bảy chỗ có dấu ngắt đoạn. Chúng ta có thể kết luận rằng văn bản này có bảy đoạn văn, mỗi đoạn là một phần của văn bản *Dân chửa mua cổ phiếu?* và bản thân từng đoạn có sự độc lập tương đối nào đó với các đoạn khác trong cùng một văn bản.

Từ cách hiểu như trên về đoạn văn, để viết được một đoạn văn đúng và hay, chúng ta cần đảm bảo những yêu cầu chủ yếu sau đây:

1. Đoạn văn phải có sự thống nhất về chủ đề

Đoạn văn được coi là sự thống nhất chủ đề khi mà trong suốt quá trình triển khai đoạn văn, tác giả chỉ tập trung viết về cùng một hiện thực (hoặc một vài hiện thực có liên quan chặt chẽ với nhau) và cùng hướng theo một chủ đích nhất định. Nói cách khác, để đoạn văn có được sự thống nhất chủ đề, các câu trong đoạn văn chỉ nên xoay quanh, tập trung nói tới một sự vật, sự việc, hiện tượng hoặc một vấn đề duy nhất nhằm thực hiện tốt nhất hướng đích được đặt ra. Nếu như trong một đoạn văn, ta cần phải nói tới một đối tượng khác nữa thì tốt nhất là nên tách đối tượng đó ra để trình bày trong một đoạn văn khác.

Ví dụ:

Đá quý muốn mang tên ngọc phải hội đủ những yếu tố đặc sắc mà các loại đá thường không có. Đầu tiên, nó phải hoàn toàn trong suốt, không có bọt, cát hoặc bụi, nghĩa là đạt đến độ hoàn hảo. Với kim cương thì phải hoàn toàn không màu; ru-bi (hồng ngọc) phải có màu đỏ máu bô câu; sa-phia (lam ngọc) màu xanh lục phơn phớt sáng. Đó là chuẩn để tăng giá trị viên đá. Tính "quý phái" của đá còn nằm ở đặc tính chiết quang, tán sắc mạnh, tạo ra vẻ sáng rực rỡ, lóng lánh ngũ sắc đầy quyến rũ. Ngoài ra, độ cứng vô địch của kim cương và nhóm kim cương thạch (co-run-dum) làm cho đá quý bền vững với năm tháng, không bao giờ bị cát bụi thời gian làm phai mờ vẻ sáng ngời độc đáo vốn có.

(Nguyễn Ngọc Thọ, *Vén bức màn bí mật về đá quý Việt Nam*)

Đoạn văn này đã có sự thống nhất chủ đề vì trong suốt quá trình triển khai viết đoạn văn, tác giả chỉ tập trung nói tới một hiện thực duy nhất nhằm khẳng định những đặc tính quý của ngọc mà các loại đá bình thường khác không có: *trong suốt* (không đục), *chiết quang* và *cứng*.

Cũng có thể trong một đoạn văn, chúng ta nêu ra hai sự việc hoặc hiện tượng... nào đó. Nhưng điều chúng ta cần phải chú ý là hai sự việc hoặc hiện tượng này nếu đưa vào trong cùng một đoạn văn thì chúng phải có quan hệ rất mật thiết với nhau, thường thì đối tượng nọ làm nền, làm nổi bật cho đối tượng kia.

Ví dụ:

Bầu trời Côn Đảo trong buổi bình minh rất đẹp. Con đường từ Bến Đầm đến nhà lao uốn quanh bờ biển, men theo triền núi, bên trên là cây cối um tùm, bên dưới là sóng trắng vỗ bờ đá dựng. Trên cành cây, chim kêu riu rít. Chị Sáu như say sưa với cảnh tự nhiên. Chị hát theo một con chim hót. Chị rướn đôi tay bị còng chụp một con bướm bay qua. Chị chẳng để ý gì đến bọn lính với súng gươm tua tủa quanh mình.

(Theo SGK Tiếng Việt 9)

Đoạn văn này nêu lên hai đối tượng. Ba câu đầu tập trung thể hiện đối tượng thứ nhất: *cảnh Côn Đảo trong buổi bình minh*. Bốn câu tiếp theo tập trung thể hiện đối tượng thứ hai: *Chị Sáu hiện ngang, bình tĩnh bước ra pháp trường*. Hai đối tượng này có quan hệ rất mật thiết với nhau: đối tượng thứ nhất (*cảnh Côn Đảo trong buổi bình minh*) làm nền, làm nổi bật cho việc trình bày đối tượng thứ hai (*cảnh chị Sáu hiện ngang, bình tĩnh bước ra pháp trường*).

Tuy vậy, để việc luyện viết đoạn văn được tập trung, trong giai đoạn đầu rèn luyện, chúng ta chỉ nên tập trung viết mỗi đoạn văn thể hiện một hiện thực duy nhất.

2. Đoạn văn phải chặt chẽ về lôgic

Tính chặt chẽ về lôgic trong một đoạn văn được đảm bảo bởi sự phù hợp ở mức độ cao giữa *tính lôgic trong việc thể hiện sự tồn tại, vận động của bản thân đối tượng hiện thực đang được tác giả đề cập tới* với *tính lôgic trong việc tác giả trình bày về chính đối tượng đó*.

Để đạt được tính chặt chẽ về lôgic trong việc thể hiện sự tồn tại, vận động của bản thân đối tượng hiện thực đang được đề cập đến trong đoạn văn, ta cần phải chú ý: thể hiện *đầy đủ và chính xác sự tồn tại, vận động của bản thân đối tượng như nó vốn có trong thực tế*. Điều này buộc chúng ta phải đảm bảo tôn trọng hiện thực: chỉ nói tới cái đối tượng có, không nói tới cái đối tượng không có.

Để đạt được tính chặt chẽ về lôgic trong việc trình bày của tác giả về chính đối tượng đó, khi viết đoạn văn ta cần phải chú ý: ý sau không đối lập, không phủ nhận ý trước; ý sau tiếp nối và phát triển ý trước, nhất quán với ý trước; các ý phải được trình bày theo đúng quy luật của nhận thức, của tư duy.

Ví dụ, ta có thể trình bày lần lượt các ý theo quan hệ nguyên nhân– kết quả, giả thiết – kết quả, tăng tiến, nhượng bộ; hoặc ta cũng có thể trình bày các ý theo tầm quan trọng tăng dần hay giảm dần đối với đề tài và chủ đề; hoặc ta cũng có thể trình bày theo trình tự không gian: từ xa đến gần, từ rộng đến hẹp, từ ngoài vào trong hay ngược lại; hoặc ta cũng có thể trình bày theo trình tự thời gian: cái gì diễn ra trước nói trước, cái gì diễn ra sau nói sau... Chính cách thể hiện các ý theo một trình tự hợp lí như vậy tự nó cũng đã giúp cho lôgic của việc trình bày trở nên chặt chẽ.

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể:

– Ví dụ 1 (đoạn văn được trình bày theo kiểu nêu liên tục một chuỗi các mối quan hệ nguyên nhân – kết quả):

*Cuộc đời tôi là một chuỗi **nếu như**. Từ nhỏ, tôi chỉ mong muốn làm một ông chủ trại như bố tôi, và không chịu học nếu như mẹ tôi không bắt tôi phải sống ở Luân Đôn. Tôi sẽ trượt trong kì thi vào Trường Đại học Y, nếu như tôi không phải là một thanh niên giỏi bơi lội, có thể đại diện cho nhà trường trong những Ô-lem-píc thể thao của sinh viên. Tôi sẽ suốt đời làm một thầy thuốc nông thôn, nếu như Giáo sư Wright không chọn tôi làm phụ tá cho ông tại phòng thí nghiệm riêng, nơi tôi tìm ra pê-ni-xi-lin. Phát minh này, tôi dự tính phải 15 – 20 năm mới triển khai được trong thực tế, nếu như chiến tranh thế giới không xảy ra, thương vong không nhiều đến mức các loại thuốc chửa kiểm tra cũng được phép sử dụng, thì pê-ni-xi-lin chửa chứng minh được công hiệu của mình và bản thân tôi chửa được Giải thưởng Nô-ben.*

(Lời ông Fleming trả lời các nhà báo nhân dịp ông được nhận Giải thưởng Nô-ben năm 1945, tạp chí *Hoá học ngày nay*, số 3 – 1994)

– Ví dụ 2 (đoạn văn được trình bày theo thứ tự thời gian):

Số 0 không phải tự nhiên mà có, mà là một phát minh lớn của loài người. Vào thế kỉ IV trước Công nguyên, các nhà bác học Ba-bi-lon (phía Nam I-rắc ngày nay) lần đầu tiên nghĩ ra số 0. Họ sử dụng nó trong cách đếm hết sức đặc biệt: hàng đơn vị không gồm 10 con số mà là những 60. Vào khoảng năm 600 sau Công nguyên, các nhà bác học Ấn Độ cũng nghĩ ra số 0. Họ truyền nó cho người Ả-rập cùng với cách viết hàng chục, hàng trăm (hệ đếm thập phân). Đến lượt mình, người Ả-rập lại truyền số 0 cùng với các chữ số khác đã được cải biên cho người châu Âu. Điều này xảy ra vào khoảng năm 1000. Đó chính là mười con số mà chúng ta thường dùng ngày nay 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

(Huy Toàn, *Số 0 không nhỏ*)

Qua hai ví dụ trên, chúng ta đều có thể thấy rằng chính việc trình bày nội dung theo một trình tự hợp lí, nhất quán đã tạo được cho đoạn văn tính lôgic chặt chẽ.

3. Đoạn văn phải phù hợp với phong cách chung của văn bản

Ngoài hai đặc tính: thống nhất về chủ đề và chặt chẽ về lôgic, đoạn văn còn cần phải đảm bảo có sự phù hợp với phong cách nội dung của văn bản. Mỗi phong cách có sự lựa chọn khác nhau về cách cấu tạo đoạn văn, về việc sử dụng các phương tiện liên kết. Bởi vậy, mỗi đoạn văn viết ra vừa cần phải đảm bảo sự thống nhất chủ đề và chặt chẽ về mặt lôgic trong nội bộ đoạn văn, vừa cần phải đảm bảo mối quan hệ chung, sự thống nhất chung về phong cách với các đoạn văn khác trong cùng văn bản.

4. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy cho biết văn bản dưới đây gồm mấy đoạn văn? Vì sao?

LOẠN NƯỚC KHOÁNG?

Bây giờ họp hành, tiếp khách, liên hoan,... chỗ nào cũng thấy nước khoáng. Có tới 32 hãng tâm cỡ quốc gia, có tên tuổi, còn nhãn mác tên hiệu mù mờ, nửa ta nửa tây, nửa nước khoáng nửa nước lọc thì không ai đếm được (!).

Đã qua rồi cái thời nước khoáng bị lên án là vẫn đục, có tạp chất. Lọc cho trong suốt dễ ợt, ai chả làm được!

Có lẽ, đã tới lúc chúng ta có thể kết luận: Việt Nam là quốc gia nước khoáng. Chứ sao? Các nước văn minh phát triển họ đều dùng nước tinh khiết. Những người mắc một số bệnh ở thể nhẹ thì dùng một số nước khoáng có các chất giúp cho việc chữa bệnh, có sự hướng dẫn của thầy thuốc. Trên chai nước khoáng đều ghi rõ công thức, giống như một thứ thuốc vậy.

Còn ở ta thì không ưa phức tạp, nước khoáng nào cũng uống, khoẻ như vâm hoặc yếu như sên, uống tất. Khát là uống, không bỏ thượng thì cũng bỏ hạ. Như thế mới là "siêu cường nước khoáng"!

Có nhiều nhà sản xuất "nước khoáng" ở Việt Nam cũng chẳng cần ghi công thức khoa học và cách dùng lên nhãn mác, chỉ cần quảng cáo theo kiểu đây là một phần tất yếu của cuộc sống hoặc dành cho các nhà du hành vũ trụ là đủ. Dân ta vì còn nghèo nên có tâm lí chung là ai cũng muốn thêm phần tất yếu nữa, dù còn gánh gồng chạy bộ nhưng bỏ ra hai kí thóc là một cốc nước "vũ trụ", nghe đã thấy oai!

Chỉ có điều muốn nói: những người có trách nhiệm quản lí sức khoẻ của nhân dân đã có kế hoạch chấn chỉnh "loạn nước khoáng" chưa? Đã đến lúc chúng ta cần một cái "xê pê" về sản xuất và dùng nước khoáng?

(Tuấn Định, báo *Lao động*)

Bài tập 2

Hãy xác định hiện thực được nói tới trong đoạn văn sau:

Hiểu và cảm cho hết cái hay, cái đẹp của văn chương là điều không phải dễ dàng. Không ai dám nói rằng mình hiểu và cảm hết cái đúng, cái hay của bài văn, bài thơ. Chỉ có thể nói: mình đã cố gắng hiểu và cảm hết sức mình. Qua nhiều thời đại khác nhau, mỗi thời hiểu mỗi khác, có cái, thời nào cũng cho là hay, nhưng có cái, thời này cho là hay, thời sau lại cho là dở. Với một người, tuổi trẻ hiểu thế này, tuổi già lại hiểu thế khác, thậm chí lại muốn xoá bỏ cách hiểu cũ. Cùng một thời đại khác nhau, mình hiểu và cảm sâu chỗ này, bạn hiểu và cảm sâu chỗ khác, có điều mình thấy, mà bạn không thấy, và ngược lại. Đặc điểm của văn thơ có giá trị muôn đời là như vậy.

(Theo Lê Trí Viễn)

Bài tập 3

Hãy cho biết hai đoạn văn dưới đây bàn về vấn đề gì.

– *Hoạt động ma-kết-tinh (tiếp thị) là yêu cầu không thể thiếu được đối với kinh doanh hiện đại. Các bạn đều biết, hãng dầu nhớt Castrol, các hãng bia Tiger, Heineken đã nghiên cứu khách hàng Việt Nam cẩn thận như thế nào khi họ vào hoạt động ở thị trường nước ta. Cũng như thế, công ti sơn mài Lam Sơn, Thành Lễ, công ti dệt Thành Công,...*

đã không thể không nghiên cứu khách hàng nước ngoài khi xuất khẩu các sản phẩm của họ ra thị trường nước ngoài.

(Vũ Thế Phú)

– Giao thông vận tải là một ngành sản xuất vật chất độc đáo: nó không làm ra sản phẩm mới như công nghiệp hay nông nghiệp. Sản phẩm của ngành giao thông vận tải chính là sự vận chuyển người và hàng hoá. Vì thế, để đánh giá hoạt động của ngành này, người ta dùng chỉ tiêu: khối lượng vận chuyển (tức số hành khách và số tấn hàng hoá được vận chuyển và khối lượng luân chuyển (tính bằng người / km và tấn / km).

(Theo SGK Địa lí)

Bài tập 4

Những đoạn văn dưới đây có sự thống nhất chủ đề không? Vì sao?

– Khi có dông, ta cần chủ động phòng chống sét. Ta không nên ẩn nấp dưới gốc cây đơn độc, những điểm canh trơ trọi trên bờ đê hoặc giữa cánh đồng. Khi có dông bão, chúng ta cũng không nên sử dụng máy thu thanh, thu hình. Sét rất có khả năng đánh vào chúng ta qua những dụng cụ đó, vì hệ thống điện trong nhà được nối với dây điện ngoài trời.

(Nguyễn Đức Minh,

Hỏi đáp về những hiện tượng vật lí)

– Trước bản, rừng đào đã trút hết lá. Trên những cành khẳng khiu đã lấm tấm những lộc non và lơ thơ những cánh hoa đỏ thắm đầu mùa. Những cây thông già cao vút như bất chấp cả thời tiết khắc nghiệt. Trời càng rét, thông càng xanh. Lá thông vì vu một điệu đàn bất tuyệt.

(Mùa đông trên rẻo cao)

– Kinh nghiệm của hãng sản xuất ô tô Satum cho thấy, toàn bộ các hoạt động của nhân viên đều tuân theo nguyên tắc: "Không phải công ti mà chính khách hàng là người đảm bảo việc làm cho họ". Những công ti nổi tiếng thế giới như IBM, Coca Cola, General Electric, đều rất quan tâm tới việc liên hệ với khách hàng. Ngày nay, càng ngày khách hàng càng khó tính hơn, họ có cơ hội để lựa chọn, họ muốn có sự phục vụ tốt nhưng giá cả phải hợp lí. Vì vậy, giờ đây các nhà tiếp thị phải hiểu và đáp ứng được nhu cầu luôn thay đổi của thị trường. Thay vì quan tâm tới "4 Ps" – sản phẩm, giá cả, địa điểm và khuyến mại – các nhà tiếp thị cần chú ý hơn tới "4 Cs", đó là tiêu chuẩn khách hàng, chi phí, sự tiện lợi và sự tuyên truyền.

(Đặc trưng của những doanh nghiệp thành đạt,

báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

– Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim bay nháy. Những thím chích choè nhanh nhẩu. Những chú khướu lẩm điệu. Những anh chào mào đom đóm. Những bác cu gáy trầm ngâm.

(Nguyễn Kiên)

Bài tập 5

Hãy phân tích sự thống nhất chủ đề trong các đoạn văn sau:

– *Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi. Những đoá râm bụt thêm màu đỏ chói. Bầu trời xanh bóng như vừa được gội rửa. Mấy đám mây bông trôi nhón nhơ, sáng rực lên trong ánh mặt trời.*

(Vũ Tú Nam)

– *Chúng tôi ra thăm cảnh chợ. Người chen chúc đông vui, náo nhiệt. Màu sắc ngồn ngồn của hoa quả, của áo quần như càng khiến cho cái náo nhiệt tăng thêm. Hoa quả nhiều lạ lùng. Nho chát thành đống lớn như đồi trên các quầy hàng, quả tròn hoặc bầu dục, xanh lơ hoặc tím mọng. Lựu phô màu đỏ chói. Đào vàng mướt mướt lông tơ. Những quả táo to bằng nửa nắm tay, màu xanh non mơn mớn...*

(Bùi Hiển)

Bài tập 6

Hãy sắp xếp các câu dưới đây thành một đoạn văn, sau đó phân tích tính logic của đoạn văn đã thu được đó.

(1). *Nhưng tại sao dân gian chỉ toàn sáng tạo ra truyện tiếu lâm để gây cười mà không tạo ra truyện tiếu lâm để gây khóc.*

(2). *Kể cũng lạ, con người sinh ra từ lúc chào đời là khóc chứ không phải là cười.*

(3). *Vậy thì, xem ra tiếng khóc không phải ít cung bậc và càng không ít ý nghĩa so với tiếng cười.*

(4). *Rồi từ khi sinh ra cho tới khi từ giã cõi trần gian còn có bao nhiêu điều cần khóc, phải khóc.*

(5). *Khóc vì đau khổ, oan ức, buồn tủi, giận hờn, thương cảm, trái ngang và lại cả vì vui mừng, sung sướng, hạnh phúc.*

Bài tập 7

Hãy phân tích tính chặt chẽ về mặt logic của đoạn văn dưới đây:

Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng. Tục ngữ có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn. Anh em đi tuyên truyền chưa học được cách nói đó, cho nên khi viết, khi nói khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực.

(Theo X.Y.Z, Sửa đổi lối làm việc)

Bài tập 8

Hãy phân tích tính thống nhất về chủ đề và chặt chẽ về logic trong đoạn văn sau:

Môi trường không khí ở các nước Đông Nam Á đã bị ô nhiễm nặng do tình trạng sử dụng quá mức các loại xe cộ. Mỗi ngày ở Băng-cốc hơn ba triệu xe tràn ra phố, gây ách tắc giao thông. Mỗi năm thủ đô Thái Lan mất trắng 44 ngày vì tắc nghẽn đường, thiệt hại kinh tế 2,3 tỉ USD; bụi công nghiệp và xe cộ làm mỗi năm hơn một triệu người mắc chứng dị ứng và bệnh phổi. Thủ đô Cu-a-la Lăm-pơ mỗi ngày có 1,4 triệu xe ra đường, đông hơn số dân thành phố. Băng-cốc, Gia-các-ta, Cu-a-la Lăm-pơ được coi là ba trong mười lăm thành phố bẩn nhất châu Á.

Bài tập 9

Hãy chỉ ra những phép liên kết chính được sử dụng để nối các câu, tạo nên tính mạch lạc trong đoạn văn sau:

Bao bì đựng hàng trang trí hình tam giác, hình tròn, hình bán cầu thực ra không đơn giản là vật trang trí. Các loại này được xem là đối thủ cạnh tranh có hiệu quả vì hình thức của chúng kết hợp với những dòng chữ "có tặng phẩm" hay "giảm giá" có tác động rất lớn đến sự chú ý của người mua. Điều này đòi hỏi các nhà sản xuất và bán hàng phải cố gắng thiết kế bao bì ngày càng hấp dẫn hơn, vượt xa đối thủ của mình để thu hút khách hàng.

(Thuý Bình, *Bao bì cuốn hút khách hàng*, báo *Kinh doanh và tiếp thị*)

Bài tập 10

Những yêu cầu chung khi viết đoạn văn được đảm bảo như thế nào trong đoạn văn dưới đây:

Nét đẹp toát lên từ trang phục chỉ là một tiêu chí đánh giá phẩm chất người đẹp theo đúng nghĩa của từ này. Cha ông ta xưa nói "người đẹp vì lụa", nhưng lại cho rằng "cái nết đánh chết cái đẹp". Quan niệm "đẹp người đẹp nết" là sự khái quát chung của phụ nữ, trong đó có sự liên hệ qua lại, bổ sung cho nhau. Còn ngôn ngữ Bun-ga-ri có câu "áo quần quyến rũ lúc gặp mặt, tâm hồn quyến rũ lúc chia tay". Quả vậy, sau cái choáng ngợp ban đầu của hình thức thì cuối cùng đọng lại, cái được đánh giá cao, đích thực bao giờ cũng là yếu tố tâm hồn, cái bên trong. Cho nên, trang phục chẳng khác nào lời quảng cáo hấp dẫn về một kho báu nào đó. Còn số của cái trong kho báu đó thì chỉ sau khi mở cửa ra mới biết. Trang phục của người phụ nữ vì thế cần phải vừa là vẻ đẹp bề ngoài, vừa là sự phát ngôn cho cái "duyên thâm", vẻ đẹp tâm hồn và sức lôi cuốn bên trong. Nét duyên dáng nhìn từ góc độ trang phục sẽ là nét đẹp trí tuệ, là sự vươn lên trong chiều hướng hoàn thiện cái đẹp, cái thẩm mỹ của phụ nữ chúng ta.

(Theo Thanh Đạm, *Trang phục và vẻ duyên dáng thực sự*, báo *Phụ nữ Việt Nam*)

II. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN CÓ CÂU CHỦ ĐỀ

Câu chủ đề là câu quan trọng nhất của đoạn văn, mang trong mình những thông tin chính của toàn bộ đoạn văn. Khi sử dụng phù hợp, câu chủ đề có những tác dụng rất lớn:

– *Về phía người viết*, câu chủ đề giúp cho việc thể hiện nội dung đúng hướng, duy trì được sự thống nhất chung cho toàn đoạn văn. Chính câu chủ đề giúp cho nội dung đoạn văn chỉ xoay quanh một nội dung chính, tránh được tình trạng viết lan man, dàn trải, không tập trung ý trong quá trình triển khai.

– *Về phía người đọc*, câu chủ đề giúp cho việc xác định được hướng tiếp nhận nội dung một cách nhanh chóng, chính xác; phân biệt được những thông tin chính với các thông tin phụ, bổ sung có trong đoạn văn.

Việc sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn nên như thế nào tùy thuộc vào đặc điểm phong cách văn bản, đặc điểm phong cách tác giả và những nội dung cụ thể cần phải triển khai trong văn bản, trong đoạn văn. Tuy vậy, chúng ta vẫn phải khẳng định rằng, việc sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn có nhiều lợi ích thiết thực. Bởi vậy, việc luyện viết câu chủ đề trong đoạn văn vẫn là điều cần thiết đối với chúng ta.

Để viết câu chủ đề đạt hiệu quả cao, khi viết chúng ta cần phải chú ý đến những đặc điểm sau đây của câu chủ đề:

1. Về mặt nội dung

Câu chủ đề phải thể hiện được những ý chính, khái quát và định hướng được nội dung triển khai cho toàn bộ đoạn văn.

Ví dụ 1:

Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải. Ở nước ta, về mùa mưa lũ, hoạt động của ngành vận tải ô tô và đường sắt gặp nhiều trở ngại. Ở những khúc sông, tàu bè chỉ có thể qua lại được trong mùa nước lớn. Còn ở những xứ lạnh, về mùa đông, nước sông đóng băng, thuyền bè không qua lại được, còn các sân bay nhiều khi phải ngừng hoạt động do sương mù dày đặc hay do tuyết rơi quá dày.

(Theo SGK Địa lí 10)

Câu chủ đề trong đoạn văn trên đã nêu lên vấn đề cần bàn luận: ảnh hưởng của khí hậu và thời tiết đến hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải. Các câu tiếp theo trong đoạn văn đã được viết ra theo đúng sự định hướng này trong câu chủ đề.

Ví dụ 2:

Gần đây xuất hiện tình hình loạn mốt làm chóng mặt mọi người mà nguyên nhân chính là người dùng bị động, bắt chước chứ không xuất phát từ một căn cứ thẩm mỹ nào xác đáng. Vừa may chiếc áo, mua đôi giày, uốn tóc theo kiểu A, đang hí hửng, bỗng thấy chị em bạn mặc kiểu áo khác, loại vải khác theo kiểu B lạ hơn, thế là vứt bỏ đồ vừa may vào gầm tủ, tức tưởi tìm cách đi may sắm như kiểu của bạn, dù đang túng thiếu, dù không phù hợp với hình thể, thời tiết. Cũng không ít trường hợp mặc áo quần may sẵn ở nước ngoài in những từ chẳng văn minh lịch sự, cũng cứ thản nhiên đi ra đường, vào chợ bởi không biết ngoại ngữ ấy hoặc biết nhưng bất chấp "cứ chơi"...

(Nguyễn Chí Tình, *Loạn mốt*,
báo *Hà Nội mới*)

Trong đoạn văn này, câu chủ đề đã nêu được nội dung chung, khái quát của toàn bộ đoạn văn.

2. Về mặt dung lượng

Câu chủ đề thường có dung lượng không lớn. Trong nhiều trường hợp, câu chủ đề là câu ngắn nhất so với các câu khác trong đoạn văn. Điều này đảm bảo cho các ý chứa trong câu chủ đề cô đọng, nổi bật hơn, và nội dung cần thể hiện cũng sẽ vì thế trở nên rõ ràng hơn, dễ nhận biết hơn đối với người tiếp nhận.

Ví dụ:

Tham nhũng đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở châu Á. Mới đây, Chính phủ Nam Triều Tiên đã bắt giam hai cựu tướng lĩnh về tội nhận hối lộ một triệu đô la. Giới lập pháp ở Đài Loan hiện phải công khai tài sản của mình và rồi đây các viên chức cao cấp cũng sẽ làm điều đó. Cũng do tham nhũng, Đảng Dân chủ tự do cầm quyền ở Nhật Bản đã mất đa số tại hạ viện.

(Báo Tuổi trẻ, ngày 5–8–1993)

So sánh các câu trong cùng đoạn văn này, ta thấy dung lượng của câu chủ đề nhỏ hơn, nghĩa là số lượng từ ngữ của câu chủ đề ít hơn các câu khác. Điều này đảm bảo cho nội dung được thể hiện trong câu chủ đề nổi bật lên so với những câu khác.

3. Về mặt kết cấu ngữ pháp

Câu chủ đề thường là câu đầy đủ hai thành phần chính. Bởi vậy khi viết câu chủ đề, chúng ta cần viết câu có cả chủ ngữ lẫn vị ngữ. Điều này giúp cho câu chủ đề vừa thể hiện chính xác đối tượng trình bày, vừa thể hiện rõ nội dung trình bày trong đoạn văn.

Theo dõi những ví dụ đã dẫn trong các mục trên, chúng ta thấy các câu chủ đề thường có đủ cả hai thành phần chính:

- *Khí hậu và thời tiết / có ảnh hưởng...*
- *Tham nhũng / đang là vấn đề được quan tâm...*

Chúng ta hãy theo dõi thêm một số câu chủ đề dưới đây về mặt kết cấu cú pháp để thấy rõ hơn về đặc điểm này của câu chủ đề:

- *Tàn phá rừng / cũng là làm mất đi nguồn cung cấp dưỡng khí cho sự sống.*
- *Con người / đang nghiên cứu sử dụng loại nhiên liệu cấu tạo từ hiđrô nặng.*
- *Sau trận mưa rào, mọi vật / đều sáng và tươi.*

Tất cả các câu chủ đề này đều có đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ.

4. Về mặt vị trí

Câu chủ đề thường đứng ở vị trí đầu đoạn văn, mặc dù về mặt lí thuyết, câu chủ đề có thể đứng ở bất kì vị trí nào trong đoạn. Đứng ở vị trí đầu như vậy, câu chủ đề được người đọc nhận ra nhanh hơn và cũng vì vậy việc định hướng nắm bắt nội dung cũng sẽ trở nên dễ dàng hơn, chính xác hơn.

a) Câu chủ đề đứng ở vị trí đầu đoạn văn

Ví dụ:

Thiếu chỗ chơi cho trẻ em, tác hại không thể lường hết được. Các em xuống lòng đường đá bóng, lên vỉa hè đánh cầu lông, quật con quay bất cứ chỗ nào... Tất cả đều là mất trật tự, không an toàn cho đường phố. Tất cả đều gây cản trở giao thông và có thể gây ra những trường hợp nguy hiểm khó tránh khỏi. Vì phải tự túc chỗ chơi, không ít em đã trèo cây kêu ve, bắt tổ chim; một số em ra sông, hồ bơi lội,... Nhiều trường hợp đáng tiếc đã xảy ra...

(Hữu Tâm, *Chỗ chơi cho trẻ em, một vấn đề bức xúc, báo Pháp luật và đời sống*)

Đây là đoạn văn có câu chủ đề đứng đầu đoạn. Loại đoạn này còn được gọi là *đoạn diễn dịch*.

b) Câu chủ đề đứng ở vị trí cuối đoạn văn

Ví dụ:

*Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. **Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.***

(Hồ Chí Minh)

Đây là đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí cuối và được coi là câu kết đoạn. Loại đoạn này còn được gọi là *đoạn quy nạp*.

Loại đoạn văn có câu chủ đề đứng ở giữa đoạn là loại đoạn văn rất ít được sử dụng. Vì vậy, trong bước đầu luyện tập xây dựng đoạn văn, chúng ta chỉ tập trung luyện viết đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí đầu đoạn và cuối đoạn văn.

Lưu ý:

Có những trường hợp đoạn văn chứa *câu chủ đề kép*. Đó là trường hợp đoạn văn có một câu đứng đầu đoạn nêu nhận xét chung, khái quát; một câu khác đứng cuối đoạn nêu ý kết thúc, khép lại nội dung toàn đoạn. Loại đoạn này còn được gọi là đoạn tổng hợp – phân tích – tổng hợp (viết tắt: *đoạn tổng – phân – hợp*).

Ví dụ:

Văn học dân gian đã đem lại những hiểu biết cực kì phong phú và đa dạng về cuộc sống nhân dân các thời đại. Văn học dân gian cho ta thấy rõ quan niệm về vũ trụ, về nhân sinh, những kinh nghiệm sản xuất, những tập quán lao động, những quan hệ họ hàng, làng nước, những tín ngưỡng, những phẩm chất đạo đức và những tình cảm nhiều mặt trong đời sống con người. Điều đáng quý ở đây là tính chất cổ xưa và tinh nguyên của nó. ***Người đời nay và mai sau có thể qua văn học dân gian mà tái hiện đời sống tinh thần của nhân dân trong quá khứ.***

(Theo SGK Văn 10)

Đoạn văn này là đoạn văn có câu chủ đề kép và cũng vì thế đoạn văn này còn được gọi là đoạn văn tổng hợp – phân tích – tổng hợp.

5. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy xác định câu chủ đề trong những đoạn văn sau:

– *Gần đây, nhiều công ti nước ngoài đã tỏ rõ sự quan tâm sâu sắc đến việc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam. Tổ hợp các công ti Đức, Nhật Bản và Nam Phi đang xúc tiến xây dựng dự án khả thi khi khai thác mỏ sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh) với số vốn đầu tư dự kiến trên một tỉ USD. Tập đoàn LG Goldstar (Hàn Quốc) đã kí kết hợp đồng liên doanh khai thác và chế biến đất hiếm ở Phong Thổ (Lai Châu). Các*

công ti khác của Hàn Quốc, Mỹ, Nhật, Ôt-xtrây-li-a đang xúc tiến đàm phán để đầu tư vào các mỏ đồng ở Sin Quyên (Lào Cai), bauxit ở Di Linh (Lâm Đồng) [...].

*(Bắc Hải, Tiềm năng vẫn nằm dưới đất,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)*

– Thác Y-a-li, một thắng cảnh trên lưng chừng trời. Thác có độ dốc thẳng đứng, chảy mòn đá, tạo thành mười hai bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt đất. Nước trút từ trên trời xuống, tạo nên một biển mù đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta đang dát một mẻ vàng vừa luyện xong.

(Thiên Lương, Thác Y-a-li)

Bài tập 2

Vì sao những câu in đậm dưới đây lại là câu chủ đề của đoạn văn:

*– **Cũng như đôi môi ở những nơi khác, đôi môi ở Hà Tiên giá trị nhất ở cái mai.** Ở đây, có những con nặng tới bảy, tám chục ki-lô-gam, đường kính của cái mai lên đến gần một mét và có thể bóc lên một ki-lô-gam vảy. Vảy đôi môi được dùng vào nhiều việc, nhất là làm những đồ mỹ nghệ: từ cán dao, gọng kính, hộp thuốc lá cho đến bình cắm hoa, trâm, lược, quạt, giá gương soi,... Tất cả đều là những mặt hàng có giá trị.*

(Theo SGK Địa lí)

*– **Nói chung sét rất nguy hiểm.** Do cường độ dòng điện trong tia sét và áp suất không khí xung quanh tia sét rất lớn, sét có thể đánh chết người và phá hoại các công trình kiến trúc. Người ta tổng kết trong 33 năm của thế kỉ XVIII, sét đã đánh vào 386 gác chuông nhà thờ, nhiều khi giết chết luôn cả những người kéo chuông, mà khi còn sống họ vẫn tin rằng tiếng chuông nhà thờ có thể đẩy lùi được bão táp.*

*(Nguyễn Đức Minh,
Hỏi đáp về những hiện tượng vật lí)*

*– **"Nhật kí trong tù" canh cánh một tấm lòng nhớ nước.** Chân bước đi trên đất Bắc mà lòng vẫn hướng về Nam, nhớ đồng bào trong hoàn cảnh lầm than, có lẽ nhớ cả tiếng khóc của bao nhiêu em bé Việt Nam qua tiếng khóc của một em bé Trung Quốc, nhớ đồng chí đưa tiễn đến ven sông, nhớ lá cờ nghĩa đang tung bay phấp phới. Nhớ lúc tỉnh và nhớ cả trong lúc mơ.*

(Hoài Thanh)

Bài tập 3

Hãy viết thêm câu chủ đề cho hai đoạn văn sau:

– Nhiều tuyến đường bộ như quốc lộ 1, 3, 5, 6,... đã đi qua Hà Nội tạo nên mối liên hệ chặt chẽ giữa Hà Nội với các địa phương khác. Hội tụ về Hà Nội còn có các tuyến đường sắt quan trọng: Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Thái Nguyên, Hà Nội – Hải Phòng. Mạng lưới đường sông của Hà Nội chủ yếu là sông Hồng. Với cảng Hà Nội, thành phố có thể trao đổi hàng hoá với phần lớn các tỉnh phía Bắc. Đường hàng không với sân bay quốc tế Nội Bài, đã tạo thành chiếc cầu nối giữa nước ta với thế giới.

(Theo Địa lí Hà Nội)

– *Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí, sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông; Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác.*

(Theo Hoài Thanh)

Bài tập 4

Từ những câu chủ đề cho trước dưới đây (đứng ở vị trí đầu đoạn văn), hãy triển khai thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

– *Món quà tặng bạn ngày sinh nhật không phải quý vì giá trị vật chất mà quý vì tấm lòng của người tặng quà gửi gắm trong đó.*

– *Rừng của chúng ta có nhiều loại gỗ quý.*

– *Đời sống vật chất của nhân dân ta ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.*

Bài tập 5

Từ những câu chủ đề cho trước dưới đây (đứng ở vị trí cuối đoạn văn), hãy viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

– *Trong thơ Bác, ánh trăng luôn luôn tràn đầy.*

– *Đồi mồì đã làm cho Hà Tiên trở thành mảnh đất quý của Tổ quốc ta.*

– *Rừng Quốc gia Cúc Phương đúng là một viện bảo tàng động thực vật quý, hiếm của chúng ta.*

Bài tập 6

a) Từ những đoạn văn đã viết được trong *bài tập 4*, hãy viết thành đoạn văn khác có câu chủ đề đứng ở vị trí cuối đoạn.

b) Từ những đoạn văn đã viết được trong *bài tập 5*, hãy viết thành đoạn văn khác có câu chủ đề đứng ở vị trí đầu đoạn.

Bài tập 7

Hãy thêm vào đầu và cuối những đoạn văn dưới đây các câu cần thiết để chúng trở thành đoạn văn kiểu tổng hợp – phân tích – tổng hợp.

– *Một nửa loài người trên thế giới không đọc quảng cáo. Một nửa số người có đọc thì cũng không để ý đến thông báo của anh. Một nửa số có để ý đến thì lại không đọc nó. Một nửa số có đọc lại không coi nó là quan trọng. Một nửa số coi là quan trọng thì không tin vào thông báo. Một nửa số tin vào thông báo thì lại không mua hàng của anh vì họ không cần đến.*

(Nguyễn Hải Đạt,

Nghệ thuật quảng cáo hiện đại)

– **Truyện Kiều** có nhiều con người, nhiều sự kiện, nhiều cảnh vật, tâm trạng... khác nhau, thậm chí đối lập nhau nhưng Nguyễn Du đều thể hiện một cách thành công. Đó là thân hình đồ sộ, đầy đà của Tú Bà; dáng dấp hào hoa, phong nhã của Kim Trọng; cái lấm

nhắm gật đầu ám muội của Sở Khanh; cái cười sáng khoái của Từ Hải; bộ mặt đen xì, ngơ ngẩn vì tình của Hồ Tôn Hiến; hay sự tinh tế của ánh trăng đến những nét rung cảm sâu thẳm trong lòng người đều được Nguyễn Du thể hiện chính xác.

(Theo Hoài Thanh)

Bài tập 8

Dựa vào những nội dung gợi ý dưới đây, hãy viết thành những đoạn văn có câu chủ đề.

- *Bình Ngô đại cáo là áng văn chương bất hủ.*
- *Truyện thần thoại có nhiều yếu tố thần linh, hoang đường.*
- *Tác phẩm văn học cho chúng ta hiểu biết thêm nhiều điều về cuộc sống.*
- *Tập thể dục thường xuyên là điều hết sức cần thiết cho việc giữ gìn sức khoẻ.*

III. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN THEO MỐI QUAN HỆ Ý NGHĨA

Các câu trong đoạn văn bao giờ cũng được gắn với nhau theo những mối quan hệ ý nghĩa nhất định. Thường những mối quan hệ chúng ta hay gặp nhất là:

- Quan hệ liệt kê
- Quan hệ tương phản
- Quan hệ nhân quả
- Quan hệ suy luận
- Quan hệ hỗn hợp

Chúng ta có thể dựa vào những mối quan hệ này để luyện liên kết câu xây dựng đoạn văn. Để việc luyện tập tiến hành được thuận lợi, chúng ta thống nhất gọi:

- Câu đứng ở vị trí đầu đoạn là *câu khởi đầu*, hay *câu mở đầu* (có thể là câu chủ đề hoặc không phải là câu chủ đề).

- Tên đoạn văn là tên gọi của mối quan hệ ý nghĩa được sử dụng để xây dựng đoạn văn đó. Ví dụ, đoạn văn được xây dựng theo mối quan hệ liệt kê là đoạn liệt kê, đoạn văn được xây dựng theo mối quan hệ tương phản là đoạn tương phản,...

Dưới đây, chúng ta sẽ tiến hành luyện viết đoạn văn theo những mối quan hệ ý nghĩa này.

1. Viết đoạn văn có quan hệ liệt kê

Để viết được đoạn văn có quan hệ liệt kê (gọi tắt là đoạn liệt kê), ta có thể viết từ hai đến nhiều câu, trong đó mối quan hệ giữa câu khởi đầu với các câu khác trong đoạn cần đảm bảo đó là mối quan hệ mang tính chất liệt kê ngang bằng giữa các sự vật, hiện tượng, tính chất hoặc những mặt khác nhau nào đó của cùng một đối tượng.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞI ĐẦU LIỆT KÊ..... LIỆT KÊ

Ví dụ 1:

Trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, Việt Nam đã đóng góp xây dựng Quỹ dự trữ lương thực ASEAN và đang thảo luận với Hiệp hội về khả năng đưa hàng nông sản chưa chế biến vào chương trình giảm thuế. Trong lĩnh vực giao thông vận tải và viễn thông, Việt

Nam tham dự thường xuyên các Hội nghị Bộ trưởng giao thông vận tải ASEAN cũng như các cuộc họp chuyên viên bàn về những hoạt động hợp tác trong khuôn khổ chương trình hành động 1994 – 1996. Việt Nam cũng đã tham gia hàng trăm dự án và hoạt động của ASEAN trong khuôn khổ hợp tác chuyên ngành diễn ra trên các lĩnh vực như khoa học – công nghệ, môi trường; văn hoá – thông tin; phòng chống ma tuý và các vấn đề hành chính – công vụ,...

(Hải Đăng, Hai năm hội nhập ASEAN,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Đoạn văn trên có 3 câu. Câu thứ nhất là câu khởi đầu, nêu những việc Việt Nam đã làm được trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp khi chúng ta tham gia ASEAN. Câu thứ hai nêu những việc Việt Nam đã làm được trong lĩnh vực giao thông vận tải và viễn thông. Còn câu thứ ba nêu những công việc khác Việt Nam đã làm được trong các lĩnh vực như khoa học – công nghệ, môi trường; văn hoá – thông tin; phòng chống ma tuý, ... Đoạn văn được viết theo kiểu này được gọi là đoạn văn có quan hệ liệt kê, hay đoạn văn liệt kê.

Ví dụ 2:

Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. Ngay cả Kiều nữa, cái việc đại dột nhất trong suốt đời nàng, cái việc nghe lời Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, một phần cũng vì xiêu lòng vì ngọc vàng của Hồ Tôn Hiến.

(Hoài Thanh)

Đoạn văn này cũng gồm ba câu và được viết theo quan hệ liệt kê.

Lưu ý:

– Về mặt hình thức cấu tạo, loại đoạn văn này thường được viết theo kiểu lặp cấu trúc ngữ pháp giữa hai câu.

– Về mặt nội dung ngữ nghĩa, khi liệt kê, các câu cần phải được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Có thể đó là sự sắp xếp theo trật tự nhấn mạnh dần tầm quan trọng của nội dung, hoặc cũng có thể đó là sự sắp xếp theo trật tự giảm dần tầm quan trọng của nội dung chứa trong câu đó.

2. Viết đoạn văn có quan hệ tương phản

Đoạn văn có quan hệ tương phản (gọi gắt là đoạn tương phản) có thể gồm từ hai câu đến nhiều câu. Trong loại đoạn văn này, quan hệ chủ yếu giữa các câu là mối quan hệ tương phản. Khi viết cần đảm bảo mối quan hệ giữa câu khởi đầu (hoặc nhóm câu khởi đầu) với câu (hoặc các câu đứng sau) phải là mối quan hệ tương phản, đối lập.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞ ĐẦU TƯƠNG PHẢN..... TƯƠNG PHẢN

Ví dụ 1:

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

(Hồ Chí Minh)

Đoạn văn này gồm hai câu. Câu thứ nhất nêu ý mở đầu đoạn văn. Câu thứ hai đứng sau nêu ý tương phản với ý của câu thứ nhất. Bởi vậy đoạn văn này là đoạn văn được viết theo kiểu tương phản.

Ví dụ 2:

Chắc còn lâu khói thuốc lá mới biến mất trên thế gian này. Nhưng rõ ràng hiện nay đang có xu thế chống lại việc hút thuốc lá trong các hoạt động tập thể. Có ban giám đốc xí nghiệp cấm hút thuốc lá trong giờ làm việc, vì họ tính ra rằng, những người hút thuốc lá làm xí nghiệp thiệt hại mỗi năm một số tiền lớn. Có ban giám đốc lại chơi độc hơn, ra lệnh ai muốn hút thì ra ngoài đường mà hút, nghĩa là phải trèo lên trèo xuống nhiều lần mà không được dùng thang máy. Có nơi không đuổi các dân nghiện vì trong số này có những thợ giỏi, nhưng người ta đặt ra những món tiền thưởng lớn cho những ai chịu bỏ hút.

(Theo Hà Thúc Loan, *Kỹ thuật hành văn*)

Đoạn văn này gồm nhiều câu. Câu thứ nhất là câu mở đầu đoạn văn. Câu thứ hai nêu ý tương phản, đối lập với ý trong câu mở đầu. Các câu còn lại giải thích, làm sáng rõ cho ý trong câu thứ hai. Và, vì câu thứ hai có quan hệ tương phản với ý trong câu thứ nhất nên do sự kéo theo mà các ý trong những câu sau cũng có quan hệ tương phản với câu thứ nhất. Bởi vậy đoạn văn này mối quan hệ chính là mối quan hệ tương phản, và vì thế, đoạn văn này là đoạn văn tương phản.

Lưu ý:

– Trong đoạn văn tương phản, để biểu thị ý nghĩa tương phản giữa câu khởi đầu với các câu sau, người ta thường dùng phép nối. Những từ ngữ thường được dùng để thực hiện phép nối bộc lộ quan hệ tương phản là: *nhưng, song, tuy nhiên, ngược lại, trái lại, đối lập với,...*

– Thường gặp nhất trong việc xây dựng đoạn văn có quan hệ tương phản là loại đoạn văn gồm hai câu: một câu nêu ý khởi đầu, một câu nêu ý tương phản. Những đoạn văn nhiều câu thường được xây dựng theo mối quan hệ hỗn hợp (điều này sẽ được nói tới sau trong loại đoạn văn hỗn hợp).

3. Viết đoạn văn có quan hệ nhân quả

Đoạn văn có quan hệ nguyên nhân – kết quả (gọi tắt là đoạn nhân quả) có thể gồm hai câu hay nhiều câu, trong đó có nhóm câu nêu nguyên nhân và nhóm câu nêu kết quả. Trật tự sắp xếp phổ biến của nhóm câu này trong đoạn văn thường là nhóm câu chỉ nguyên nhân đứng trước, nhóm câu chỉ kết quả đứng sau. Khi viết, để tạo ra được đoạn văn nhân quả, ta cần viết câu khởi đầu (hay nhóm câu khởi đầu) nêu ý nguyên nhân trước, rồi sau đó mới viết tiếp câu (hoặc nhóm câu) đứng sau nêu ý kết quả.

Mô hình chung của đoạn văn này như sau:

KHỞI ĐẦU..... KẾT QUẢ KẾT QUẢ

(nguyên nhân)

Ví dụ 1:

Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản, bằng nguồn vốn ODA đang giúp Tổng công ti Thép Việt Nam xây dựng chiến lược phát triển tổng thể của Ngành đến năm 2010. Vì vậy, mỗi năm bạn lấy hàng trăm sinh viên tốt nghiệp Khoa Luyện kim Trường Đại học Bách khoa đi đào tạo ở Nhật Bản. Vì ít sinh viên nên mỗi năm lượng người sang Nhật Bản đào tạo chỉ mới chiếm 1/5 so với nhu cầu của bạn.

(Hạnh Nga, *Thiếu kĩ sư luyện kim, báo Thời báo kinh tế Việt Nam*)

Đoạn văn này gồm ba câu. Câu khởi đầu nêu nguyên nhân, câu thứ hai và câu thứ ba chỉ kết quả. Câu khởi đầu được liên kết với hai câu sau bằng phép nối (dùng từ: *vì vậy*).

Ví dụ 2:

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta sống cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị tới Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

(Hồ Chí Minh)

Trong đoạn văn này, ba câu đứng đầu chỉ nguyên nhân, câu kết thúc đoạn chỉ kết quả. Ba câu đầu nối với các câu cuối bằng phép nối (dùng từ ngữ: *kết quả là*).

Lưu ý:

– Đoạn văn có quan hệ nhân quả thường sử dụng *phép nối* để liên kết các câu. Những từ ngữ thường được dùng để thực hiện phép nối là: *kết quả là, do đó mà, bởi vậy, vì thế cho nên,...*

– Trong những trường hợp nhất định, người ta có thể dùng phép liên tưởng để xây dựng đoạn văn nhân quả. Lúc này, giữa các câu chứa ý chỉ nguyên nhân với các câu chứa ý chỉ kết quả không cần dùng từ nối.

Ví dụ:

Gió thổi mỗi lúc một dữ dội. Cành cây gãy rãng rắc. Những mái nhà tranh bật tung. Bụi cuốn mù đường.

Trong ví dụ này, câu thứ nhất chỉ nguyên nhân, các câu còn lại chỉ kết quả. Giữa câu chỉ nguyên nhân với các câu chỉ kết quả được liên kết với nhau không phải bằng phép nối mà bằng phép liên tưởng nhân quả. Đoạn văn này vì thế cũng được coi là đoạn văn nhân quả.

4. Viết đoạn văn có quan hệ suy luận

Đoạn văn có quan hệ suy luận là đoạn văn được mở đầu bằng một sự kiện hay một vấn đề, rồi sau đó là những ý kiến, nhận xét rút ra được, suy ra được từ những sự kiện, những vấn đề mở đầu đó.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞ ĐẦU SUY LUẬN SUY LUẬN

Ví dụ 1:

Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy hoặc đầu hàng. Thế là, chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong năm năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

(Hồ Chí Minh)

Đoạn văn này gồm hai câu. Câu thứ nhất nêu một sự kiện. Câu thứ hai là sự suy luận từ câu đứng trước.

Ví dụ 2:

Cái riêng là một sự vật, hiện tượng riêng lẻ, có những thuộc tính chung với những sự vật và hiện tượng khác, đồng thời nó lại có những thuộc tính riêng biệt mà những sự vật và hiện tượng khác không có. Như vậy là, cái chung tồn tại trong cái riêng, chỉ là một bộ phận của cái riêng. Cái riêng phong phú hơn cái chung, ngược lại, cái chung sâu sắc hơn cái riêng.

(Theo tài liệu *Triết học Mác – Lênin*)

Câu thứ nhất trong đoạn văn này nêu lên một vấn đề. Hai câu sau là ý kiến suy luận được rút ra từ câu khởi đầu. Vì thế, đoạn văn này là đoạn văn suy luận.

5. VIẾT ĐOẠN VĂN CÓ QUAN HỆ HỖN HỢP

Đoạn văn có quan hệ hỗn hợp là đoạn văn không phải chỉ chứa một loại quan hệ ý nghĩa như đã nêu trong 4 loại văn trên mà chứa từ hai đến nhiều loại quan hệ ý nghĩa trong cùng một đoạn văn.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞI ĐẦU QUAN HỆ 1 QUAN HỆ 2

Ví dụ 1:

(1) Xưa chỉ có phụ nữ mới xỏ lỗ tai. (2) Vì thế, chỉ có phụ nữ khi cần mới đeo hoa, đeo khuyên. (3) Nhưng nay có cả những nam thanh niên lại tự bêu xấu mình bằng cách cũng xỏ lỗ tai, đeo hoa, đeo khuyên như thế. (4) Dưới mắt người lao động chân chính, biết tự trọng, thì những kẻ xỏ lỗ tai ấy chỉ là những kẻ nhố nhăng, vô học, thiếu nhân cách, người không ra người, ngợm không ra ngợm... (5) Không hiểu, rồi kiêu xỏ lỗ mũi như châu Phi lan sang đến đây, họ có bắt chước hay không, hay họ cũng rạch mặt nham nhở như một nước ở Trung Phi cho lạ, cho có vẻ ta đây là người quốc tế.

(Theo Băng Quân, *Xỏ... lỗ tai*,
báo *Tiền phong thứ bảy*)

Trong đoạn văn này, câu (1) và câu (2) có quan hệ nhân quả với nhau. Câu (3) lại có quan hệ tương phản với câu (1) và câu (2). Câu (4) và câu (5) có quan hệ suy luận với những câu đứng trước. Như vậy trong đoạn văn này chứa tới ít nhất là ba mối quan hệ như ta vừa phân tích. Đoạn văn vì thế được gọi là đoạn văn hỗn hợp.

Ví dụ 2:

*(1) Nam Cao ít tả cảnh, càng không bao giờ tả cảnh vì cảnh, mà có tả cảnh trước hết cũng để soi sáng nội tâm nhân vật. (2) Vì vậy, cảnh thiên nhiên trong truyện Nam Cao thường được nhìn qua tâm trạng nhân vật và mang đậm tình người. (3) Do đó, cũng là trắng, nhưng với anh văn sĩ đầu óc đắm văn thơ lãng mạn thì trắng là "liềm vàng", là "đĩa bạc", là "cái vú mộng tràn đầy mà thi sĩ của muôn đời mơ man" (**Trắng sáng**). (4)*

Còn ánh trăng của Chí Phèo đang bứt rứt, ngứa ngáy da thịt sau bữa rượu say lại "nhế nhại, rời rợi như là uớt nước... trên những tàu lá chuối uốn cong cong... thỉnh thoảng bị gió lay lại giãy lên đành đạch như là hứng tình" (Chí Phèo).

(Theo Nguyễn Hoàn Khung)

Trong đoạn văn này, câu (1) và (2) có quan hệ nhân quả. Giữa câu (3) và (4) có quan hệ liệt kê tương phản. Còn giữa nhóm câu (1), (2) và nhóm câu (3), (4) lại có quan hệ nhân quả với nhau. Như vậy, đoạn văn này đã chứa nhiều mối quan hệ nghĩa đan xen nhau. Đoạn văn này vì thế là đoạn văn hỗn hợp.

6. Luyện tập

Bài tập 1

Trong số những đoạn văn dưới đây, đoạn văn nào có câu chủ đề, đoạn văn nào không có câu chủ đề. Vì sao?

– Văn bản hành chính có mục đích thực hiện các quan hệ hành chính – công vụ, có hiệu lực cao trong đời sống xã hội. Do vậy, văn bản hành chính đòi hỏi cao về tính nghiêm túc, tính trang trọng trong cách diễn đạt; không chấp nhận cách nói thân mật, suồng sã theo kiểu quan hệ gia đình. Trong văn bản hành chính thường ghi rõ ngày lập văn bản, thời hạn có hiệu lực, phạm vi và đối tượng thi hành.

(Theo SGK Tiếng Việt)

– Mưa đã ngớt. Trời rạng dần. Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran. Mưa tạnh. Phía đông một mảng trời trong vắt. Mặt trời ló ra, chói lọi trên những vòm lá bưởi lấp lánh.

(Tô Hoài)

– Màu sắc trên bao bì cũng là một yếu tố quyết định. Có loại hàng, "thượng đế" trông thấy là biết ngay "đồ xịn", và cũng có loại hàng trông thấy là biết ngay "đồ rởm". Có những loại không biết bên trong như thế nào mà nhìn ngoài đã thích mua để được lấy cái hộp bên ngoài. Thường thì những màu nổi dùng để "câu khách" trong siêu thị, những màu nhẹ thì làm dịu lòng khách khi bực bội. Màu vàng dùng cho thực phẩm là màu thích hợp nhất vì nó tạo cảm giác sạch sẽ, dịu mát, dễ kích thích dạ dày và trông "dễ trôi".

(Thuý Bình, Bao bì cuốn hút khách hàng, báo Kinh doanh và tiếp thị)

– Mỗi chúng ta nếu không giống mẹ thì nhất thiết phải giống cha. Đây là do tính di truyền. Nhưng đây không phải là sự giống nhau tuyệt đối. Bao giờ con cái cũng có điểm gì đó khác với bố mẹ, cả về ngoại hình lẫn tâm lí. Đó chính là do tính biến dị.

(Theo Sinh vật học lí thú, Di truyền và biến dị)

Bài tập 2

Có ý kiến cho rằng, cả hai đoạn văn dưới đây đều là hai đoạn văn không có câu chủ đề. Ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

– Ngành chế biến sữa của nước ta còn rất non trẻ. Nhưng chỉ riêng các nhà máy sữa hàng năm cũng tạo ra một doanh số lớn khoảng 1.400 tỉ đồng và đã đóng góp cho Nhà

nước một số thuế không nhỏ, 125 tỉ đồng. Có thể vui mừng về sự phát triển của ngành chế biến sữa. Thế nhưng không vì thế mà không tập trung sức giải quyết những ách tắc.

(Lê Viết Li, Đã đến lúc cần có chính sách phát triển bò sữa ở nước ta, báo Nhân dân)

– Cuộc phí điện thoại luôn luôn là vấn đề được các nhà khai thác lẫn khách hàng quan tâm. Trước biến động của thị trường điện thoại quốc tế, gần đây các công ti điện thoại đã thông qua các hiệp định song phương nhằm đưa ra khung giá thanh toán mới thường chỉ bằng một nửa trước đây. Ủy ban liên lạc viễn thông Mỹ đề nghị giảm cước phí thanh toán điện thoại giữa Mỹ và Trung Quốc từ 1,06 USD/phút xuống còn 0,177 USD. Ma-lai-xi-a quyết định giảm cước phí điện thoại 18%. Còn In-đô-nê-xi-a cũng thương lượng với Mỹ về hiệp định giá gọi điện thoại mới,... Dịch vụ điện thoại hiện đại hơn, nhưng đỡ hao túi tiền của người tiêu dùng, đó sẽ là điều tất yếu.

(Theo Hà Phương, Thị trường điện thoại châu Á sôi động chưa từng thấy, báo Nhân dân)

Bài tập 3

Những đoạn văn dưới đây thuộc loại đoạn liệt kê. Hãy phân tích để thấy rõ điều đó.

– Ca dao là bầu sữa tinh thần nuôi dưỡng trẻ thơ (hát ru). Ca dao là hình thức trò chuyện tâm tình của những chàng trai, cô gái (hát ví, hát xoan, hát gheo). Ca dao là tiếng nói biết ơn, tự hào về công đức của tổ tiên và anh linh của những người đã khuất (bài ca lễ hội). Ca dao là phương tiện bộc lộ nỗi tức giận hoặc lòng hân hoan của những người sản xuất (hò, lí).

(Theo SGK Văn)

– Các loại máy văn phòng và thiết bị học tập được công ti kinh doanh gồm: máy chiếu phóng đại, màn hình tinh thể lỏng, máy chiếu giao diện với máy tính. Bên cạnh đó, công ti kinh doanh cả máy huỷ tài liệu, các máy chữ điện tử, máy đóng sổ sách và các loại máy photocopy, máy vi tính. Ngoài ra, công ti còn có những máy chuyên dùng trong lĩnh vực tài chính như máy tính tiền siêu thị từ loại đơn giản đến hiện đại nhất và máy thử đô la dùng để phát hiện đô la giả và siêu giả.

(Theo Thời báo kinh tế Việt Nam)

– Các bài thơ của Bác, đẹp ở chữ, ở lời, ở câu, ở bố cục cân đối, hài hoà. Đẹp ở hình tượng, phong cảnh; đẹp ở cảm xúc, âm thanh, màu sắc, nhạc điệu, hình khối. Đẹp vì tứ cao, ý sâu. Đẹp vì giản dị, lộng lẫy, hùng vĩ, cao cả, hài hoà.

(Theo SGK Văn)

Bài tập 4

Đoạn văn dưới đây có phải là đoạn văn liệt kê không? Vì sao?

Có một con người giả và một con người thực cùng ở trong anh ấy (anh lính thú đời xưa). Ta hãy để ý: bao vàng, nón dẫu, súng hoả mai, giáo trên mình anh ta thất, đội mang, cấp nhất nhất đều theo lệnh quan. Chân anh ta bước cũng là do tiếng trống giục. Con

người già, con người công cụ ấy choán hết bài thơ, nó đè nặng lên con người thực. Có cái gì như nghẹn ngào, tức tối. Đến khi con người thực vụt hiện ra ở cuối bài thơ thì câu thơ bỗng khóc oà lên, người ta không trông thấy gì ngoài những giọt nước mắt.

(Hoài Thanh)

Bài tập 5

Đoạn văn dưới đây là đoạn văn nhân quả. Hãy phân tích để thấy rõ điều này.

Thừa kế là việc nội bộ trong gia đình, giữa bà con thân thuộc với nhau. Vì vậy, chủ yếu là phân chia trên cơ sở tự nguyện, thương yêu, đoàn kết, tôn trọng pháp luật.

(Phan Đăng Thanh,
Quyền thừa kế của công dân)

Bài tập 6

Đoạn văn dưới đây có phải là đoạn văn nhân quả không? Vì sao?

Một đặc điểm nổi bật của Ngô Tất Tố mà các nhà văn hiện thực đương thời không đạt kịp ông là ông đã tả nông thôn và nông dân rất thành công. Được thế là nhờ Ngô Tất Tố có một vốn sống phong phú về nông thôn, có ngôn ngữ gần đại chúng, có một nghệ thuật già dặn.

(Theo SGK Văn)

Bài tập 7

Trong hai đoạn văn dưới đây, đoạn nào là đoạn tương phản, đoạn nào không phải là đoạn tương phản? Vì sao?

– Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

– Trong hàng nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến ngoại bang xâm lược... văn nghệ bác học cổ điển của ta có những tác phẩm tiến bộ mang cốt cách dân tộc, nhưng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng thống trị ngoại bang... Trong gần một thế kỉ dưới ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp, văn nghệ bác học của ta bị lai căng, nhưng vẫn có những tác phẩm tiến bộ, tuy nhiên nền văn nghệ bác học đó cũng không tích cực bằng văn nghệ của quần chúng. Vì vậy, muốn phát huy truyền thống dân tộc tốt đẹp, lành mạnh, phong phú và sâu sắc thì trước hết phải chú trọng đến văn nghệ của quần chúng.

(Theo Hà Huy Giáp)

Bài tập 8

Dưới đây là một đoạn văn suy luận. Hãy phân tích để làm sáng rõ điều đó.

Kiều đã bốn lần gảy đàn. Trong bốn lần đó, có lẽ chỉ có lần đầu tiên gảy cho Kim Trọng nghe là Kiều tự nguyện nhất. Thuý Kiều đã trở hết tài năng và hiểu biết của mình trong ngón đàn: nào lưu thuỷ, hành văn, nào khúc Quảng Lăng, khúc Chiêu Quân. Đó là tiếng đàn của mùa xuân, của buổi mai, của tuổi trẻ, của tình yêu, của những gặp gỡ diệu kì giữa nhạc và thơ.

(Theo Tế Hanh)

Bài tập 9

Những đoạn văn dưới đây có phải là đoạn văn suy luận không? Vì sao?

– *Những ngày thơ ấu là một tập hồi kí về tuổi thơ của Nguyễn Hồng. Nội dung và thể tài của tác phẩm đều rất phù hợp với phong cách của nhà văn. Mỗi chương sách là một kỉ niệm, một bài thơ trữ tình ghi lại những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại.*

(Nguyễn Đăng Mạnh)

– *Một chiều nước lụt, lên thuyền về một nơi nọ. Cao Bá Quát cho rằng: không thấy nước to sóng cả thì sao biết được tấm lòng nghìn dặm của người đi thuyền. Trong tâm trạng con người ấy có cái gì đó không nói với ai được đành phải đem gửi vào nước mây.*

(Theo Lịch sử văn học Việt Nam, tập III)

– *Ban ở sau lưng. Ban ở trước mặt. Ban ở bên phải. Ban ở bên trái. Ban ở trên đầu, ở trên đỉnh. Ban ở dưới chân, ở trong lòng thung lũng. Ban ngang tâm người nhưng lại nép ở bên kia mép vực đá.*

(Theo Nguyễn Tuân)

Bài tập 10

Đoạn văn dưới đây là đoạn văn hỗn hợp hay đoạn văn suy luận? Vì sao?

Tăng Sâm vốn là người hiền hậu, hiếu thảo nên khi có kẻ nói "Tăng Sâm giết người" thì bà mẹ không tin. Một người nói, bà mẹ không tin; hai người nói, bà mẹ chuta tin; đến người thứ ba nói thì mẹ cuống cuống chạy trốn. Như thế mới hay cái dư luận của thiên hạ rất mạnh. Một việc, dù cho sai lầm đến mười mươi, nhiều người đã cùng có một nghị luận đều như thế cả, thì cũng dễ khiến cho ta nghi nghi hoặc hoặc rồi đem bụng tin mà cho là phải... Đến như giữa chợ làm gì có cọp, thế mà một người, hai người, đến ba người nói có cọp, thiên hạ cũng tin có cọp thật nữa là. Những bậc ra được ngoài vòng dư luận, giữ vững được bụng như cây giữa rừng, như kiềng ba chân là rất hiếm, nhưng có thể có được, mới cao. Một chân lí có chứng minh rõ ràng mười phần chắc chắn, thì mới nên công nhận.

(Nguyễn Văn Ngọc – Trần Lê Nhân,
Cổ học tinh hoa)

Bài tập 11

Đoạn văn dưới đây là đoạn văn hỗn hợp. Hãy phân tích đoạn văn để thấy rõ điều này.

Chí Phèo đã chết, chết trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống. Chí phải chết vì xã hội không cho Chí được sống. Và cũng chính vì Chí không tìm ra đường sống. Kẻ thù đã bị đền tội, nhưng "tre già măng mọc, thằng ấy chết còn thằng khác". Cuộc sống vẫn tối sẫm.

(Theo Nguyễn Hoàn Khung)

Bài tập 12

Hãy lần lượt viết các đoạn văn với nội dung tự chọn theo những mẫu dưới đây.

a) Đoạn văn liệt kê:

Khởi đầu liệt kê liệt kê

b) Đoạn văn tương phản:

Khởi đầu tương phản tương phản

c) Đoạn văn nhân quả:

Khởi đầu kết quả kết quả

d) Đoạn văn suy luận:

Khởi đầu suy luận suy luận

e) Đoạn văn hỗn hợp:

Khởi đầu quan hệ 1 quan hệ 2

IV. LUYỆN TÁCH ĐOẠN VĂN VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

1. Luyện tách đoạn văn

Tách đoạn văn là hoạt động của người viết trong việc phân chia ý, phân chia nội dung khi xây dựng văn bản. Kết quả của hoạt động này sẽ cho ta những đoạn văn. Việc tách đoạn phù hợp không phải chỉ có tác dụng đối với người viết mà còn có tác dụng cả với người đọc.

– *Về phía người viết*, tách đoạn có tác dụng vừa là một phương tiện để phân chia nội dung, trình bày nội dung vừa là một phương tiện để thể hiện phong cách riêng của người viết trong việc tạo văn bản.

– *Về phía người đọc*, tách đoạn có hai tác dụng chính:

+ Giúp cho việc tiếp nhận nội dung dễ dàng hơn và theo dõi được cách lập luận, cách trình bày của người viết một cách thuận lợi.

+ Tạo điều kiện cho việc ngừng nghỉ, chống lại sự mệt mỏi khi phải tiếp thu liên tục những dòng chữ dày đặc trên trang giấy và có đủ thời gian để hiểu đoạn văn trước, chuẩn bị tốt hơn cho việc tìm hiểu những đoạn văn sau.

Việc tách đoạn văn như thế nào cho phù hợp, tùy thuộc vào phong cách văn bản, nội dung văn bản và phong cách riêng của người viết. Thông thường thì trong các văn bản khoa học, chính luận việc tách đoạn chủ yếu là do sự phân chia lôgic đối tượng quy định. Trong khi đó, ở các văn bản nghệ thuật, việc tách đoạn lại không phải chỉ là sự phân chia lôgic đối tượng mà còn do sự phân chia mang tính biểu cảm thẩm mỹ chi phối (phân đoạn thể hiện phong cách riêng của người viết).

Dưới đây, chủ yếu chúng ta nói tới một vài cơ sở tách đoạn theo sự phân chia lôgic đối tượng. Các cơ sở này khi thì được dùng biệt lập, khi thì được dùng đan xen nhau cùng trong một đoạn văn.

a) Tách đoạn theo chủ đề

Nếu quan niệm một văn bản hoàn chỉnh gồm nhiều chủ đề nhỏ thì mỗi khi chuyển từ chủ đề nhỏ này sang chủ đề nhỏ khác, ta có thể tách thành một đoạn văn. Hay nói một cách khác, mỗi đoạn văn chỉ nên chứa một chủ đề nhỏ.

Ví dụ:

Hút thuốc lá đã gây ra những tác hại lớn đối với xã hội. Tình trạng cháy nhà, công sở hoặc rừng cây do mẩu thuốc lá không phải là chuyện hiếm gặp. Chỉ riêng khoản thiệt hại này đã lên đến hàng tỉ đô la tính trên toàn thế giới.

Đối với người mẹ, hút thuốc lá khi mang thai sẽ đem lại tác hại khôn lường cho thai nhi. Hội chứng trẻ sơ sinh đột tử có nguy cơ xuất hiện gấp đôi ở những đứa trẻ sống trong môi trường nhiều khói thuốc lá. Mới đây một chuyên san y học Mỹ đã thực hiện phỏng vấn bố mẹ của 200 trẻ sơ sinh đột tử và bố mẹ của 200 trẻ khoẻ mạnh. Kết quả cho thấy nguy cơ tử vong sẽ cao hơn với nhóm đối chứng 3,5 lần nếu bố là người nghiện thuốc và 2,3 lần nếu mẹ là người nghiện thuốc.

Vậy có phương pháp nào để cai thuốc một cách có hiệu quả? Cách đây 5.000 năm, các thầy thuốc Trung Hoa giúp người nghiện thuốc lá bằng cách mài củ cải và trộn với hai thìa mật ong rồi cho uống. Một cách khác có vẻ rắc rối hơn: dùng miếng đậu phụ khoảng 100 gam, khoét những lỗ nhỏ rồi nhét đường vào và đem hấp; khi lên cơn thèm thuốc, người nghiện lấy miếng đậu phụ này ăn ngay lập tức sẽ bị nôn thốc nôn tháo. Điều này tái diễn nhiều lần sẽ khiến người nghiện buồn nôn mỗi khi nghĩ mùi thuốc lá!

Dù có áp dụng phương pháp nào đi nữa, điều quan trọng nhất đối với người muốn cai nghiện là ý chí của họ. Nếu không cương quyết với chính mình, sẽ không có biện pháp khả thi nào để giúp họ tránh khỏi việc đốt một điếu thuốc mỗi khi cơn thèm xuất hiện.

(Theo Mi Nga, Cuộc chiến chống thuốc lá,
tạp chí Thế giới mới)

Phần văn bản trích dẫn này gồm bốn đoạn văn, mỗi đoạn nêu một chủ đề riêng biệt:

- Đoạn 1: Tác hại của thuốc lá đối với xã hội, đặc biệt là việc gây ra nạn cháy.
- Đoạn 2: Tác hại của thuốc lá đối với việc sinh đẻ và trẻ sơ sinh.
- Đoạn 3: Một số phương pháp cai nghiện thuốc lá.
- Đoạn 4: Sự quyết định của ý chí đối với việc cai nghiện.

Cách tách đoạn văn như vậy được gọi là cách tách đoạn theo chủ đề.

b) Tách đoạn theo thời gian

Nếu trong văn bản, chúng ta trình bày đối tượng theo trình tự thời gian thì sau mỗi thời đoạn, thời điểm, ta có thể tách thành một đoạn văn. Điều này có nghĩa là mỗi đoạn văn sẽ tương ứng với một thời đoạn hoặc một thời điểm nhất định.

Ví dụ:

Năm 1935, Nguyễn Cao Luyện gặp Hoàng Như Tiếp từ Huế ra Hà Nội. Hai kiến trúc sư đồng khoá, giàu tài năng và nhiệt tình, hợp lại như đũa có đôi. Hai ông đã đến với xóm thợ và dân nghèo thành thị ở bãi Phúc Xá, Hà Nội. Để giúp những người nghèo khó, hai ông đã sáng tạo ra kiểu **nhà ánh sáng** giản dị, bằng vật liệu rẻ tiền, nhưng vẫn tạo nên được nơi ăn chốn ở văn minh, hợp vệ sinh. **Nhà ánh sáng** không những đã có tiếng vang lớn trong nước ta thời kì đó, mà còn vọng sang một số nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

Năm 1939, phòng kiến trúc có thêm Nguyễn Gia Đức, cũng là một kiến trúc sư ý hợp tâm đầu. Các ông đã khởi xướng những ý tưởng về không gian và hình dáng của kiến trúc Việt Nam với sự trân trọng tìm hiểu và khai thác vốn truyền thống, đồng thời đón nhận

những thành tựu mới của văn minh nhân loại đã để lại cho kiến trúc Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám dấu ấn đặc sắc, gắn bó với lịch sử phát triển kiến trúc nước nhà.

[...] Ngay từ đầu kháng chiến, ông đã có mặt ở Việt Bắc để góp phần bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Từ đấy, ông bước vào một thời kì hoạt động xã hội phong phú. Với cương vị thành viên trong ban lãnh đạo Vụ Kiến trúc, Bộ Giao thông công chính, ông đã đóng góp về mặt tổ chức của ngành Kiến trúc non trẻ nước ta, cũng như tìm hướng đi cho nghệ thuật kiến trúc vừa phục vụ kháng chiến, vừa chuẩn bị cho kiến quốc sau ngày thắng lợi. Là một trong số những kiến trúc sư đầu tiên, năm 1948, ông đã sáng lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam, tức Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay.

*(Theo Đoàn Đức Thành, Nguyễn Cao Luyện –
kiến trúc sư, nhà văn hoá, báo Nhân dân)*

Phân trích dẫn trên gồm ba đoạn văn, mỗi đoạn thể hiện một khoảng đời của kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện ở những thời điểm khác nhau:

- Đoạn 1: Hoạt động của kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện ở giai đoạn những năm 1935.
- Đoạn 2: Hoạt động của kiến trúc sư giai đoạn ở những năm 1939.
- Đoạn 3: Hoạt động của kiến trúc sư giai đoạn những ngày đầu kháng chiến ở núi rừng Việt Bắc.

Việc tách đoạn như vậy được gọi là tách đoạn theo thời gian.

Lưu ý:

Khi tách đoạn theo thời gian, ta nên dùng một câu có bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian đặt ở đầu câu và bản thân câu này cũng cần được đặt ở vị trí đầu đoạn văn (trong câu chủ đề hoặc câu khởi đầu). Xem lại đoạn trích trong ví dụ trên ta sẽ thấy rõ điều này (những từ ngữ in đậm).

c) Tách đoạn theo không gian

Nếu trong văn bản, chúng ta trình bày đối tượng theo trật tự không gian thì cứ sau mỗi khoảng không gian, ta có thể tách thành một đoạn văn. Điều này có nghĩa là mỗi đoạn văn được tách ra sẽ ứng với một khoảng không gian nhất định.

Ví dụ:

***Tại Bra-xin**, nguồn cung cấp cà phê ở nội địa này, nhất là cung cấp cà phê cho ngành chế biến trở nên khan hiếm. Hiệp hội các nhà chế biến cà phê của Bra-xin đang đề nghị Chính phủ nước này bán 777.000 bao cà phê dự trữ để hỗ trợ nguồn cung nhưng chưa được chấp nhận. Mặc dù cà phê vụ mới của Bra-xin đang được bán ra thị trường nhưng chất lượng kém, hạt nhỏ, độ ẩm cao nên các nhà kinh doanh ngần ngại mua vào.*

*Trong khi đó, **tại Niu Ốc**, lượng cà phê đăng kí bán tính đến tuần 8/8 bị giảm mạnh làm các nhà kinh doanh e ngại cà phê giao kì hạn tháng 9 – 1997 sẽ bị thiếu hụt. Tất cả các yếu tố trên đã khuyến khích các hoạt động mua vào và đẩy giá cà phê A-ra-bi-ca tăng mạnh.*

Hai tuần qua, giá cà phê Rô-bu-xta tại Luân Đôn cũng tăng 60–100 USD/tấn so với giữa tháng 7 –1997 lên 1.610 –1.680 USD/tấn.

(Hoài Linh, *Cà phê A-ra-bi-ca lại tăng giá mạnh*,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Phần trích trên gồm ba đoạn văn, mỗi đoạn ứng với một không gian khác nhau:

- Đoạn 1: tại Bra-xin
- Đoạn 2: tại Niu Oóc
- Đoạn 3: tại Luân Đôn

Cách tách đoạn như phần trích dẫn trên được gọi là tách đoạn theo không gian.

Lưu ý:

Khi tách đoạn theo không gian, người ta thường đặt ở câu khởi đầu hoặc câu chủ đề của đoạn văn một bộ phận trạng ngữ chỉ địa điểm nằm ở vị trí đầu. Cách sắp xếp như vậy thường làm nổi bật được cách thức trình bày theo sự thay đổi không gian của văn bản.

d) Tách đoạn theo mục đích tu từ

Tách đoạn theo mục đích tu từ, đó là cách tách đoạn nhằm mục đích nhấn mạnh ý, thể hiện phong cách riêng, thể hiện sự độc đáo của người viết trong việc sử dụng ngôn ngữ. Do đặc điểm này, việc tách đoạn theo mục đích tu từ chủ yếu được dùng trong các văn bản văn chương, ít được dùng trong các văn bản khoa học, chính luận.

Ví dụ 1:

Đường phố bắt đầu hoạt động và huyền ảo. Những chiếc xe vận tải nhẹ, xe lam, xe xích lô máy nườm nượp chở hàng hoá và thực phẩm từ vùng ngoại ô về các chợ Bến Thành, Cầu Muối đánh thức cả thành phố dậy bởi những tiếng máy nổ giòn.

Thành phố mình đẹp quá ! Đẹp quá đi !

(Nguyễn Mạnh Tuấn)

Ví dụ 2:

Tôi trở về quê hương. Tôi cũng tính thêm rằng: sau khi về thăm mẹ, khi mẹ nhìn thấy mặt, mừng tôi còn sống, vẫn khoẻ, người an tâm rồi, bấy giờ tôi sẽ tính một cuộc du lịch xa xôi.

Tôi rẽ cỏ tìm lối về...

Đường về xa lắc, xa lơ...

(Tô Hoài)

Lưu ý:

– Các đoạn văn được tách ra với mục đích tu từ phổ biến là các đoạn văn chỉ có một câu.

– Các đoạn văn được tách ra với mục đích tu từ trong các văn bản khoa học, chính luận chủ yếu là để nhấn mạnh ý. Lúc này, đoạn văn mới chỉ chứa một phần của đề tài và chủ đề.

2. Luyện liên kết đoạn văn

Liên kết đoạn văn làm cho nội dung trình bày trong các đoạn văn của cùng một văn bản liên mạch với nhau và tạo thành một thể thống nhất chặt chẽ. Để liên kết các đoạn văn, ta có thể dùng từ ngữ hoặc câu văn.

a) Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn

– Dùng từ ngữ chỉ trình tự, chỉ sự liệt kê, sự bổ sung... để liên kết đoạn. Lúc này, trong các đoạn văn thường chứa các từ ngữ như: *một là, hai là; thứ nhất là, thứ hai là; trước hết là, sau cùng là; một mặt là, mặt khác là; trước hết, sau nữa,...*

Ví dụ 1:

Thứ nhất, trong điều kiện bắt buộc phải kinh doanh chủ yếu là hàng hoá sách các loại. Công ti chủ trương đa dạng hoá mặt hàng, phương thức phục vụ. Chủ động bám sát và kí hợp đồng với các đầu mối, ngoài việc đưa về địa bàn sớm đủ sách giáo khoa, công ti chú trọng đáp ứng sức mua của thị trường đối với sách chuyên nghiệp, dạy nghề, sách nâng cao kiến thức, sách bồi dưỡng học sinh giỏi,... công ti luôn luôn bảo đảm cung ứng hàng đúng thời điểm theo nhu cầu của từng vùng, từng miền và tranh thủ sự chỉ đạo của UBND các cấp và ngành Giáo dục, coi phương thức phát hành qua hệ thống quản lí giáo dục của Ngành là chủ lực.

Thứ hai, chú trọng làm tốt công tác thị trường, tiếp thị trong kinh doanh, công ti xây dựng trên 200 đại lí bán hàng trên địa bàn theo phương châm không bán sách lậu, bán đúng giá bìa, lấy chữ tín trong kinh doanh làm nền tảng, chiết khấu cho người bán tiền hoa hồng cao nhất có thể được...

(Báo Kinh doanh và tiếp thị)

Ví dụ 2:

Lí do chủ yếu dẫn dắt ngành công nghiệp điện tử dân dụng vào tình trạng thiếu việc làm, thu nhập giảm sút là thiếu một chiến lược đầu tư đúng đắn. Hiện tại Việt Nam có quá nhiều công ti và doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điện tử dân dụng. Tình trạng bán phá giá do ế đọng, cần thu hồi vốn xảy ra ở các doanh nghiệp không chuyên kinh doanh điện tử dân dụng đã làm cho những doanh nghiệp làm ăn nghiêm túc khốn đốn.

Thêm nữa, mức thuế doanh thu 8% áp dụng cho điện tử dân dụng hiện nay càng khiến cho ngành khó hoạt động trong bối cảnh thị trường ế ẩm như hiện nay. Còn các doanh nghiệp nhỏ chuyên nhập linh kiện ti vi đen trắng, cách đây hai năm đã chịu mức thuế từ 7% lên 25% nên bị lỗ vốn ít nhất từ 400 triệu đến 800 triệu đồng nay đành khoanh tay chờ phá sản. Ngay cả các doanh nghiệp dám đầu tư vài trăm ngàn USD cho dây chuyền sản xuất hiện đại cũng còn khó xoay sở.

(An Yên, Điện tử... lữ khứ tại chỗ,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

– Dùng từ ngữ có ý nghĩa tóm tắt, tổng kết, khái quát... các nội dung đã được trình bày để liên kết các đoạn văn. Lúc này trong các đoạn văn thường chứa các từ ngữ như: *tóm tắt, tổng kết lại, nhìn chung, nói một cách ngắn gọn, nói tóm lại,...*

Ví dụ 1:

Sản lượng cao su của Ma-lai-xi-a, nước sản xuất thứ ba thế giới, sẽ giảm xuống còn 1,09 triệu tấn/ha vào sau năm 2000 trong khi sản lượng của Thái Lan, nước sản xuất đứng hàng đầu hiện nay vẫn ở mức cao nhất trong thế kỉ này, sẽ giảm xuống còn khoảng 1,8 triệu tấn vào năm 2007.

*[...] **Nhìn chung**, sản lượng cao su sẽ tăng lên song song với nhịp tăng nhu cầu, với nhịp độ 4,1%/năm cho tới năm 2000. Song sau đó, nguồn cung cấp sẽ ngày càng không đủ. Mức tiêu thụ sẽ tiếp tục tăng lên với tỉ lệ trung bình là 3,5%/năm trong những năm đầu thập kỉ tới, dẫn tới việc sản lượng ngày càng thiếu hụt.*

(HN, Dự báo nhu cầu cao su tự nhiên vào năm 2002, báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Ví dụ 2:

Trong thời kì quá độ, bên những thành tích tốt đẹp là chính vẫn còn những cái xấu xa của xã hội cũ như: tham ô lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ,... Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải phê bình nghiêm khắc nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh, tốt đẹp hơn.

***Nói tóm lại:** phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hổ người. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thu.*

(Hồ Chí Minh)

– Dùng từ ngữ có ý nghĩa đối lập, tương phản... để liên kết đoạn văn. Lúc này, trong các đoạn văn thường có chứa các từ ngữ như: *trái lại, ngược lại, đối lập với, thế mà, tuy vậy,...*

Ví dụ 1:

Ngân hàng Thế giới đã đưa ra các ngưỡng nghèo tính theo thu nhập cho các khu vực khác nhau. Đối với các nước đang phát triển là 1 USD / ngày, Mĩ La-tinh và Ca-ri-bê 2 USD, Đông Á và Liên Xô cũ 4 USD và các nước công nghiệp phát triển 14,4 USD/ngày.

***Tuy nhiên**, nghèo khó không chỉ tính theo thu nhập mà còn dựa trên điều kiện phát triển con người, xét trong ba lĩnh vực cơ bản của cuộc sống: giáo dục cơ bản, khả năng tiếp cận các nguồn lực và khả năng tiếp cận các cơ hội để tạo ra một mức sống cao hơn.*

(Đỗ Thoan, Thế giới còn 1,3 tỉ người nghèo, báo Đầu tư)

Ví dụ 2:

Đây là một yêu cầu hợp lí và cho dù phải bỏ thêm ít tiền thì phía Việt Nam vẫn có lợi hơn là tự dốc túi chi cho một dự án riêng của mình. Những tương dự án này sẽ được hoan hỉ đón nhận và nhanh chóng triển khai.

***Thế nhưng** đến quá nửa năm 1997, các quan chức của Lạng Sơn mới chợt nhận ra các dự án được triển khai không mấy nhanh chóng. Rừng Đức mới trồng được 971ha (kế*

hoạch của dự án là 187 ha), mà lại chủ yếu bằng nguồn vốn của năm 1996 chuyển sang. Rừng PAM thì mới trồng 113ha.

(Quảng Hà, *Chê cả tiền Tây!* báo Lao động)

– Dùng từ ngữ thế để liên kết đoạn văn. Lúc này, trong đoạn văn thường dùng các đại từ hoặc những từ ngữ như: *ấy, vậy đó, này, điều đó, việc này, như vậy,...*

Ví dụ 1:

[...] Rừng Nghệ An đã bị suy kiệt.

Điều đó không chỉ có nghĩa là diện tích rừng và lượng gỗ quý giảm đi, mà phải tính đến các "phí tổn môi trường", trong đó có sự mất mát về quỹ gen và cảnh quan văn hoá. Môi trường phải là cái cần được quan tâm trước hết trong tất cả các chiến lược phát triển, song để bảo vệ môi trường và quản lí tài nguyên, phải bắt đầu từ những người nghèo khổ.

(Bích Hằng, *Nghệ An hơn nửa thế kỉ mất rừng*, báo Lao động)

Ví dụ 2:

Giảng văn rõ ràng là khó.

Nói như vậy để nêu ra một sự thật. Không phải nhằm hù dọa càng không phải để làm ngã lòng.

(Lê Trí Viễn)

b) Dùng câu để liên kết đoạn văn

– Dùng câu nối để liên kết đoạn văn

Câu nối là câu chủ yếu thực hiện chức năng liên kết các đoạn văn. Nếu trong câu nối có chứa thông tin thì đó chỉ là những thông tin cũ đã được nói tới ở phần trên, hoặc những thông tin sẽ được nói tới ở phần sau của văn bản.

Ví dụ 1:

Trở lên, tôi đã đứng về **phía người đọc, người nghe** mà nhìn nhận tác dụng của phê bình. Cũng có thể đứng về **phía người sáng tác** mà nhìn nhận vấn đề.

(Hoài Thanh)

Cấu tạo đầy đủ nhất của một câu nối thường gồm 4 phần:

+ Phần 1: chứa từ ngữ nối với phần văn bản trên. Các từ ngữ thường được dùng trong phần này: *trên đây, ở trên, phần trước, trở lên, trên kia,...*

+ Phần 2: tóm tắt nội dung đã trình bày ở phần văn bản trên.

+ Phần 3: chứa từ ngữ nối với phần văn bản dưới. Các từ ngữ thường được dùng trong phần này là: *dưới đây, sau đây, bây giờ,...*

+ Phần 4: nêu khái quát nội dung sẽ trình bày trong phần văn bản dưới.

Trong đoạn văn, câu nối sẽ đứng ở vị trí thứ nhất, nếu câu nối đó gồm cả những từ ngữ nối với phần trên và phần dưới văn bản. Còn câu nối sẽ đứng ở vị trí cuối đoạn văn, nếu câu nối đó chỉ có các từ ngữ nối với phần sau của văn bản.

Ví dụ 2:

Ở trên, tôi đã nói Xuân Diệu là một nhà thơ dồi dào, dưới đây tôi xin nói thêm: Xuân Diệu là một nhà thơ luôn luôn tìm tòi.

(Theo Tế Hanh)

– Dùng sự song hành cú pháp (thường có kèm thêm việc lặp lại một số từ ngữ nhất định) ở một bộ phận nào đó trong câu mở đầu đoạn văn để liên kết.

Ví dụ 1:

Về phía người gửi, việc giảm lãi suất của ngân hàng đã không huy động được tiền gửi của họ, đặc biệt là các cán bộ hưu trí, những người chủ yếu tìm "đồng ra đồng vào" từ tiền gửi tiết kiệm...

Về phía ngân hàng, việc buộc phải hạ lãi suất huy động và cho vay đã gây không ít khó khăn. Việc mất khách đã làm cho một số ngân hàng phải đối phó bằng cách huy động với một mức lãi suất khá cao theo quy định của ngân hàng Nhà nước.

(Theo Thanh Hà, *Lãi suất ngân hàng cao hay thấp*, báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Ví dụ 2:

Việt Nam ! Cái tên yêu dấu ấy sẽ khắc sâu vào lòng mọi người chúng ta. Cái tên ấy là tên chung cho bao thế hệ Kinh, Thổ, Thái, Mán, Mường, Ê-đê, Xê-đăng,... ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Việt Nam ! Đó là sự biểu hiện của tình cần cù và lòng yêu nước sẽ làm cho Tổ quốc ta bất diệt, mạnh hơn lên, giàu có hơn nữa để cùng với nhân loại tiến lên xây dựng những ngày hoà bình hạnh phúc lâu dài.

(Văn Phong, *Nhân dân Việt Nam cần cù và yêu nước*)

3. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy chỉ ra cơ sở của việc tách đoạn văn trong các phần trích dẫn dưới đây:

Phần trích 1:

Vùng nuôi ong Tây Nguyên gồm các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum. Hoa nguồn mật chủ yếu là cao su, cà phê. Sản lượng mật ong vùng Tây Nguyên có tốc độ tăng trưởng 50 lần (nhanh nhất trong cả nước), đạt 700 tấn/năm 1996. Ở vùng này hiện có trên 22.000 đàn.

Vùng nuôi ong Nam Bộ bao gồm các tỉnh: Đồng Nai, Sông Bé, Lâm Đồng, Tiền Giang, Vĩnh Long. Cây nguồn mật ở vùng này chủ yếu là cao su, chôm chôm, nhãn, cà phê. Sản lượng ong mật đạt từ 2500 – 3000 tấn/năm. Quy mô mỗi trại đạt từ 50 – 300 đàn, cá biệt có trên 10 trại đạt quy mô 1000 đàn / trại.

(Báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Phần trích 2:

Xu hướng lãng mạn chủ nghĩa thể hiện trực tiếp cái tôi cá nhân được giải phóng về tình cảm cảm xúc, về trí tưởng tượng. Nó chủ yếu đề cập đến quan hệ riêng tư và số phận cá nhân, đến thiên nhiên và tình yêu. Nói chung, nó tỏ thái độ bất hoà và bất lực đối với môi trường xã hội tầm thường, giả dối, tù túng...

Xu hướng hiện thực chủ nghĩa nhìn thẳng vào hiện thực, diễn tả, phân tích, lí giải bản chất và quy luật của hiện thực xã hội qua những hình tượng điển hình. Nó thường đi vào những đề tài thế sự với thái độ phê phán trên tinh thần dân chủ và nhân đạo.

(Theo SGK Văn học 12)

Phân trích 3:

Trước đây, cây sen được khai thác chủ yếu ngoài thiên nhiên ở vùng Đồng Tháp Mười. Sen sinh sôi nảy nở hàng hàng, lớp lớp tới hàng chục hay cả trăm ha.

Ngày nay, thấy lợi ích của chúng nên người ta đã tận dụng ao, hồ vừa trồng sen, vừa thả cá tăng thêm lợi nhuận. Có thứ sen ngoại năng suất khá cao chẳng những cho hoa to đẹp mà việc lấy ngó, lấy củ cũng dễ dàng, gương sen lại nhiều hạt gần gấp đôi cây sen ta. Khắp Nam Bộ, giờ đây việc trồng sen khá phổ biến, nhiều hộ gia đình nhờ cây sen với cá nuôi trồng trong ao hồ, mỗi năm có thể thu hoạch 50–70 triệu đồng.

(Lư Phú Hội, Làm giàu nhờ cây sen, báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Bài tập 2

Những đoạn văn dưới đây được tách ra dựa trên cơ sở của sự thay đổi chủ đề. Hãy phân tích để thấy rõ điều đó.

Năng lượng nguyên tử mới chỉ được sử dụng vào mục đích hoà bình trong vài chục năm nay. Việc sử dụng năng lượng này đòi hỏi những biện pháp an toàn khắt khe. Các vụ tai nạn khủng khiếp xảy ra liên tiếp ở các nhà máy điện nguyên tử gần đây đã làm cho con người e ngại trong việc sử dụng năng lượng này. Tuy nhiên, tới nay năng lượng nguyên tử cũng đã chiếm gần 1/4 tổng năng lượng mà con người đang sử dụng.

Trái Đất nhận năng lượng bức xạ của Mặt Trời, nguồn năng lượng có thể coi như vô tận. Tuy Trái Đất mới chỉ thu chưa được đến 1/10 tỉ năng lượng của Mặt Trời phát ra, nhưng mỗi năm Trái Đất cũng nhận được từ Mặt Trời một số năng lượng lớn gấp 10 lần tổng năng lượng của tất cả các nhiên liệu dự trữ của Trái Đất. Năng lượng Mặt Trời là năng lượng sạch nhất và rẻ nhất. Người ta tiên đoán năng lượng này sẽ là năng lượng của tương lai.

Ở sâu trong lòng đất có những dải nước nóng tới 50, 70, đôi khi vượt 300 độ C. Trong một tương lai gần, người ta có thể khai thác nguồn năng lượng nhiệt địa này một cách triệt để vào việc sưởi ấm cũng như chạy các động cơ nhiệt.

(Theo SGK Vật lí, Động cơ nhiệt và vấn đề nhiên liệu)

Bài tập 3

Có người cho rằng, phân trích dẫn dưới đây được tách đoạn dựa trên cơ sở của sự thay đổi không gian. Điều đó có đúng không? Vì sao?

Ai cũng biết có rất nhiều động vật quý sống ở trong rừng. Đó là các loài chim, các loài thú. Trong rừng còn có rất nhiều thực vật quý, đó là những cây dược liệu, cây cho hoa, cây cho quả làm thức ăn nuôi sống con người. Rừng chính là ngôi nhà chung cho các

loài động thực vật cùng cư trú. Tàn phá rừng là phá đi ngôi nhà thiên nhiên nuôi dưỡng cuộc sống của các loài động thực vật này.

Tàn phá rừng cũng là làm mất đi nguồn cung cấp dưỡng khí cho sự sống. Người ta vẫn ví rừng như một "lá phổi xanh" của Thượng đế ban cho con người. Hằng ngày, lá phổi này đã không ngừng làm việc để thanh lọc những luồng khí độc hại từ ống khói của các nhà máy thải ra, để cung cấp cho con người nguồn dưỡng khí trong lành. Tàn phá rừng chính là tự cắt đi lá phổi thiên nhiên quý giá của mình mà không hề hay biết.

(Theo SGK Làm văn)

Bài tập 4

Những đoạn văn dưới đây được tách ra dựa trên cơ sở của sự thay đổi thời gian. Hãy phân tích để thấy rõ điều đó.

Sau khi rời không quân về hưu năm 1981, ông cùng gia đình di chuyển về Tam-pa. Nơi đây, ông bắt đầu cuộc sống mới. Song một bi kịch giáng xuống gia đình ông năm 1983, con trai ông đã qua đời do một tai nạn xe hơi.

Sau cú sốc đó, gia đình ông trở lại sống ở Ma-rin-na, nơi quê hương của bà Các-lốt-ta, và năm 1985 ông đã trở thành Giám đốc Trung tâm Giáo dục trẻ em hư hỏng ở tuổi vị thành niên...

Năm 1990, Pi-tơ-son tham gia vào quốc hội Mỹ với tư cách là một thành viên của Đảng Dân chủ Hoa Kỳ. Song năm 1995, Các-lốt-ta, vợ ông qua đời vì bệnh ung thư vú và Pi-tơ-son dường như chán chường với tất cả những công việc của mình về chính trị tại Oa-sinh-ton và quyết định rời bỏ tất cả...

(Vũ Kim Thư, *Đôi nét về đại sứ Mỹ đầu tiên tại Việt Nam*, báo *Tiền phong thứ bảy*)

Bài tập 5

Phần trích dẫn dưới đây có phải được tách đoạn dựa trên cơ sở của sự thay đổi không gian không? Vì sao?

Từ trên trời nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như một mô hình triển lãm. Cũng như mô hình triển lãm, tất cả ruộng đồng, làng xóm, núi non. Những ô ruộng, những gò đống, bờ bãi với những mảng màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc. Núi Thầy rồi núi Ba Vì, sông Đà, dãy núi Hoà Bình,... triển miên một dải miền Tây ẩn hiện dưới làn mây, lúc dày lúc mỏng.

Đây rồi thung lũng lòng chảo Điện Biên. Từ trên trời nhìn xuống thấy rõ một vùng đồng bằng ở miền núi. Đồng bằng ở giữa, núi bao quanh. Giữa đồng bằng xanh ngắt lúa xuân, con sông Nậm Rốm trắng sáng có khúc ngoằn ngoèo, có khúc trườn dài. Chắc có con rồng ấy nằm giữa phun nước thì lúa mới xanh như thế.

(Trần Lê Văn)

Bài tập 6

Hãy phân tích cơ sở tách đoạn được dùng trong văn bản dưới đây:

NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, vì thế vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học. Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. Cuối cùng ông trả lại mũ áo cho triều đình, từ quan về làng.

Học trò của ông, từ người làm quan to tới những người bình thường khi có dịp thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.

Khi ông mất, mọi người đều thương tiếc. Ông được thờ tại Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long.

(Theo Phan Huy Chú)

Bài tập 7

Hãy tách phần trích dưới đây thành những đoạn văn, sau đó phân tích cơ sở đã được sử dụng để tách đoạn.

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh bướm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đố. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh bướm duyên dáng như ánh sáng chiếu đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh ve màu mảnh chai. Núi xa pha tím hồng. Những con sóng nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào.

(Theo Vũ Tú Nam)

Bài tập 8

Hãy chỉ ra những phương tiện dùng để liên kết các đoạn văn trong các phần trích dưới đây:

Phần trích 1:

Một năm đã qua.

Thế rồi một hôm, Hoài Văn đang luyện tập với sáu trăm gã hào kiệt thì có tin đồn thái tử nhà Nguyên là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, thống lĩnh năm mươi vạn binh mã, đã xâm phạm vào cửa ải. Quan quân đã giao chiến với giặc.

(Nguyễn Huy Tưởng,
Lá cờ thêu sáu chữ vàng)

Phần trích 2:

Thứ nhất, đó là chức năng thông tin. Quảng cáo là một loại thông tin thị trường nhằm đưa tin tức về hàng hoá. Một nhà kinh tế đã nói: "Làm kinh doanh mà không quảng cáo khác nào nháy mắt với một bạn gái trong bóng tối, chỉ có mình bạn biết bạn làm gì". Tuy nhiên, thông tin quảng cáo không thể thay thế được thông tin thị trường do tính cục bộ,

chủ quan của quảng cáo. Nếu mọi người tiêu dùng đều tin tưởng ở quảng cáo thì khác nào đổ thóc giống ra mà ăn.

Chức năng thứ hai của quảng cáo là chức năng tạo sự chú ý. Quá trình diễn biến tâm lí, của khách hàng thường trải qua các giai đoạn chú ý, thích, quyết định mua, hành động mua. Bằng ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc,... quảng cáo sẽ tác động chính vào điểm khởi đầu của chuỗi tâm lí khách hàng, khai thông những bế tắc trong chuỗi.

(Nguyễn Hải Đạt,
Nghệ thuật quảng cáo hiện đại)

Phần trích 3:

Là nhà thơ, tôi muốn nói anh có một tâm hồn, một trái tim chân chính. Anh thành thật yêu thương cũng như căm thù. Anh luôn luôn đứng ở hàng đầu của cuộc đấu tranh: đấu tranh với địch cũng như đấu tranh về tư tưởng.

Là nghệ sĩ, tôi muốn nói Xuân Diệu đặt rất cao sự lao động nghệ thuật. Tôi đã nói: Xuân Diệu là nhà thơ dôi dào. Tôi thêm: Xuân Diệu là một nhà thơ luôn luôn tìm tòi. Anh không yên ổn và không để chúng ta yên ổn.

(Theo Tế Hanh)

Bài tập 9

Hãy điền vào chỗ trống các từ ngữ hoặc câu văn thích hợp để liên kết các phần của văn bản với nhau.

a) Ở trên chúng ta đã nói đến tình yêu quê hương làng xóm trong ca dao..... Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ chiếm số lượng lớn. Đó là những bài về nỗi nhớ nhưng khi xa cách, nỗi lo lắng khi muốn bảo vệ tình yêu chung thủy, những đau thương khi xảy ra cản trở làm cho ước nguyện không thành, rồi đến khi có chồng cũng xảy ra biết bao buồn tủi chỉ vì những kỉ cương phong kiến [...].

b) Dưới đây chúng ta sẽ xem xét kĩ hơn về cái bọn người có quyền, có thế khác trong xã hội. Đó là một lũ sai nha, bọn Ưng, bọn Khuyển. Đó là bọn người có quyền, có thế bởi có đồng tiền. Chúng đục khoét, tàn phá xã hội. Chúng làm cho bao người con gái có tài có sắc như Kiều rơi vào vòng tủi nhục.

Bài tập 10

Viết một văn bản ngắn (gồm khoảng từ 4 đến 5 đoạn văn) với nội dung tự chọn, sau đó hãy:

- Phân tích cơ sở tách đoạn đã được sử dụng.
- Chỉ ra các phương tiện liên kết đoạn văn đã được dùng.

V. LUYỆN RÚT GỌN VÀ MỞ RỘNG ĐOẠN VĂN

1. Luyện rút gọn đoạn văn

Rút gọn đoạn văn được hiểu là sự rút bớt dung lượng (số lượng từ ngữ, câu) làm cho đoạn văn ngắn lại nhưng vẫn giữ được những nội dung cơ bản. Việc rút gọn (và cả việc mở rộng đoạn văn) có thể được tiến hành theo ba cách chủ yếu sau:

– *Rút gọn thành phần câu:*

Theo cách này, mỗi lần rút gọn ta lược bớt đi *một thành phần câu* (các từ ngữ), theo đó đoạn văn sẽ ngắn dần lại.

– *Rút gọn câu:*

Theo cách này, mỗi lần rút gọn ta lược bớt đi *một câu*, theo đó đoạn văn sẽ ngắn dần lại.

– *Nén câu:*

Theo cách này, việc rút gọn câu được thực hiện bằng cách tóm tắt tất cả các câu của đoạn văn lại thành một câu. Việc rút gọn đoạn văn bằng cách nén câu thường chỉ được thực hiện đối với các đoạn văn không có câu chủ đề.

Trong phần này, chúng ta chủ yếu tập trung rèn luyện việc rút gọn đoạn văn (và theo đó là cả việc mở rộng đoạn văn) bằng cách mỗi lần lược bớt đi (hoặc thêm vào) ít nhất một câu.

a) Rút gọn đoạn văn có câu chủ đề

Trong đoạn văn có câu chủ đề, chúng ta đều thấy câu chủ đề là câu chứa những thông tin quan trọng, chủ yếu nhất của đoạn văn. Vì vậy, để tiến hành rút gọn đoạn văn, ta có thể thực hiện lần lượt các bước như sau:

– Xác định câu chủ đề của đoạn văn.

– Phân tích các bậc ý trong đoạn văn. Bậc ý được xác định như sau:

+ Câu chủ đề là câu gốc làm nhiệm vụ định hướng là **câu bậc 0**.

+ Câu trực tiếp làm sáng rõ nghĩa cho câu chủ đề là **câu bậc 1**.

+ Câu trực tiếp làm sáng rõ nghĩa cho câu bậc 1 là **câu bậc 2**.

+ Câu trực tiếp làm sáng rõ nghĩa cho câu bậc 2 là **câu bậc 3**.

+

Như vậy trong đoạn văn, nội dung chứa đựng trong câu bậc 0 bao trùm lên nội dung của câu bậc 1; nội dung chứa đựng trong câu bậc 1 lại bao trùm lên nội dung của câu bậc 2; nội dung chứa đựng trong câu bậc 2 lại bao trùm lên nội dung của câu bậc 3,... Câu có bậc càng lớn thì ý càng nhỏ.

– Tiến hành rút gọn đoạn văn. Việc lược bớt đi bao nhiêu câu khi tiến hành rút gọn tùy thuộc vào cách tổ chức các bậc ý trong đoạn văn, tùy thuộc vào số lượng câu trong đoạn và tùy thuộc vào chủ định của người thực hiện. Khi rút gọn, ta cần lược bớt các câu từ câu bậc cao tới câu bậc thấp. Nếu khi rút gọn, đoạn văn:

+ Còn lại câu bậc 0 thì đó là **rút gọn tối giản**.

+ Còn lại câu bậc 1 (và câu bậc 0) thì đó là **rút gọn bậc 1**.

+ Còn lại câu bậc 2 (câu bậc 0 và câu bậc 1) thì đó là **rút gọn bậc 2**.

+

Ví dụ: Xét đoạn văn sau:

(1) Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều. (2) Chú thích đánh đáo, đánh cờ. (3) Chú thích lên núi Chung. (4) Trên đó có những chỗ đất bằng đánh cờ rất tiện. (5) Lại có lúc chú thả thơ một mình trước cửa đền Thánh Cả. (6) Đứng đó nhìn ra xung quanh rất đẹp. (7) Lại có những lúc mấy anh em kéo nhau đi chơi thật xa. (8) Đi lên Rú Mượu.

(9) *Đi qua đền Độc Lôi.* (10) *Đi đến tận Rú Thành.* (11) Nơi này cách làng vài chục cây số.

(Theo Hoài Thanh – Thanh Tịnh)

Ta thấy:

– Trong đoạn văn này, câu (1) là câu chủ đề, nêu ý chính, định hướng nội dung cho toàn bộ đoạn văn. Câu (1) là câu bậc 0.

– Các câu còn lại thuộc các bậc ý như sau:

+ Các câu 2, 3, 5, 7 trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu chủ đề nên thuộc về câu bậc 1.

+ Các câu 4 (trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu 3), câu 6 (trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu 5), câu 8, 9, 10 (trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu 7) là câu bậc 2.

+ Câu 11 trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu bậc 2 (câu 10) nên là câu bậc 3.

– Kết quả rút gọn như sau:

+ Rút gọn tối giản (đoạn văn chỉ còn câu chủ đề):

Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều.

+ Rút gọn bậc 1 (đoạn văn còn lại các câu: 1, 2, 3, 5, 7):

(1) *Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều.* (2) *Chú thích đánh đáo, đánh cờ.*
(3) *Chú thích lên núi Chung.* (5) *Lại có lúc chú thẩn thơ một mình trước cửa đền Thánh Cả.* (7) *Lại có những lúc mấy anh em kéo nhau đi chơi thật xa.*

+ Rút gọn bậc 2 (đoạn văn còn lại các câu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10):

(1) *Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều.* (2) *Chú thích đánh đáo, đánh cờ.*
(3) *Chú thích lên núi Chung.* (4) *Trên đó có những chỗ đánh cờ rất tiện.* (5) *Lại có lúc chú thẩn thơ một mình trước cửa đền Thánh Cả.* (6) *Đứng đó nhìn ra xung quanh rất đẹp.* (7) *Lại có những lúc mấy anh em kéo nhau đi chơi thật xa.* (8) *Đi lên Rú Mượu.*
(9) *Đi qua đền Độc Lôi.* (10) *Đi đến tận Rú Thành.*

Cách rút gọn các đoạn văn khác có câu chủ đề cũng sẽ được tiến hành theo cách tương tự như trên.

b) Rút gọn đoạn văn không có câu chủ đề

Cách rút gọn đoạn văn không có câu chủ đề được tiến hành theo trình tự sau:

– Phân tích các bậc ý trong đoạn văn. Cách phân tích tương tự như việc phân tích bậc ý trong đoạn văn có câu chủ đề đã nói ở trên.

Lưu ý:

Đoạn văn không có câu chủ đề vì thế sẽ không có câu bậc 0.

– Tiến hành rút gọn đoạn văn từ câu bậc cao tới câu bậc thấp.

– Nếu muốn rút gọn tối giản, ta cần thực hiện việc nén câu.

Ví dụ: Xét đoạn văn sau:

(1) *Gà vịt là những vật nuôi nhanh và chóng lớn.* (2) *Vì thế, nhân dân ta nhà nào thường cũng nuôi gà vịt.* (3) *Có nhà nuôi dăm mười con.* (4) *Có những nhà nuôi hàng trăm con.* (5) *Có những hợp tác xã nuôi hàng nghìn con.*

(Theo Khoa học thường thức)

Trong đoạn văn này, câu (1) và câu (2) có quan hệ nhân quả với nhau. Đó là những câu bậc 1. Câu (3), câu (4) và câu (5) là những câu có quan hệ ngang bằng (song hành) với nhau và cùng làm rõ thêm nghĩa cho câu (2), vì thế đó là những câu bậc 2.

Bởi vậy, kết quả rút gọn đoạn văn này có thể như sau:

– Rút gọn tối giản (nén các câu lại thành một câu):

Gà vịt chóng lớn, để nuôi nên gia đình nào cũng thường nuôi dăm mười con.

– Rút gọn bậc 1:

(1) Gà vịt là những vật nuôi nhanh và chóng lớn. (2) Vì thế, nhân dân ta nhà nào thường cũng nuôi gà vịt.

2. Luyện mở rộng đoạn văn

Mở rộng đoạn văn được hiểu là thêm vào đoạn văn một số lượng câu nhất định để làm tăng dung lượng, tăng độ dài của đoạn văn. Như đã nói ở phần trên, mỗi lần thêm vào đó, ít nhất ta thêm vào cho đoạn văn một câu (chứ không phải là một ngữ, một thành phần câu). Việc mở rộng đoạn văn được tiến hành theo trình tự sau:

– Phân tích các bậc ý trong đoạn văn.

Việc phân tích các bậc ý được tiến hành tương tự như khi rút gọn đoạn văn.

– Tiến hành mở rộng đoạn văn (dựa vào kết quả phân tích các bậc ý). Việc mở rộng này có thể thực hiện như sau:

+ Đối với đoạn có câu chủ đề, ta có thể thêm vào cho đoạn câu bậc 1, câu bậc 2 hoặc câu bậc 3,...

+ Đối với đoạn không có câu chủ đề, ta có thể thêm câu vào cho mọi bậc khác nhau của đoạn văn nếu xét thấy cần thiết.

Như vậy, việc mở rộng đoạn văn có thể tiến hành theo hàng ngang hay hàng dọc. Mở rộng theo hàng ngang là mở rộng đồng loạt các câu cùng bậc ý trong đoạn. Việc mở rộng này giúp cho đoạn văn trở nên *phong phú* hơn, *đầy đủ* hơn về nội dung. Còn việc mở rộng đoạn văn theo hàng dọc là mở rộng liên tiếp các câu từ bậc ý lớn cho tới những câu thuộc bậc ý nhỏ hơn (câu bậc 1 được mở rộng tới câu bậc 2, rồi câu bậc 2 lại được mở rộng tiếp tới câu bậc 3,...). Việc mở rộng theo hàng dọc giúp cho nội dung đoạn văn trở nên *sâu sắc* hơn.

Ví dụ: Xét đoạn văn sau:

Chí Phèo là một thằng cùn hơn cả thằng cùn. Hắn không cha, không mẹ. Hắn không người thân thích, họ hàng. Hắn không nhà, không cửa, không tác đất cắm dùi.

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

Mở rộng:

– Theo hàng ngang

Đây là đoạn văn có câu chủ đề. Các câu còn lại trong đoạn có quan hệ song hành với nhau và đều là câu bậc 1 nên việc mở rộng theo hàng ngang trong đoạn văn này là thêm một câu (hoặc một số câu) bậc 1 khác vào số những câu bậc 1 đã có. Theo cách này ta có thể mở rộng để thu được đoạn văn như sau:

*Chí Phèo là một thằng cùn hơn cả thằng cùn. Hắn không cha, không mẹ. Hắn không người thân thích, họ hàng. Hắn không nhà, không cửa, không tác đất cắm dùi. **Hắn triền***

miền trong con say. Cả đời, hẳn chẳng bao giờ dám ước mơ được chung sống với một người con gái.

– Theo hàng dọc

Đoạn văn trên, mở rộng theo hàng dọc, ta có thể thêm vào một câu bậc 2, rồi sau đó thêm tiếp vào một câu bậc 3 và ta có thể thu được đoạn văn mở rộng như sau:

*Chí Phèo là một thằng cùng hơn cả thằng cùng. Hẳn không cha, không mẹ. **Cha mẹ hẳn đã quẳng hẳn vào cái lò gạch cũ cuối làng. Nơi đây đã lâu lắm chẳng có ai bước chân tới. Hẳn không người thân thích, họ hàng. Hẳn không nhà, không cửa, không tác đất cắm dùi.***

Trong đoạn văn này, câu 3 mở rộng thêm nghĩa cho câu 2, câu 4 mở rộng thêm nghĩa cho câu 3, vì thế đoạn văn này đã được mở rộng theo hàng dọc.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Trong đoạn văn dưới đây, nếu được rút gọn ba câu, có thể lược bỏ câu nào? Vì sao?

(1) Những con ngan nhỏ mới nở được ba hôm thật là xinh xắn. (2) Chúng có bộ lông vàng óng. (3) Một màu vàng đáng yêu như màu của những con tơ non mới guồng. (4) Nhưng đẹp nhất vẫn là đôi mắt. (5) Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền. (6) Những hạt cườm lúc nào cũng lóng lánh đưa đi đưa lại như có nước.

(Theo Tô Hoài)

Bài tập 2

Hãy rút gọn tới bậc 1 đoạn văn dưới đây:

(1) Phan Bội Châu rất tích cực tham gia các hoạt động yêu nước. (2) Ông vào Huế vận động giới quan trường, nhất là giới sĩ phu như Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh,... (3) Năm 1902, ông ra Bắc liên lạc với Hoàng Hoa Thám. (4) Sau đó, ông viết bản "Lưu cầu huyết lệ tâm thư". (5) Bức thư nhằm kêu gọi lòng yêu nước của các nhân sĩ trong nước. (6) Lời lẽ của bức thư đã làm cho nhiều nhân sĩ bừng tỉnh.

(Theo SGK Lịch sử)

Bài tập 3

Hãy rút gọn đoạn văn sau đây theo hai cách:

– Lược bỏ những câu bậc cao tới bậc thấp.

– Nén câu.

(1) Hồ Chủ tịch đã qua đời. (2) Nhưng Người đã để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý giá. (3) Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. (4) Đó là kỉ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỉ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

(Điều văn của BCH TƯ
Đảng Lao động Việt Nam)

Bài tập 4

Hãy rút gọn đoạn văn dưới đây tới mức tối giản.

(1) Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. (2) Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. (3) Ngay Kiều nữa, cái việc đại dột nhất, tội lỗi nhất trong suốt đời nàng, cái việc nghe lời Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, một phần cũng bởi xiêu lòng vì ngọc vàng của Hồ Tôn Hiến.

(Hoài Thanh)

Bài tập 5

Hãy rút gọn đoạn văn dưới đây theo những cách có thể được.

(1) Có thể nói rằng nhất cử, nhất động của Từ đều vượt khuôn khổ thường tình. (2) Khi Từ ra đi, hình ảnh của Từ là cánh chim hồng lướt gió tung mây, không phải là lớp bụi hồng cuốn vó chinh an họ Thúc. (3) Khi Từ giận dỗi, đó là sấm sét đùng đùng nổi dậy, không phải là lời quát tháo ồn ào của viên tri phủ lập nghiêm. (4) Đến khi già từ cuộc sống, Từ lại không chịu nằm dài trên đất như kiểu thế nhân mà trông thẳng đứng thành một trụ đá cột đồng không ai lay chuyển.

(Vũ Hạnh)

Bài tập 6

Hãy mở rộng đoạn văn dưới đây bằng cách thêm vào chỗ trống một câu cần thiết bổ sung thêm nghĩa cho câu đứng ngay trước đó:

Mẹ con Cám quyết tâm giết Tấm. Nhưng Tấm đã không chết.

.....
..... Bởi vì
Tấm là tượng trưng cho cái thiện, cho chính nghĩa, cho nhân dân.

Bài tập 7

Bằng kiến thức đã học về mở rộng đoạn văn, hãy hoàn thiện đoạn văn sau:

Nội dung của truyện cổ dân gian rất phong phú. Truyện phản ánh cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên đầy khó khăn gian khổ của những người lao động trước đây.....

..... Truyện đã đề cao bản chất tốt đẹp của những người dân lương thiện, quanh năm chỉ biết mảnh vườn, thửa ruộng.....

..... Truyện cũng đã tố cáo bản chất xấu xa của giai cấp bóc lột tham lam, độc ác, kiêu ngạo, ngu dốt.

Bài tập 8

Hãy mở rộng đoạn văn dưới đây sao cho trong đoạn văn có câu bậc 2.

Các bài thơ của Bác, đẹp ở chữ, ở lời, ở câu, ở bố cục cân đối, hài hoà. Đẹp ở hình tượng, phong cảnh, đẹp ở cảm xúc, âm thanh, màu sắc, nhạc điệu, hình khối. Đẹp vì tứ cao, ý sâu. Đẹp vì giản dị, lộng lẫy, hùng vĩ, cao cả, hài hoà.

Bài tập 9

Từ câu "Đồng lúa xã Mễ Trì đẹp như một bức tranh.", hãy viết thành đoạn văn trong đó có câu chứa câu bậc 2.

Bài tập 10

Hãy viết một đoạn văn với nội dung tự chọn rồi sau đó:

- Mở rộng đoạn văn này tới câu bậc 2.
- Rút gọn đoạn văn này tới mức tối giản.

VI. LUYỆN CHỮA LỖI VỀ ĐOẠN VĂN

1. Chữa lỗi về nội dung

a) Lạc ý

Đây là một trong những lỗi hay gặp nhất trong các đoạn văn có câu chủ đề nêu lên một ý nào đó nhưng khi triển khai, các câu đứng ở phần sau lại phân tán, không tập trung làm rõ ý đó hoặc đang triển khai ý đó lại đột ngột chuyển sang trình bày ý khác.

Ví dụ:

Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn tất cả. Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau chung sống, yêu nơi chôn nhau cắt rốn. Họ yêu người làng, người nước, yêu từ cảnh ruộng đồng đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu đó nồng nhiệt, đậm thắm và sâu sắc.

Đoạn văn này có câu chủ đề nêu nội dung sẽ triển khai là *những bài về tình yêu nam nữ*, nhưng các câu sau lại không nói tới tình yêu đó mà lại nói tới những tình cảm hoàn toàn khác. Đoạn văn đã mắc lỗi lạc đề tài và chủ đề.

Để chữa lỗi này, cần phải loại bỏ những câu không đi đúng vào đề tài và chủ đề đã định và viết lại các câu khác sao cho nội dung tập trung thể hiện đề tài và chủ đề một cách chặt chẽ hơn.

b) Thiếu ý

Thiếu ý là lỗi thường gặp trong các đoạn văn có câu chủ đề nêu nhiều ý nhưng khi triển khai đoạn, các ý đó lại không được trình bày đầy đủ. Ở đây các câu đứng sau câu chủ đề chưa lấp đầy ý cho câu chủ đề, chưa ngang bằng ý với câu chủ đề.

Ví dụ:

Cư dân Văn Lang rất ưa ca hát và nhảy múa. Họ hát trong những đêm trăng hoặc ngày hội. Họ còn hát trong lúc chèo thuyền, săn bắn. Những nhạc cụ đệm cho những điệu hát thường là trống đồng, khèn, sáo, công,...

Đoạn văn nêu lên hai nội dung: ca hát và nhảy múa. Nhưng khi triển khai, đoạn văn này mới chỉ đề cập đến nội dung ca hát, còn nội dung nhảy múa chưa được nói tới. Đoạn văn này đã mắc lỗi triển khai thiếu hụt đề tài và chủ đề.

Để chữa lỗi này, cần phải viết thêm một số câu khác nữa, bổ sung cho ý nêu trong câu chủ đề còn thiếu hụt chưa được triển khai đầy đủ.

c) Loãng ý

Đây là loại lỗi thường gặp trong những đoạn văn có chứa quá nhiều câu bậc 2 hoặc câu bậc 3. Sự lấn át về mặt số lượng của những loại câu này sẽ làm cho nội dung bị dàn trải, phân tán và vì thế gây nên tình trạng loãng ý.

Ví dụ:

Bên cạnh con cò, con trâu được nói tới nhiều hơn cả trong ca dao, dân ca Việt Nam. Con trâu không mấy lúc thành thơ, cho nên khi nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn của mình, người nông dân thường nghĩ đến con trâu. Con cò tuy có vất vả, tuy phải lặn lội bờ sông nhưng còn có lúc được bay lên trời xanh. Con cò, con vạc, con nông là những con vật rất gần gũi với người lao động. Chúng mang những đức tính cần cù, chịu khó của người nông dân chân lấm tay bùn. Những lúc cần bọc bọch nỗi niềm, người nông dân thường đem những con vật đó ra để tâm sự.

Trong đoạn văn này, câu mở đầu cho ta biết đoạn văn sẽ trình bày về con trâu trong ca dao, dân ca Việt Nam. Nhưng trong khi triển khai, đoạn văn lại nói nhiều tới con cò, con vạc... Chính điều này đã làm cho đoạn văn bị loãng đề tài và chủ đề.

Để chữa loại lỗi này, cần mạnh dạn lược bỏ các câu bậc 2, bậc 3 và thêm vào đoạn văn những câu bậc 1, trực tiếp phục vụ cho đề tài và chủ đề.

d) Lặp ý

Đây là hiện tượng một đoạn văn có chứa nhiều câu trùng ý nhau, câu sau lặp lại nội dung đã có trong câu trước. Các câu trong đoạn lặp lại nhau càng nhiều thì nội dung trong đoạn càng nghèo nàn.

Ví dụ: *Mọi vật trong bài thơ **Mùa thu câu cá** của Nguyễn Khuyến đều buồn. **Mùa thu câu cá** là một bài thơ buồn. Cảnh vật đều phẳng phất nỗi buồn man mác. Nỗi buồn như thấm cả vào mọi vật. Cảnh vật nào dường như cũng chứa nỗi buồn riêng.*

Đọc đoạn văn, chúng ta đều thấy các ý bị lặp lại, nội dung không có sự phát triển và vì vậy ý trong đoạn trở nên luẩn quẩn. Đoạn văn đã mắc lỗi lặp đề tài và chủ đề.

Để sửa lỗi này, cần loại bỏ những câu lặp, ý lặp.

e) Mâu thuẫn ý

Trong đoạn văn, nếu ý câu trên trái ngược ý câu dưới, phủ nhận ý câu dưới; còn ý câu dưới lại bác bỏ ý câu trên, không phù hợp với ý câu trên ta nói đoạn văn bị mâu thuẫn ý.

Ví dụ:

Đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong cảnh màn đêm buông xuống. Sóng biển cài then, đêm sập cửa, vũ trụ đi vào yên tĩnh, vắng lặng. Bốn bề không còn một tiếng động. Lá cờ nhỏ trên đỉnh cột buồm bay phấp phật trước gió. Những đường chỉ viền óng ánh như sáng rực trong đêm. Tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền rì rầm nghe như bản nhạc vô tận của biển cả ngân nga muôn lời tâm sự. Những khuôn mặt rám nắng, những cánh tay gân guốc, bắp thịt nổi cuộn cuộn khẩn trương chuẩn bị nhổ neo lên đường.

Trong đoạn văn này, hai câu đầu đã xác định rõ thời gian, không gian và cảnh vật làm nền cho việc miêu tả: "màn đêm buông xuống", "đêm sập cửa", "yên tĩnh, vắng lặng", vì

vậy không thể có được những chi tiết miêu tả như: *cờ bay phấp phật, như bản nhạc vô tận và cũng không thể nhìn rõ được những khuôn mặt r ám nắng, những cánh tay gân guốc, bắp thịt nổi cuộn cuộn*. Viết như vậy là mâu thuẫn.

Để sửa lỗi này, cần đảm bảo tôn trọng hiện thực khách quan, đảm bảo trình bày đối tượng theo đúng những quy luật của tư duy.

g) Đứt mạch ý

Đoạn văn đứt mạch ý là đoạn văn không tạo thành một chuỗi liên tục ý, giữa các câu có sự gián đoạn hoặc nhảy cóc về ý, khiến cho mối quan hệ giữa các câu trở nên không rõ ràng.

Ví dụ: *Lòng thương người của Nguyễn Du bao trùm lên toàn bộ **Truyện Kiều**. Đoạn trích nào trong sách giáo khoa ông cũng thương xót Kiều. Bởi vì Kiều là người chịu biết bao nỗi đắng cay của cuộc đời.*

Trong đoạn văn này, giữa câu thứ nhất và câu thứ hai, giữa câu thứ hai và câu thứ ba đã bị đứt mạch ý. Vì sự đứt mạch ý này nên nội dung đoạn văn trở nên khó hiểu hoặc không thể hiểu được.

Để sửa loại lỗi này, cần xác định rõ mối quan hệ giữa các câu, rồi dựa vào mối quan hệ đó mà thêm các từ ngữ chuyển tiếp hoặc câu chuyển tiếp sao cho phù hợp.

2. Chữa lỗi về hình thức

a) Tách đoạn không phù hợp

Việc tách đoạn không phù hợp thể hiện ở hai điểm:

– Dung lượng quá lớn, chất chứa nhiều ý vượt quá sức tải của một đoạn văn hoặc dung lượng quá nhỏ, ý trong đoạn văn trở nên vụn vặt, rời rạc.

– Cơ sở phân chia đoạn văn không phù hợp hoặc thiếu nhất quán.

Ví dụ:

Nhiệt tình yêu nước của Trần Quốc Tuấn được thể hiện rõ ràng và mạnh mẽ ở thái độ phê phán nghiêm khắc của ông đối với sai lầm của các tướng sĩ dưới quyền. Trước hết, ông chỉ trích mạnh mẽ thái độ bạc tình, bạc nghĩa của tướng sĩ đối với chủ soái.

Ông phê phán thái độ bàng quan, vô trách nhiệm đối với Tổ quốc của họ.

Và kịch liệt hơn nữa khi ông phê phán thái độ thiếu tự tôn, tự trọng của tướng sĩ trước những thói ngạo mạn của kẻ thù.

Tiếp đó, ông đã thẳng thắn vạch trần mọi thói ăn chơi hưởng lạc, tầm thường, thậm chí thấp hèn của tướng sĩ trước cảnh Tổ quốc lâm nguy. Những lời lẽ của ông thật quyết liệt, mạnh mẽ.

Phần văn bản dẫn ra trên đây đã tách đoạn một cách lộn xộn, thiếu cơ sở phân chia nhất quán. Để chữa loại lỗi này, cần xác định rõ cơ sở tách đoạn và đảm bảo một cơ sở tách đoạn thống nhất trong toàn văn bản.

b) Phương tiện liên kết không phù hợp

Lỗi sử dụng không phù hợp các phương tiện liên kết thể hiện cụ thể ở một số điểm sau đây:

– Dùng không chính xác phương tiện liên kết khiến cho mối quan hệ giữa các câu trong đoạn không phù hợp với nhau, không ăn nhập ý với nhau.

– Dùng thiếu các phương tiện liên kết làm cho mối quan hệ giữa các câu trong đoạn trở nên không rõ ràng khiến cho nội dung đoạn văn trở nên mơ hồ, thiếu chặt chẽ.

Ví dụ:

Năm mười chín, chị đẻ đứa con trai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong hai năm rồi chết. Chị làm quần quật suốt ngày phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. Có những ngày ngán ngủi, con bệnh lui đi, chồng chị yêu thương chị như một người phát cuồng.

Trong đoạn văn này, giữa câu thứ nhất và câu thứ hai đã dùng thiếu phương tiện liên kết nên nội dung giữa hai câu này mâu thuẫn với nhau. Để sửa lỗi này, ta cần thêm phương tiện liên kết vào để các ý trong đoạn văn vừa liên mạch vừa không mâu thuẫn với nhau.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Đoạn văn dưới đây mắc lỗi triển khai thiếu hụt đề tài và chủ đề. Hãy phân tích và chữa lại cho phù hợp với câu chủ đề.

Nước ta có nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh. Ở Hà Nội có lăng Bác Hồ, có chùa Một Cột. Ở Huế có lăng tẩm của các vua chúa nhà Nguyễn. Ở Tây Nguyên có hồ Tơ Nưng. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có bến cảng Nhà Rồng, nơi Bác Hồ rời nước nhà ra đi tìm đường cứu nước.

Bài tập 2

Đoạn văn dưới đây mắc lỗi gì trong việc triển khai đề tài và chủ đề? Hãy chữa lại cho đúng.

Thuở nhỏ, Lê Quý Đôn là một đứa trẻ thông minh nhưng ngỗ ngược. Ngay khi đi học, Lê Quý Đôn đã có ý thức tìm tòi, nghiên cứu, phê phán những điểm phản khoa học thường được tôn sùng thời bấy giờ. Ông thường tham gia bình văn cùng những người lớn tuổi. Không ai dám coi thường "chú học trò nhãi ranh" học nhiều, biết rộng ấy.

Bài tập 3

Đoạn văn dưới đây có mắc lỗi trong việc triển khai đề tài và chủ đề không? Nếu sai, hãy chữa lại cho đúng.

Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt thời nào cũng có. Hai Bà Trưng phát ngọn cờ hồng khởi nghĩa đánh tan quân thái thú Tô Định, buộc hần phải trốn vào đám loạn quân rút chạy về nước. Đất nước sau hơn hai thế kỉ bị phong kiến nước ngoài đô hộ đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Bài tập 4

Hãy xác định lỗi trong đoạn văn dưới đây và chữa lại cho đúng.

Nếu Thuý Vân có một vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang thì Thuý Kiều lại mang một vẻ đẹp mặn mà, sắc sảo. Thuý Vân rất mực kiêu diễm, trang trọng. Gương mặt đầy đặn, phúc hậu, đẹp như trăng tròn với hàng lông mày xinh như "mày ngài". Vân có nụ cười tươi như

hoa, tiếng nói trong như ngọc và làn tóc đẹp hơn mây, nước da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp của người thiếu nữ đang độ trăng tròn, thanh tao, trong sáng. Nhưng nếu Vân chỉ có nét đẹp về hình thể thì Kiều lại đẹp cả tài lẫn sắc. Kiều đẹp đến nỗi hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn và "cầm, kì, thi, hoạ" ở mặt nào Kiều cũng hơn người.

Bài tập 5

Đoạn văn dưới đây chưa đảm bảo được tính lôgic. Hãy phân tích và chữa lại cho đúng.

Trong rừng có một con chim lạ, lông và cánh trắng toát. Chúng chuyển từ cây nọ sang cây kia, khó mà có thể bắt được. Vào mùa rét, chúng di chuyển đến những nơi có nắng; còn vào mùa hè, chúng lại từ đâu bay về rất nhiều. Ở bất kì chỗ nào ta cũng có thể thấy chúng. Nhiều người đã đặt bẫy và bắt được không biết bao nhiêu mà kể.

Bài tập 6

Đoạn văn dưới đây có bị mắc lỗi trong việc sử dụng các phương tiện liên kết không? Nếu có, hãy chữa lại cho phù hợp.

Sơn Tinh và Thủy Tinh đều có sức mạnh ghê gớm. Người thứ nhất có tài vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Còn Sơn Tinh thì lại có tài khác: gọi gió, gió đến; gọi mưa, mưa về. Cả hai đều có sức mạnh ghê người và đều tỏ ra quyết liệt trong cuộc giao tranh sòng mái. Thủy Tinh hô mưa gọi gió làm giông bão rung cả đất trời. Sơn Tinh bốt từng quả đồi, từng dãy núi, dựng bực thành cao chặn đứng dòng nước. Trận chiến diễn ra càng ngày càng dữ dội. Nhưng cuối cùng phần thắng thuộc về Sơn Tinh vì Sơn Tinh có tài nghệ không thua kém gì Thủy Tinh.

Bài tập 7

Hãy xác định lỗi trong đoạn văn dưới đây và chữa lại cho phù hợp.

Thúy Kiều và Thúy Vân đều là con gái ông bà Vương Viên Ngoại. Nàng là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, sống hoà thuận, hạnh phúc với cha mẹ. Họ sống êm ấm dưới một mái nhà, cùng có những nét xinh đẹp tuyệt vời. Vẻ đẹp của Kiều, hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn. Còn Vân lại có nét đẹp đoan trang, thùy mị. Còn về tài thì nàng hơn hẳn Thúy Vân. Thế nhưng nàng đâu có được hưởng hạnh phúc.

Bài tập 8

Hãy chữa lỗi tách đoạn cho phân tích dẫn dưới đây:

*Bài thơ **Đồng chí** của Chính Hữu ra đời cách đây hơn ba mươi năm rồi. Thế mà lần nào đọc lại bài thơ tôi cũng thấy lòng mình ấm áp, tràn ngập niềm vui lâng lâng, khó tả. Bài thơ đã giúp ta hiểu được thế nào là tình đồng chí, đồng đội, tình yêu của những người cùng chung lí tưởng. Đọc bài thơ, ta gặp được những anh bộ đội Cụ Hồ ở khắp miền đất nước, nào là nơi "nước mặn, đồng chua", nào là nơi "đất cày lên sỏi đá". Họ là những người chẳng quen nhau nhưng vì tình yêu Tổ quốc mà đến với nhau, cùng chia ngọt sẻ bùi với nhau. Rồi họ trở thành những người tri kỉ, những người đồng chí thân thiết.*

Phần lớn những anh bộ đội Cụ Hồ là những người nông dân mặc áo lính. Trước khi vào bộ đội, họ đã khổ, nhưng khi vào bộ đội rồi họ cũng chẳng có gì sung sướng hơn. Áo

của họ rách vai, quần của họ có nhiều mảnh vá, chân không giày mà lại phải sống ở nơi "rừng hoang sương muối", bị những cơn sốt run người hoành hành. Vất vả, gian khổ, thiếu thốn đủ mặt nhưng có điều đọc cả bài thơ vẫn không tìm thấy một lời thở than hay những ý nghĩ dao động. Trái lại, bao trùm lên cuộc sống của họ vẫn là tình đồng chí keo sơn, là niềm tin tất thắng. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" vừa có cái chất của hiện thực nhưng cũng lại vừa có cái chất của lãng mạn. Đây là một hình ảnh đẹp bao trùm lên cả bài thơ, toả ánh sáng khắp cả bài thơ, xua tan đi cái ớn lạnh của sương muối, sưởi ấm lòng người chiến sĩ giữa đêm đông lạnh buốt với những cơn sốt rét hoành hành dữ dội. Đây là hình ảnh đẹp thể hiện được tư thế sẵn sàng chiến đấu cũng như tinh thần lạc quan cách mạng của anh bộ đội Cụ Hồ.